

Hoa Nghiêm Kinh Yếu Giải

華嚴經要解

宋溫陵白蓮寺比丘戒環集

Đời Tống, tỳ-kheo Giới Hoàn chùa Bạch Liên ở Ôn Lăng biên
tập

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo chánh: Đức Phong và Huệ Trang

Thay lời dẫn nhập

Khi bộ Di Đà Sớ Sao được chuyển ngữ, một đồng tu quen biết chúng tôi đọc xong tác phẩm ấy, đã vô cùng hâm mộ kinh Hoa Nghiêm. Nhất là sau khi phẩm Tịnh Hạnh được chuyển ngữ, chị càng ao ước có một tài liệu khái lược kinh Hoa Nghiêm hòng dễ ghi nhớ, góp phần củng cố niềm tin nơi Tịnh Độ. Tuy bộ Hoa Nghiêm Kinh Sớ Sao của ngài Thanh Lương đã có bản dịch tiếng Việt, nhưng theo chị, văn chương của Tổ quá cô đọng, cao huyền, bản dịch tiếng Việt thiếu hẳn chú thích, lời văn lại không trôi chảy, rõ ràng cho lắm, khiến cho nhiều chỗ chị đọc đi đọc lại mà không hiểu ý Tổ muốn dạy điều gì. Bài giảng kinh Hoa Nghiêm của Hòa Thượng Tịnh Không lại quá dài, quá rộng, nên nghe giảng xong, rất khó nắm vững và ghi nhớ ý chính trong mỗi phẩm kinh. Hơn nữa, cho đến nay, lão hòa thượng giảng kinh Hoa Nghiêm chưa hoàn tất, mà những phần Hòa Thượng đã giảng cũng chưa được chuyển ngữ đầy đủ. Do đó, muốn học thấu đáo kinh Hoa Nghiêm đã khó, lại càng khó hơn. Vô tình, chúng tôi tìm thấy bản Hoa Nghiêm Kinh Yếu Giải của pháp sư Giới Hoàn đời Tống vừa ngắn gọn, vừa hệ thống hóa giáo nghĩa trong kinh Hoa Nghiêm khá đơn giản và rành rẽ, nên đánh liều dịch ra. Ưu điểm của tác phẩm này là đã nêu ra

những điểm chánh yếu của mỗi phẩm, vạch ra rành rẽ cấu trúc của kinh, khiến cho người đọc gần như có một tấm bản đồ về Hoa Nghiêm trong tay. Điểm đáng tiếc là có những giáo nghĩa hết sức đặc sắc như tứ pháp giới vô ngại, thập huyền môn... lại hoàn toàn không được ngài Giới Hoàn nhắc tới. Chúng tôi chỉ hy vọng bài chuyên ngữ thô lậu này sẽ giúp cho những ai căn cơ hèn kém như chúng tôi dễ nắm được những ý chính của kinh Hoa Nghiêm để rồi khi có cơ duyên đọc bộ Hoa Nghiêm Kinh Sớ Sao sẽ thấy dễ hiểu hơn.

Mùa Vu Lan năm 2018, Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa kính bạch.

Lời mở đầu

Mùa Đông năm Canh Tuất, tiên sư là lão hòa thượng Minh Quán thị tịch, ngoài chuyện bận bịu lo liệu tang ma, buồn thương, lo nghĩ vẩn vít nhiều nỗi. Do vậy, nhớ lại trong các trước tác do thầy để lại, đã từng ghi chép khi Ngài hành hóa tại Chiết Đông, có hành trì, tu tập Hoa Nghiêm đạt được cảnh giới thần diệu chẳng thể nghĩ bàn, ngay lập tức dậy khởi phép Quán, nghiệp tận, tình không, rỗng rang vô ngại. Do vậy, tôi liền ân cư tại giảng đường Quang Minh ở Hương Cảng, đọc tụng đại kinh để hồi hướng cho thầy tôi, vừa đọc, vừa ghi chép để giúp cho việc cầu học, nghiên cứu, và cũng tra duyệt toàn bộ các trước thuật thuộc loại biên tập những điểm trọng yếu trong kinh Hoa Nghiêm để làm tài liệu tham cứu. Trong số đó, có bộ Hoa Nghiêm Yếu Giải của tỳ-kheo Giới Hoàn ở Ôn Lăng đời Tống, giải thích khéo léo, ý nghĩa phong phú, đọc đi đọc lại chẳng chán. Do vậy, tôi vội đem in ra nhằm mong giúp đỡ người đọc sau này, tôi cũng đem chương Hoa Nghiêm Tam Muội của quốc sư Hiền Thủ^[1] in ghép vào sau, hòng cùng mở toang kho báu vậy.

Tháng Mười Một năm Phật lịch 2514 (1971), Thích Linh Chân viết tại Chân Lô núi Đại Dự.

**Đại Phương Quảng Phật
Hoa Nghiêm Kinh Yếu Giải**
Tổng Ôn Lăng Bạch Liên Tự tỳ-kheo Giới Hoàn tập
大方廣佛華嚴經要解
宋溫陵白蓮寺比丘戒環集

(Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh Yếu Giải
Đời Tống, tỳ-kheo Giới Hoàn chùa Bạch Liên biên soạn)

Giới Hoàn đã từng vì Hoa Nghiêm hải tạng mênh mông khó thể thấu đạt mà đọc đi đọc lại bộ Sớ Luận của Phương Sơn trưởng giả (Lý Thông Huyền), [nhờ bộ sớ luận ấy đã] trình bày những ý nghĩa trọng yếu tổng quát, sớ giải cặn kẽ ý chỉ của kinh, tôi mới hơi biện định được đầu mối. Kế đó, nhờ biên tập bộ Tu Chứng Nghi của thiền sư Quả Minh đời Thanh mà hiểu đại lược sự biểu thị pháp của các thánh hiệu, nhiều lần thưa hỏi bậc hiền năng thông đạt, nguyện thấu suốt tận cùng điểm sâu màu trong chín hội. Vì thế, đã đem bộ Cương Yếu của quốc sư Thanh Lương đối chiếu với Sớ Luận [của Lý Trưởng Giả], soạn riêng thành tác phẩm chú giải này, chủ yếu là dựa theo ý của ngài Phương Sơn, phụ trợ bằng những luận thuyết của ngài Thanh Lương, tham cứu thấu suốt tám vạn bốn ngàn chữ trong cả tạng, ngõ hầu người đọc sẽ chẳng khác gì mổ lấy đại kinh trong một vi trần, thấy pháp giới trong một cái khảy ngón tay vậy!

Ngày Thượng Nguyên (Rằm tháng Giêng) năm Mậu Thân (1128) trong niên hiệu Kiến Viêm^[2].

I. Giải thích về huyền nghĩa

Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh chỉ thẳng đức dụng vốn chân thật của Phật Tánh mà Phật và chúng sanh đều bình đẳng, ba đời chư Phật cùng chứng, mười phương Bồ Tát cùng tu, các bậc thánh trong đại thiên thế giới đều tôn trọng, chúng sanh trong pháp giới đều cùng trọn đủ vậy.

Khi Thích Ca Như Lai vừa mới thành Chánh Giác, muốn nêu rõ cái nhân đã tu và cái quả đã chứng, muốn khiến cho ai nấy đều cùng tu, cùng chứng, cho nên Ngài đã hiện thân Lô Xá Na cao ngàn trượng để diễn nói. Văn Thù Bồ Tát và ngài A Nan đã kết tập kinh này trong biển vây quanh núi Thiết Vy; do đối ứng với các căn cơ thượng, trung, hạ, bèn chia thành ba bộ. Thượng bộ có mười ba ngàn đại thiên thế giới vi trần số kệ^[3], một tứ thiên hạ vi trần số phẩm. Trung bộ có bốn mươi chín vạn tám ngàn tám trăm bài kệ, một ngàn hai trăm phẩm. Hạ bộ có mười vạn bài kệ và bốn mươi tám phẩm, đều do một âm thanh diễn bày, mà [chúng sanh trong mười phương pháp giới] tùy theo từng loài, sẽ hiểu biết riêng biệt:

1) Bậc thượng căn nghe kinh này, sẽ xứng tánh trọn khắp, sát độ nói, vi trần nói, dày đặc chẳng gián đoạn, ngay cả số vi trần trong các cõi nước khắp đại thiên thế giới vẫn chưa đủ để diễn tả trọn hết được, chỉ dùng những danh xưng ấy để diễn tả số lượng quá nhiều đó thôi!

2) Hàng trung căn nghe kinh này, chỉ ngộ giải kinh được nói trong hội này, chưa thấu đạt tột cùng những giáo pháp được diễn tả nhiều như số các vi trần trong cõi nước. Vì thế, số kệ và số phẩm ít hơn.

3) Kẻ hạ căn nghe kinh này, [sẽ chỉ thấu hiểu] những ý nghĩa hạn cuộc trong ngôn từ, kiến giải có hạn lượng. Do vậy, chỉ gồm mười vạn kệ, [hợp thành] bốn mươi tám phẩm. [Hạ bộ] truyền đến [Trung Hoa] chẳng đầy đủ, nay kinh này [trong Đại Tạng Kinh] chỉ có bốn vạn năm ngàn kệ, ba mươi chín phẩm.

Thuở trước, sau khi đã kết tập, kinh được ẩn kín trong cung rồng, Long Thọ Bồ Tát vận thân thức vào kho tàng trong biển, thấy hai bộ trước (thượng bộ và trung bộ) minh mang như biển thẳm, nhân gian chẳng thể thấu hiểu được, bèn học thuộc hậu bộ (hạ bộ), đem về Ngũ Thiên Trúc. Do vậy, kinh được truyền tới Trung Hoa. Tuy kinh văn phức tạp, nghĩa lý minh mông, lý tốt cùng pháp giới, sự cùng tốt số vi trần trong cõi nước, nhưng đều nhằm nêu tỏ đức năng cố hữu nơi tự tánh của con người.

Bởi lẽ, Đại Phương Quảng là Thể, muôn vật đều thành tựu viên mãn, chỉ vì hạn cuộc bởi tình thức, cho nên bị bó buộc, nhỏ hẹp. Phật Hoa Nghiêm là Hạnh, ai nấy vốn sẵn có, chỉ vì chìm đắm trong trần lao, mà đánh mất Hoa Nghiêm! Kinh này chẳng rời khỏi thức tình, thị hiện biến trí, từ ngay trong các trần lao, ô at hưng khởi các diệu dụng. Viên chứng ngay trong một niệm chính là cái Thể Đại Phương Quảng. Cái hạnh Phật Hoa Nghiêm hiện tiền ngay tại nơi ấy, chẳng do gì khác mà đạt được! Tín có nghĩa là [tin tưởng Hạnh và Thể ấy] vốn sẵn có trong tự tánh, đây chính là điều trọng yếu được diễn tả, chỉ bày trong kinh này, chớ nên không thấu đạt vậy.

Những điều được diễn đạt trong kinh này lấy Tỳ Lô Pháp Thân làm Thể, lấy diệu trí Văn Thù làm Dụng. Nương vào Trí để đoạn Tập, tức là dùng diệu hạnh Phổ Hiền làm cái nhân. Tập đã hết, Trí sẽ vẹn toàn, tức Di Lặc Bồ Xứ là quả. Chỗ trọng yếu trong bản thể của cả một tạng kinh (kinh Hoa Nghiêm) chẳng ngoài bốn điều này. Vì thế, coi đức Tỳ Lô (Tỳ Lô Xá Na Phật) là giáo chủ, cho nên lập ra Thể. Do ngài Văn Thù đứng đầu nơi Tín, cho nên đẩy lên Dụng. Dùng ngài Phổ Hiền để phát khởi hạnh, cho nên chỉ bày cái nhân. Khởi đầu từ Thập Tín, kết thúc bằng ngũ vị (Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hương, Thập Địa, Đẳng Giác), bèn thấy Di Lặc. Do vậy, nêu bày cái quả. Nhưng Thể, Dụng, nhân, quả át nương vào Tỳ Lô, Văn Thù, Phổ Hiền, Di Lặc, vì lẽ nào vậy?

Tỳ Lô Xá Na (毗盧舍那, Vairocana) trong tiếng Phạn, cõi này dịch là Quang Minh Biến Chiếu (光明遍照), nơi Phật là Pháp Thân thanh tịnh, nơi con người thì là diệu tánh bốn giác. Hoa Nghiêm lấy điều này làm Thể, nhằm thẳng thừng muốn cho chúng sanh thấy diệu tánh mà chứng Pháp Thân.

Văn Thù Sư Lợi (文殊師利, Mañjuśrī) trong tiếng Phạn, cõi này dịch là Diệu Đức (妙德), nơi Phật thì là phổ quang đại trí, nơi người thì là quán sát diệu tâm. Hoa Nghiêm dùng điều này làm Dụng, nhằm thẳng thừng muốn cho chúng sanh hiểu rõ diệu tâm mà chứng đại trí.

Phổ Hiền (普賢, Samantabhadra): Đức không gì chẳng trọn khắp là Phổ (普), giúp bậc thượng lẫn lợi lạc bậc hạ thì gọi là Hiền (賢). Nơi Phật thì là chân tịnh diệu hạnh, nơi người thì là nghiệp dụng trần lao. Hoa Nghiêm dùng điều này làm nhân là vì thẳng thừng muốn cho chúng sanh chuyển trần lao thành diệu hạnh.

Di Lặc (彌勒, Maitreya) trong tiếng Phạn, cõi này dịch là Từ Thị (慈氏), nơi Phật thì là bậc đứng đầu hàng Bồ Xứ [Bồ Tát], nơi người thì là cái thân lấy bỏ. Hoa Nghiêm dùng điều này làm quả là vì thẳng thừng muốn cho chúng sanh lìa sự lấy bỏ để hướng đến Bồ Xứ.

Như vậy thì đối với Thể, Dụng, nhân và quả của Hoa Nghiêm, chư Phật và chúng sanh như một, nhưng chư Phật ứng hợp giác, chúng sanh ứng hợp trần lao, cho nên có sự cách biệt. Nếu đối với kinh này, một niệm phản chiếu, diệt trần lao, ứng hợp giác, ắt sẽ gạt bỏ phàm nhập thánh ví như lật bàn tay, Tỳ Lô, Văn Thù, Phổ Hiền, Di Lặc của chính mình sẽ hiển hiện trọn vẹn ngay nơi đây, đó gọi là “*khi mới phát tâm liền thành Chánh Giác*” thật sự chẳng sai!

II. Giải thích tựa đề kinh

Đại Phương Quảng Phật (大方廣佛) là nêu ra bốn trí. Hoa Nghiêm Kinh (華嚴經) là nói đến diệu hạnh. Bốn trí chính là Phật Tánh bình đẳng. Diệu hạnh là đức dụng vốn chân thật.

1) “*Đại*” là nói đến cái Thể tốt cùng, không có gì ra ngoài được, các loài hàm linh xuân động^[4], hiền hay ngu thảy đều sẵn có.

2) “*Phương*” là nói đến pháp giới tương đồng, chánh đáng, bình đẳng, chẳng đời đời, bất động.

3) “*Quảng*” là nói đến Dụng (tác dụng, công dụng) bằng với thái hư, chứa đựng trọn khắp, không chỗ nào ngăn ngại.

4) “*Phật*” chính là quả hiệu (果號, danh hiệu nơi cái quả) của bốn trí.

6) “*Hoa*” là cái nhân của vạn hạnh; do đối ứng với quả mà nói là hoa.

7) “*Nghiêm*” là dùng cái nhân hoa ấy để trang nghiêm quả Phật. Tâm dứt bật mà chiếu xa, chẳng trang nghiêm mà trang nghiêm. Sau đây, phước, trí, hạnh, nguyện, mười đức viên mãn, bèn chứng mười thân Tỳ Lô Giá Na. Ngài Thanh Lương nói: “*Đại Phương Quảng là pháp để chứng. Phật Hoa Nghiêm chính là người có thể chứng [cái pháp ấy]*”. Pháp được chứng ấy chẳng rời bốn trí. Người có thể chứng pháp ấy chẳng rời diệu hạnh, do chúng cùng một đạo vậy.

8) “*Kinh*” là xuyên suốt, thấu tóm pháp đã được giảng nói, là cái Thể nhất định, muôn đời chẳng thay đổi.

Kinh này được đặt tên [theo phương cách] “*trước quả, sau nhân*”, lại còn cùng nêu lên [cả hai], vì sao? [Đặt tên kinh theo phương thức] “*trước quả, sau nhân*” nhằm nêu bày quả Phật, trước hết là nêu ra cái vốn sẵn có, đặc biệt nhờ vào nhân hoa trang nghiêm mà sau đây được hiển lộ rõ rệt. “Cùng nêu lên” là muốn cho nhân và quả giúp lẫn nhau; bởi lẽ, chẳng có quả thì nhân chẳng thể lập được; không có nhân thì quả chẳng

do đầu mà thành. Do vậy, kinh này trước hết là nêu ra cái quả để khuyên tu, kế đó, lại nêu ra cái hạnh dẫn đến cái quả. Từ tựa đề, có thể thấy được cái Thể của một bộ kinh.

III. Khoa giải (giảng giải theo từng khoa một)

3.1. Thập Hội

Bốn mươi phẩm kinh, đại lược chia thành ba phần là Tụ, Chánh Tông và Lưu Thông:

a) Phẩm Thế Chủ Diệu Nghiêm là Tụ Phần.

b) Từ phẩm Như Lai Hiện Tướng trở đi là Chánh Tông Phần.

c) Từ phẩm Như Lai Xuất Hiện trở đi là Lưu Thông Phần. Ngài Thanh Lương cho rằng từ câu: “*Nhĩ thời, Văn Thù tùng Thiện Trụ Lô Các xuất*” (Lúc bảy giờ, ngài Văn Thù ra khỏi Thiện Trụ Lô Các) của phẩm Nhập Pháp Giới trở đi là Lưu Thông Phần.

Trong ba khoa, mỗi khoa đều có ngũ vị pháp môn, gọi là “*tam châu nhân quả, nhị chủng thường đạo*” (ba vòng nhân quả, hai loại thường đạo).

3.1.1. Ngũ vị pháp môn (五位法門)

Là Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hội Hương, Thập Địa, Thập Nhất Địa (Đẳng Giác).

3.1.2. Tam châu nhân quả (三周因果)

a) Từ phẩm đầu tiên là Thế Chủ [Diệu Nghiêm] cho đến phẩm Tỳ Lô Xá Na, sáu phẩm ấy hợp thành một châu (周), chính là đức Phật đã tự phân định nhân quả của ngũ vị, tức là

phần “*cử quả khuyến tu kiến đạo*” (舉果勸修見道, nêu ra cái quả, khuyến tu hòng thấy đạo).

b) Từ hội thứ hai tới hội thứ tám, tức là từ phẩm Phật Danh Hiệu cho đến phẩm Như Lai Xuất Hiện gồm ba mươi hai phẩm, hợp thành một châu, chính là tấn tu theo nhân quả của ngũ vị. Đây chính là phần Thiết Pháp Trì Tập Tu Chứng (設法治習修證, lập bày cách đối trị tập khí hòng tu chứng). Hội thứ chín tức phẩm Ly Thế Gian nói rõ thường đạo (đạo thường hằng) lợi lạc chúng sanh sau khi đã chứng quả, thông với phần Thiết Pháp Trì Tập Tu Chứng.

c) Hội thứ mười tức phẩm Nhập Pháp Giới, Thiện Tài đi về phương Nam, từ đầu đến cuối [phẩm ấy] hợp thành một châu, nhằm phô bày trọn vẹn nhân quả của ngũ vị và ân cần khuyến nhủ. Đây là phần Khử Ngôn Y Hạnh Viên Chương Pháp Giới (去言依行圓彰法界, dứt bỏ ngôn từ, nương theo hạnh, hòng phô bày trọn vẹn pháp giới).

3.1.3. Nhị chủng thường đạo

1) Phẩm Ly Thế Gian là “cùng ở trong cõi trần mà chẳng nhiễm”, đó là thường đạo lợi lạc chúng sanh.

2) Phẩm Nhập Pháp Giới là vong tu tuyệt chứng (忘修絕證, quên bẵng và dứt bật tu lần chứng), đây là thường đạo nơi Phật quả.

Đây chính là [cách phân định] khoa mục chung của cả tạng kinh. Ngài Thanh Lương coi sáu phẩm thuộc hội đầu tiên là phần Cử Quả Khuyến Nhạo Sanh Tín (舉果勸樂生信, nêu ra cái quả để khuyến lơn hãy ưa thích, sanh lòng tin), từ hội thứ hai tới hội thứ bảy gồm ba mươi một phẩm là phần Tu Nhân Khé Quả Sanh Giải (修因契果生解, tu nhân phù hợp với quả, sanh trưởng sự giải ngộ), một phẩm Ly Thế Gian chính là phần Thác Pháp Tấn Tu Thành Hạnh (托法進修成行

, nương vào pháp tấn tu để thành tựu hạnh), phẩm Nhập Pháp Giới là phần Y Nhân Chứng Nhập Thành Đức (依人證入成德, nương vào người chứng nhập hồng thành tựu đức), tức là đều dùng bốn chữ “*Tín, Giải, Hành, Chứng*” để phán định trọn hết một bộ kinh.

Nói “*kinh gồm có mười hội, bốn mươi phẩm*”, tức là nói tới sự biểu thị pháp trong kinh này, bao gồm mười chỗ, mười hội, nhằm diễn giảng các pháp tu chứng Thập Tín, Thập Địa v.v... Mỗi pháp đều dùng mười loại đại chúng tương xứng với Thập Ba La Mật. Đối với mỗi điều, đều nói là “mười” vì “mười” là con số viên mãn. Do đó, [kinh này luôn dùng số mười] nhằm phô bày trọn vẹn đốn pháp.

- 1) Hội thứ nhất tại Bồ Đề Tràng gồm sáu phẩm.
- 2) Hội thứ hai tại Phổ Quang Điện gồm sáu phẩm.
- 3) Hội thứ ba tại Đạo Lợi Thiên gồm sáu phẩm.
- 4) Hội thứ tư tại Dạ Ma Thiên gồm bốn phẩm.
- 5) Hội thứ năm tại Đâu Suất Thiên gồm ba phẩm.
- 6) Hội thứ sáu tại Tha Hóa Thiên gồm một phẩm.
- 7) Hội thứ bảy tại Tam Thiên Thiên gồm một phẩm.
- 8) Hội thứ tám tại Phổ Quang Điện gồm mười một phẩm.

9) Hội thứ chín tại Phổ Quang Điện gồm một phẩm.

10) Hội thứ mười tại vườn Cấp Cô Độc gồm một phẩm.

Đây là “*mười hội, mười chỗ, bốn mươi phẩm*”. Hoặc nói là “*bảy chỗ, chín hội*”, vì Phổ Quang Điện bao gồm ba hội, cho nên bớt đi hai chỗ, do phần kinh văn [chép về pháp được giảng tại] Tam Thiên Thiên bị khuyết, nên lại giảm bớt một hội và một chỗ. Nhưng dầu [nói là] “mười hội, mười chỗ”, chẳng rời điện Đại Trí Phổ Quang, đây là kinh đô của Pháp Giới Hoa Tạng. Nói “*một chỗ, một hội*” chỉ là thuận theo hành tướng để tấn tu, nhờ vào địa vị để biểu thị pháp, chẳng phải là như trong tình kiến mà có tướng trước sau, qua lại. Do vậy, từng đoạn trong kinh luôn nói “*lúc bấy giờ, đức*

Thế Tôn chẳng rời Phổ Quang Minh Điện tại Bồ Đề Tràng mà thăng lên nơi nào đó”.

3.2. Tam châu nhân quả

3.2.1. Độ nhất châu

Đức Phật tự phân định nhân quả của ngũ vị đề khuyến tu là pháp được nói trong sáu phẩm đầu tại Bồ Đề Tràng, hiển lộ đức Phật đã tự mình tu nhân từ bao kiếp lâu xa và những sự lợi sanh (lợi lạc chúng sanh) để trang nghiêm thanh tịnh các sát hải^[5] nhằm khuyến tấn hàng hậu học, khiến cho họ trông thấy những sự ứng tích chân thật, bèn phát tâm tấn tu. Ngài Thanh Lương phân định phần này thuộc về phần Cử Quả Khuyến Nhạo Sanh Tín (nêu ra cái quả để khuyến ưa thích, sanh lòng tin) cũng là cùng một ý nghĩa. [Phần này gồm các phẩm], một là phẩm Thế Chủ Diệu Nghiêm, hai là phẩm Như Lai Hiện Tướng, ba là phẩm Phổ Hiền Tam Muội, bốn là phẩm Thế Giới Thành Tựu, năm là phẩm Hoa Tạng Thế Giới, sáu là phẩm Tỳ Lô Xá Na.

3.2.1.1. Phẩm Thế Chủ Diệu Nghiêm

Đầu tiên là phẩm Thế Chủ Diệu Nghiêm (世主妙嚴) chính là phần Thông Tự để phát khởi mười hội, [giới thiệu đại lược] các vị Bồ Tát trong hội Hoa Nghiêm. Hội này được nói tại Bồ Đề Tràng, nêu rõ những sự tu chứng từ bao kiếp lâu xa. Vì thế, phải nói tại Bồ Đề Tràng. Chỉ có Phổ Hiền Hạnh thì mới có thể chứng nhập, cho nên phải cậy vào Phổ Hiền Bồ Tát khởi xướng. Chư thần, chư thiên đều được gọi là Thế Chủ (世主, chúa tể của thế gian), ý nói các Ngài đã dùng phước đức và thần lực để chủ trì bảo hộ thế gian. Trong hội Hoa Nghiêm, nói chung có bốn mươi một loại đại chúng. Trước hết là [mỗi loại đại chúng] nhóm họp tại pháp hội, mỗi loại

đều nói kệ tán thán, nhằm tỏ lộ đức Như Lai khi còn tu nhân đã tu pháp môn ngũ vị. Mỗi một loại đại chúng đều rộng lớn như biển cả, oai đức lừng lẫy. Mười thân của đức [Tỳ Lô] Xá Na rạng ngời viên dung, cùng trang nghiêm pháp hội. Vì thế, có tên là phẩm Diệu Nghiêm.

Phẩm này trước hết nói Bồ Đề Tràng là chỗ [đức Phật] thành Chánh Giác, và [miêu tả] tòa sư tử [của đức Phật] được trang nghiêm bằng các món báu. [Trong mỗi món báu] lần lượt hiện cảnh tượng [trong những món báu khác]. Đức Phật ngự trên tòa báu, thành Chánh Giác tột cùng, trí nhập ba đời, thân trọn khắp mười phương. Ví như hư không chứa đựng trọn đủ các thứ hình tượng. Phẩm này nêu chung quả giác thù thắng, y báo và chánh báo thù thắng, đặc biệt, đức dụng vô biên. Kế đó, nói có bốn mươi một loại đại chúng nhóm họp trong pháp hội, biểu thị nhân quả ngũ vị của chính đức Phật, hòng làm cội gốc chánh yếu để tấn tu.

Trước hết, mười vị Bồ Tát như ngài Phổ Hiền họp thành một loại đại chúng, biểu thị pháp Thập Tín. Kế đó, mười vị Bồ Tát như Hải Nguyệt Quang Bồ Tát, Cháp Kim Cang Thần, Thân Chúng Thần, Túc Hành Thần, Đạo Tràng Thần, Chủ Thành Thần, Chủ Địa Thần, Chủ Sơn Thần, Chủ Lâm Thần, Chủ Dược Thần gồm mười loại đại chúng, biểu thị pháp Thập Trụ. Lại nữa, kế đó là Chủ Giá Thần (thần trông coi mùa màng) cho đến Chủ Trú Thần (thần trông coi ban ngày) gồm mười loại đại chúng, biểu thị pháp Thập Hạnh. Kế đó là từ A Tu La cho đến Nhật Thiên Tử gồm mười loại đại chúng biểu thị pháp Thập Hồi Hương. Kế đó, từ Tam Thập Tam Thiên cho đến Đại Tự Tại Thiên bao gồm mười loại đại chúng, biểu thị pháp Thập Địa. Các loại đại chúng ấy đã nhóm họp, mỗi loại đều có thể thuyết pháp, tán dương nêu rõ pháp hạnh ngũ vị mà Như Lai đã tu tập. Sau đây, các pháp tấn tu được lập ra, đều dựa vào chỗ này làm gốc. Vì thế, phẩm này là cội gốc chánh yếu để tấn tu.

Đầu tiên, kinh nêu ra đại chúng của pháp Thập Tín, có mười Phật sát vi trần^[6] số, Phổ Hiền Bồ Tát làm Thượng Thủ, nhằm biểu thị sự vô tận của Phổ Hiền Hạnh. [Mười vị Bồ Tát đứng đầu] đều có danh hiệu bắt đầu bằng chữ Phổ^[7], biểu thị hạnh Phổ Hiền viên dung. Những chữ sau chữ Phổ [trong danh hiệu của các vị ấy] nhằm biểu thị tự hạnh (自行, hạnh của chính mình) đều là cùng một đạo với chư Phật. Dùng các danh hiệu này để biểu thị Thập Tín đều là cùng một đạo với chư Phật, đều nương vào đại hạnh Phổ Hiền để phát khởi lòng tin, hòng làm cơ sở ban đầu để nhập pháp.

Kế đó là đại chúng biểu thị pháp Thập Trụ. Đầu tiên là Hải Nguyệt Quang, mười vị Bồ Tát khác tên^[8], biểu thị quả hạnh Thập Trụ. Ngay sau mười vị Bồ Tát có danh hiệu bắt đầu bằng chữ Phổ [của Thập Tín], nêu ra mười danh hiệu khác nhau [thuộc vào Thập Trụ], biểu thị nương vào Phổ Hiền Hạnh mà khởi lên các hạnh sai biệt. Kế đó, từ Cháp Kim Cang cho đến Chủ Dược Thần bao gồm chín loại đại chúng nhằm biểu thị nhân hạnh của Thập Trụ. Mỗi chúng đều có Phật sát trần số người, đều nhằm biểu thị sự viên dung của mỗi địa vị ấy:

- Cháp Kim Cang biểu thị ứng thân hộ pháp, giữ cho những pháp chánh đáng chẳng bị hư hoại.
- Thân Chúng Thần (身衆神) biểu thị dùng vô lượng thân để phụng sự vô lượng Phật.
- Túc Hành Thần (足行神) biểu thị các hạnh trọn đủ, thuận theo chánh đạo.
- Đạo Tràng Thần (道場神) biểu thị đại nguyện trang nghiêm, hưng khởi sự cúng dường rộng lớn.
- Chủ Thành Thần (主城神) biểu thị khéo thủ hộ tâm thành, trang nghiêm, thanh tịnh Phật quốc.
- Chủ Địa Thần (主地神) biểu thị nguyện lực sâu nặng, thành tựu quần sanh.

- Chủ Sơn Thần (主山神) biểu thị sự tích tập thiện căn, xuất thế cao trời, thù thắng.

- Chủ Lâm Thần (主林神) biểu thị trí làm hạnh hoa, thuyết pháp rộng khắp.

- Chủ Dược Thần (主藥神) biểu thị sự hiểu biết căn tánh, khéo cứu vớt, sử dụng pháp dược.

Quả Thập Trụ rất nhiều, khởi đầu bằng Hải Nguyệt Quang Đại Minh [Bồ Tát], biểu thị sự bao dung, cứu tế rộng khắp, trừ phiền não, mở mang giác ngộ; vị Bồ Tát cuối cùng là Đại Phước Quang Trí Sanh, biểu thị lợi hạnh minh túc, chắc chắn sẽ thành tựu Chứng Trí, đều là hạnh để thành tựu đức vậy. Cái nhân của Thập Trụ cũng rất nhiều, khởi đầu là Cháp Kim Cang, biểu thị giữ gìn chánh pháp bất hoại, kết thúc bằng Chủ Dược Thần, biểu thị sự hiểu biết căn cơ, khéo cứu tế, đều là các hạnh để thăng tấn vậy. “*Thần*” biểu thị trí thông thấu vạn hữu, không tạo tác mà ứng hiện. Dùng trí thông thấu ấy, nương vào chỗ trụ của Phật, thoát đầu là giữ gìn chánh pháp, cuối cùng là khéo cứu tế, chẳng nghĩ, chẳng làm, ngầm tiến nhập đạo này. Do vậy, thành tựu hải nguyệt đại phước quả.

Thập Trụ thì địa vị đầu tiên có tên là Sơ Phát Tâm Trụ. Trước hết, dùng loại đại chúng thuộc về quả (tức mười vị Bồ Tát do Hải Nguyệt Quang Đại Minh Bồ Tát làm Thượng Thủ) để biểu thị “*khi mới phát tâm liền thành Chánh Giác*”. Những loại đại chúng khác (từ Cháp Kim Cang Thần trở đi) lần lượt biểu thị danh hiệu [của các địa vị trong] Thập Trụ, và cũng lần lượt biểu thị Thập Ba La Mật. Trong luận (Hoa Nghiêm Sơ Luận) đã nói tường tận. Nhưng đối với mỗi loại đại chúng, đều nêu ra mười danh hiệu, biểu thị mỗi Ba La Mật lại trọn đủ cả mười loại Ba La Mật, viên dung nhiếp lẫn nhau, trùng trùng vô tận. Đây là diệu dụng của một tánh, là bản thể của muôn pháp. Trong cùng một loại đại chúng, lại có tên khác nhau, [biểu thị] do tùy theo từng địa vị, hạnh sẽ khác

nhau. Vì vậy, sự biểu thị pháp cũng sai khác, cốt ý là sự viên dung thông đạt rộng rãi. Nếu vương mắc nơi một pháp, hạnh sẽ chẳng thể thông suốt trọn khắp, trí chẳng thể sáng thêm, không có gì để trọn đủ vô tận hạnh, không có gì để thành tựu cái quả Chứng Trí. Từ Cháp Kim Cang Thần cho đến các vị rồng, trời, quỷ, đều là hàng Bồ Tát tùy thuận cảm ứng mà thị hiện hình tích đủ mọi loài khác nhau, chẳng phải là quỷ thần thật sự.

Kế đó là đại chúng biểu thị pháp Thập Hạnh:

- Đầu tiên là Chủ Giá Thần (主稼神, thần trông coi mùa màng), biểu thị dùng pháp tư lương để thành tựu chúng sanh.

- Chủ Hà Thần biểu thị: Mạnh mẽ làm cho chúng sanh trong sạch trọn khắp hồng lợi ích chúng sanh.

- Chủ Hải Thần biểu thị sự dung hội giữa thiện và ác, đều vào giòng pháp.

- Chủ Thủy Thần biểu thị tùy theo từng loại chúng sanh mà thâm nhuần, lợi ích họ, có thể gột sạch các trần cấu.

- Chủ Hỏa Thần biểu thị tùy duyên phát quang, phá trừ ám chướng.

- Chủ Phong Thần biểu thị dùng trí bình đẳng diệt tan ngã mạn.

- Chủ Không Thần (主空神, thần trông coi hư không) biểu thị sự sáng sạch rộng lớn, vạn hạnh chẳng vương mắc.

- Chủ Phương Thần (主方神, thần trông coi mười phương) biểu thị trí chiếu mười phương, viên mãn đại thiên thế giới.

- Chủ Dạ Thần biểu thị dùng trí soi sáng đêm dài sanh tử.

- Chủ Trú Thần (主晝神, thần trông coi ban ngày) biểu thị nhất tâm chẳng biếng trễ, xiển minh Phật nhật.

Kế đó, mười loại đại chúng [kể từ] Chủ Giá Thần [cho đến Chủ Trú Thần] biểu thị mười hạnh, nhằm chỉ bày “từ Trụ mà khởi Hạnh”. Đây chính là nhân quả của việc lợi lạc chúng

sanh. Trong phần trước, dùng các vị Bồ Tát để biểu thị cái quả, dùng các loại thần để biểu thị cái nhân. Nhưng ở đây, từ đầu đến cuối đều dùng các loại thần để biểu thị, hòng chỉ bày pháp Thập Hạnh, [hàm ý] “*nhân chính là quả, quả chính là nhân*”, là địa vị chuẩn bị tư lương cho Nhất Thừa. Ấy là vì dùng Thập Hạnh của Phật quả để giúp đỡ đại tâm chúng sanh tiến nhập địa vị Phật, giúp đỡ hàng kiến đạo Bồ Tát trưởng dưỡng lòng đại bi. Đây chính là ý nghĩa “*nhân và quả bổ trợ cho nhau*”.

Trong tam thừa thì nói [các địa vị] Tín, Trụ, Hạnh, Hướng là bốn loại tư lương thuộc về Địa Tiên (trước khi chúng nhập quả vị Sơ Địa), từ Sơ Địa trở lên là gia hạnh của Kiến Đạo. Kinh này (kinh Hoa Nghiêm) chẳng giống như vậy, kể từ địa vị Thập Tín cho đến sơ tâm (Sơ Trụ, tức địa vị Sơ Phát Tâm Trụ) trong Thập Trụ, đều gọi là Kiến Đạo; các địa vị Trụ, Hạnh, Hướng đều gọi là Gia Hạnh, đều là tư lương. Ba thứ ấy (kiến đạo, tư lương, gia hạnh) cùng tồn tại, bổ trợ và phát khởi lẫn nhau; bỏ mất một thứ, sẽ dính dáng Tiểu Thừa, chẳng phải là pháp viên đốn. Cần phải dùng cái quả để trang nghiêm cái nhân, dùng cái nhân để trang nghiêm cái quả hòng thành tựu Phật Hoa Nghiêm. Mười loại đại chúng này đều nhằm biểu thị ý nghĩa của hạnh lợi lạc chúng sanh. Kế đó, lần lượt biểu thị tên gọi [của các địa vị trong] Thập Hạnh, và cũng lần lượt biểu thị Thập Ba La Mật, và tùy theo từng địa vị mà hạnh khác nhau, nhiếp lẫn nhau viên dung, giống hệt như trong phần giải thích trước đó. Đối với những địa vị sẽ nói trong phần sau, cũng tuân theo cách này. Bởi lẽ, ngũ vị đều cùng tu Thập Ba La Mật, mà muôn hạnh của Bồ Tát đều chẳng rời điều này (Thập Ba La Mật).

Kế đến là đại chúng biểu thị pháp Thập Hướng (Thập Hồi Hướng):

- Đầu tiên là chúng Tu La biểu thị: Ở trong biên sanh tử, hòa đồng Chân và Tục.

- Chúng Ca Lô La biểu thị dùng đại phương tiện cứu bạt chúng sanh.

- Chúng Khẩn Na La biểu thị chẳng phải thánh, chẳng phải phàm, đồng hạnh tự tại.

- Chúng Ma Hầu La Già, biểu thị thủ hộ già-lam, cắt đứt lưới si.

- Chúng Dạ Xoa biểu thị thủ hộ, cứu tế chúng sanh đang sống khổ sở.

- Chúng trời rồng biểu thị dậy khởi pháp vân, pháp vũ, che chở, nhuần thấm.

- Chúng Cưu Bàn Trà biểu thị vào các đường, rủ lòng Từ lợi sanh.

- Chúng Càn Thát Bà biểu thị nương vào năm phần hương, khiến cho chúng sanh vui sướng.

- Chúng Nguyệt Thiên Tử biểu thị sự làm mát mẻ các nhiệt não, hiển hiện, phát khởi sự sáng ngời trên quý.

- Chúng Nhật Thiên Tử biểu thị ở địa vị cao mà lợi lạc những kẻ thấp hơn, chiếu soi muôn vật khiến cho được thành tựu.

Dùng mười loại đại chúng từ Tu La cho đến Nhật Thiên Tử biểu thị Thập Hương, do các địa vị trước đó là Thập Trụ và Thập Hạnh chỉ tu bi và trí xuất thế, chưa trọn hết hạnh “ở trong cõi tục lợi sanh”. Địa vị này là hồi Chân hương Tục, hồi Trí hương Bi, khiến cho Chân lẫn Tục đều được viên dung, Trí và Bi bất nhị, ở trong biển sanh tử, tự tại như vua. Địa vị càng cao, hạnh càng hạ thấp. Vì thế, thoát đầu dùng vua Tu La để biểu thị, cuối cùng là dùng Nhật Thiên Tử để biểu thị những chúng khác đều có các hạnh thuận theo địa vị.

Kế đó là hai loại đại chúng biểu thị pháp Thập Địa. Trước hết là năm loại thiên chúng thuộc Dục Giới:

1) Đầu tiên là Tam Thập Tam Thiên Vương khen ngợi rằng: “*Phát khởi phước nghiệp thế gian rộng lớn*”. Kinh ca ngợi phẩm đức của họ là “*đều siêng năng phát*”

khởi hết thấy các nghiệp rộng lớn trong thế gian”. Vị thiên vương này chính là Đế Thích, ngự trên Đao Lợi Thiên, có phước nghiệp rộng lớn, thiếu dục, tịnh cư, khiến cho thế gian ngưỡng mộ, nguyện cùng tu thiện hạnh. Điều này được nói là “phát khởi nghiệp rộng lớn”.

2) Thứ hai là Dạ Ma Thiên tán thán, kinh chép: “*Tu tập đại thiện căn, tâm thường trọn đủ*”. Luận^[9] viết: “*Cõi trời này ngày đêm thường sáng ngời, biểu thị đại trí. Có các đức diệu lạc, biểu thị pháp lạc*”.

3) Thứ ba là Đâu Suất Thiên tán thán, kinh chép: “*Siêng trì danh hiệu của hết thấy chư Phật*”. Luận chép: “*Đủ Giới, Định, Huệ, sẽ được sanh vào cõi trời này*”.

4) Bốn là Hóa Lạc Thiên tán thán, kinh chép: “*Đều siêng điều phục chúng sanh, khiến cho họ được giải thoát*”. Luận chép: “*Biến hóa để lợi lạc hết thấy, coi đó là niềm vui của chính mình*”.

5) Năm là Tha Hóa Thiên tán thán, kinh chép: “*Đều siêng tu tập pháp môn phương tiện tự tại rộng lớn*”. Luận chép: “*Biểu thị Bồ Tát biến hóa [hòng phụng sự] người khác để tự vui sướng*”.

Kế đó là năm loại thiên chúng thuộc Sắc Giới:

1) Sơ Thiên Đại Phạm Thiên tán thán, kinh chép: “*Từ bi thương xót chúng sanh, tỏa quang minh chiếu khắp, khiến cho họ được vui sướng*”. Luận chép: “*Ly dục thanh tịnh thì gọi là Phạm*”.

2) Nhị Thiên Quang Âm Thiên tán thán, luận viết: “*Cõi trời này đã diệt ưu khổ, thoát lìa thì trong miệng sanh ra quang minh, biểu thị giáo quang (教光, quang minh giáo hóa) hóa độ trọn khắp*”.

3) Tam Thiên Thiên Biên Tịnh Thiên tán thán, luận chép: “*Đã không có ưu khổ, chỉ có Thiên duyệt*”.

4) Tứ Thiên Quảng Quả Thiên tán thán, kinh chép: “*Dùng pháp tịch tĩnh làm cung điện*”. Luận chép: “*Phước đức rộng lớn là Quảng Quả*”.

5) Sắc Giới Đảnh Đại Tự Tại Thiên tán thán, kinh chép: “*Đều siêng quán sát pháp vô tướng, sở hành bình đẳng*”. Luận chép: “*Biểu thị viên mãn Thập Địa, vô tướng trí đã thành*”.

Những câu kinh vừa dẫn trên đây đều là lời lẽ tán thán phẩm đức, dùng mười loại thiên chúng để biểu thị Thập Địa, do từ Tam Hiền mà dự vào Thập Thánh^[10]. Đạo này sáng suốt tốt cùng, cho nên dùng Thiên để biểu thị, các nghĩa khác giống như trong phần trước. Điều này giống như trong hội Pháp Hoa, [cả hai kinh Hoa Nghiêm và Pháp Hoa] đều không có thiên chúng của Vô Sắc Giới, do thiên chúng trong các tầng trời ấy không có Sắc Uẩn, cho nên chẳng thể trông thấy. Trên đây là phần giải thích về đại chúng vân tập đã xong.

[Phẩm kinh này] gọi chung Thanh Văn, Bích Chi, Bồ Tát, Phật nhóm họp là Tứ Thánh, tức là các vị Thanh Văn làm Ảnh Hưởng Chúng trong hội pháp giới và các vị tỳ-kheo, tri thức. Trời, người, quỷ, súc sanh, lục đạo là Lục Phạm, tức là tám bộ thiên thần vân tập và tri thức thuộc thế tục. Các loại đại chúng đều đến nhóm họp. Dầu là các loài như Dạ Xoa, Ma Hầu La Già, Cưu Bàn Trà, quỷ, súc sanh, ai nấy đều cũng nói pháp môn này, đủ biết họ đều là những vị thánh nhân [trọn đủ] Tam Thân Tứ Trí quyền biến thị hiện vậy.

Pháp chúng đã nhóm họp, khi ấy, từ trong pháp tọa của đức Như Lai, trong hết thảy các vật trang nghiêm, mỗi thứ đều xuất hiện Phật sát trần số Bồ Tát, do những vị như Hải Huệ Tự Tại Thần Thông Vương v.v... làm Thượng Thủ. Mỗi vị đều hưng khởi sự cúng dường, nói kệ tán thán đức Phật, nhằm minh thị “*xưa nay cùng một đạo*” và khen ngợi pháp chúng vân tập, lại còn làm cái nhân để hiện tướng thuyết pháp. Đức Phật do sự tán thán, thỉnh cầu của họ, bèn phóng quang minh

từ giữa hai mày, hiện các tướng thù thắng, vì đại chúng thuyết pháp. Do vậy, kế tiếp bèn có phẩm Như Lai Hiện Tướng.

Luận (Tân Hoa Nghiêm Kinh Luận) coi các đại chúng trên đây biểu thị pháp ngũ vị, cho đến Thập Địa, chẳng có đại chúng biểu thị pháp Thập Nhất Địa (Đẳng Giác). Nay tôi đoán bừa rằng đại chúng loại này (Thập Nhất Địa) đã có cùng một đạo với chư Phật, cái đáng nên nêu bày là pháp thuộc về quả vị của Thập Nhất Địa, chứ chẳng cần bắt buộc phải nêu bày đại chúng biểu thị pháp ấy. Vì thế, kinh lược đi [không nói tới], hoặc là kinh văn chẳng nêu ra thánh hiệu của họ, nhưng xét theo phẩm vị, hễ địa vị phù hợp với phẩm vị thì sẽ bổ sung, hoặc nêu rộng rãi nhiều thánh hiệu nhằm biểu thị pháp duy nhất, hoặc có khi là do chẳng thể kể xiết, bèn nói đại lược, với dụng ý: Lời văn đơn giản mà ý nghĩa sáng tỏ, khiến cho người lễ tụng dễ vui thích hâm mộ, chẳng phiền chán.

Hơn nữa, sự giải thích hiện thời cũng là dựa theo pháp mà luận định để tóm gọn những nghĩa trọng yếu hòng nêu bày đại cương, hoặc là do ý nghĩa kinh văn ẩn tàng bèn dùng một quyển khác để nói kèm theo cho rõ. Hoặc là theo cách nói cũ, ngôn từ giản lược, cho nên chọn lọc những điều đã được nghe để lời văn được lưu loát, hoặc là tuân theo ý xưa để sửa đổi [ngôn từ] đôi chút, đều là chú trọng giải thích rành rẽ những điều tinh yếu, rõ ràng, ngõ hầu người nghiên ngẫm pháp vị sẽ dễ thấu đạt sâu xa, chẳng bị ngăn lấp, trở ngại vậy!

Những điều trên đây đều là nói về phẩm Thế Chủ Diệu Nghiêm thuộc Tự Phần đã xong (phẩm này gồm năm quyển).

3.2.1.2. Phẩm Như Lai Hiện Tướng

Phẩm Như Lai Hiện Tướng (如來現相) là khởi đầu của phần Chánh Tông. Trong phẩm này, Bồ Tát, thần, chư thiên, Thế Chủ đã vân tập, yên lặng thỉnh pháp, có ba mươi bảy câu hỏi. Trước hết là hỏi về mười tám loại Phật pháp, kế đến hỏi

về mười chín loại Bồ Tát hải, đều là đức dụng nơi cảnh giới trí hạnh của chư Phật, nhằm phát khởi hết thảy các pháp môn trong kinh này. Kinh nói: “*Nhĩ thời chư Bồ Tát, cập nhất thiết thế gian chủ, tác thị tư duy, vân hà thị trí hải?*” (Lúc bấy giờ, các vị Bồ Tát và hết thảy các vị chủ tể thế gian suy nghĩ như thế này, thế nào là biển trí?) Vì thế, đức Như Lai hiện tướng phóng quang minh để đáp lời hỏi. Trước hết là tổng đáp (總答, lời đáp chung), kế đến là biệt đáp (別答, trả lời từng câu hỏi riêng biệt), bèn thành một bộ kinh gồm bốn mươi phẩm.

Trước hết là tổng đáp, gồm hai phần:

- 1) Hiện trí cảnh, tức là phẩm này.
- 2) Hiện hành cảnh, tức là những phẩm kế tiếp.

Trong phẩm này, từ nơi diện môn^[11], giữa các răng, [đức Phật] phóng ra mười loại quang minh, chiếu khắp mười phương. Do thần lực của đức Phật, các quang minh ấy có thể nói kệ tụng, triệu tập các vị Bồ Tát trong thế giới hải đều đến nghe pháp. Trong mỗi lỗ chân lông của các vị Bồ Tát ấy, hiện các thứ quang minh. Trong mỗi quang minh, hiện các Bồ Tát nhiều như số vi trần trong một cõi nước, phụng sự trọn khắp chư Phật nhiều như số vi trần trong một cõi nước, độ trọn khắp chúng sanh nhiều như số vi trần trong một cõi nước. Đây là hiện tướng trí bi tự tại vô ngại vô tận nơi pháp giới thể tánh của Hoa Nghiêm. Đức Như Lai lại phóng [quang minh từ] tướng bạch hào giữa hai mày, trong tướng bạch hào, hiện ra các vị Bồ Tát, mỗi vị đều nói kệ tán thán nhằm hiển thị sức thần thông có cảnh giới vô biên của đức Như Lai. Kinh chép: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn vì muốn cho hết thảy Bồ Tát đạt được thần lực có cảnh giới vô biên của đức Như Lai, bèn phóng quang minh từ giữa hai mày, chiếu trọn khắp mười phương. Trong mỗi vi trần, hiện ra vô số Phật. Lại có Bồ Tát tên là Pháp Thắng Âm v.v... cùng thế giới hải trần số Bồ Tát cùng lúc xuất hiện, nói kệ tụng tán thán Phật. Đây là hiển hiện pháp “*sát hải vô chương ngại*”, là hiện tướng trí cảnh để đáp

chung cho các câu hỏi trên đây. Vì thế, gọi là phẩm Hiện Tướng (phẩm này gồm một quyển).

3.2.1.3. Phẩm Phổ Hiền Tam Muội

Phẩm Phổ Hiền Tam Muội (普賢三昧) là hiện hạnh cảnh để đáp chung các câu hỏi trên đây. Phổ Hiền là “*không đức nào chẳng trọn khắp*”, biểu thị Hạnh Môn của Phật. Cõi này dịch Tam-muội (Samādhi) là Chánh Định, tức là thần lực của Phật gia bị Phổ Hiền, khiến cho nhập Chánh Định, hiện hạnh cảnh. Kinh nói, lúc bảy giờ, ngài Phổ Hiền nương vào thần lực của Phật, nhập hết thấy Tỳ Lô Tạng Thân tam-muội, có thể thị hiện các tướng trong pháp giới, xuất sanh hết thấy các pháp tam-muội, thành tựu biên công đức của hết thấy chư Phật. Khi ấy, mười phương pháp giới, trong mỗi vi trần có sát trần Phật (Phật nhiều như số vi trần trong một cõi nước), trước mỗi đức Phật, đều có ngài Phổ Hiền nhập tam-muội này, cho đến khiến cho các vị Bồ Tát, ai nấy đều đắc các hạnh môn tam-muội nhiều như số lượng vi trần. Đây là hiện hạnh cảnh để đáp chung các câu hỏi trong phần trước; vì thế gọi là phẩm Phổ Hiền Tam Muội. Đã đáp trí cảnh và hạnh cảnh xong, từ đây trở đi là các pháp môn trong cả một tạng kinh, hết thấy nhân quả không gì chẳng được gồm thấu trong trí và hạnh. Vì thế, trước hết dùng hai môn này (trí và hạnh) để đáp chung. Những cái được gọi là “*cảnh giới của chư Phật*” cho đến các pháp nhằm phát khởi, tiến hướng của hàng Bồ Tát, đều được gồm trọn trong hai pháp [trí và hạnh] này. Ba mươi bảy phẩm sau đó chính là biệt đáp.

3.2.1.4. Phẩm Thế Giới Thành Tựu

Phẩm Thế Giới Thành Tựu (世界成就) là lời biệt đáp cho câu hỏi về thế giới hải và chúng sanh hải. Dụng ý của

phẩm này nhằm giảng giải [cho thính chúng biết] chúng sanh và thế giới của chư Phật có hình tướng muôn vàn sai khác, khổ, lạc, tịnh, uế, chuyển biến sai biệt, đều là do tự hạnh nghiệp lực (nghiệp lực do các hạnh của chính mình) cảm vờn mà thành tựu. Vì thế, kinh nói: “*Các thế giới hải có vi trần số chuyển biến sai biệt*”. Có nghĩa là chúng sanh ô nhiễm sống [trong thế giới ấy] thì nó sẽ chuyển biến thành ô nhiễm. Chúng sanh phát Bồ Đề tâm sống trong ấy, nó sẽ chuyển biến thành thanh tịnh. Cho đến [thế giới nào có] các vị Bồ Tát nhóm họp, sẽ chuyển biến thành đại trang nghiêm. Chư Phật nhập Niết Bàn, [thế giới ấy] sẽ chuyển biến thành trang nghiêm diệt. Vì thế, nói chuyện này để khiến cho chúng sanh biết cảnh nhiễm hay tịnh, tướng khổ hay lạc v.v... đều do nghiệp mà sanh, bèn sanh chánh tâm, tu đạo xuất yếu, hòng vào biển trí huệ của Phật, vào biển Hoa Tạng của Phật. Do đó, trước hết bèn nói phẩm Thế Giới Thành Tựu, kế đó nói phẩm Hoa Tạng Thế Giới. Phẩm Thế Giới Thành Tựu nhằm khởi đầu cho lời biệt đáp (phẩm này và phẩm Phổ Hiền Tam Muội trước đó hợp thành một quyển).

3.2.1.5. Phẩm Hoa Tạng Thế Giới

Phẩm Hoa Tạng Thế Giới (華藏世界) là lời biệt đáp cho câu hỏi về Phật hải và Ba La Mật hải. Phẩm này nói về cảnh trang nghiêm mầu nhiệm trong Tỳ Lô vô tận pháp giới. Do nương vào trí thể của Pháp Thân và nguyện hạnh Phổ Hiền, tu Thập Ba La Mật của ngũ vị mà cảm báo. Đây là nói về Phật hải và Ba La Mật hải. Kinh nói, thế giới hải Hoa Tạng Trang Nghiêm này ở trên mười tầng phong luân, bên trong một hoa sen to có tên là [Quang Minh] Nhụy Hương Tràng (蕊香幢) trong Hương Thủy Hải (biển nước thơm). Có vô số Hương Thủy Hải và các thế giới chủng số nhiều như vi trần, nương vào nhau để trụ, được gọi là Thế Giới Vĩng (世界)

網, lưới thế giới). Thế giới chung ở chính giữa có hai mươi tầng, thế giới Sa Bà thuộc tầng thứ mười ba, chính là nơi ở của Tỳ Lô Như Lai. Có mười thế giới chung vây quanh. Kế đó, ở ngoài mười [thế giới chung ấy], lại có một trăm thế giới chung vây quanh, được bao bọc bằng núi Kim Cang Đại Luân Vi. Tính ra, có một trăm mười một thế giới chung, mỗi thế giới chung đều có [núi Kim Cang Đại Luân] bao bọc.

Mười tầng phong luân duy trì Hương Thủy Hải, sanh ra hoa sen to, số nhiều như vi trần trong một cõi nước nương vào nhau, biểu thị đại nguyện phong luân duy trì biển đại trí, xuất sanh vô biên hoa diệu hạnh, trang nghiêm, duy trì vững chắc thân và cõi nước, tạo thành Tịnh Độ của Phật. Một thế giới chung ở trung tâm, biểu thị địa vị Phật nhiếp chung hết thảy, trọn khắp hết thảy, là cái gốc của vạn pháp.

Kế đó, “*mười*” biểu thị ngũ vị (Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hương, Thập Địa và Đẳng Giác), mỗi địa vị đều có một nhân và một quả. Kế đó, “*trăm*” nhằm biểu thị nhân quả của ngũ vị, mỗi địa vị đều trọn đủ Thập Ba La Mật. Mười một thế giới chung trong ấy, mỗi mỗi đều có hai mươi tầng, biểu thị ngũ vị thăng tấn hòng đạt đến địa vị Phật, mỗi địa vị đều có mười nhân và mười quả. Mỗi thế giới có vi trần số Phật đều là chuyện thưở trước của chính Tỳ Lô Như Lai. Đối với mỗi thế giới, kinh nêu danh xưng của một vị Phật, đều nhằm biểu thị cái quả thăng tấn từ nơi địa vị hiện tại. Trong một trăm thế giới chung, thế giới chung ở vòng ngoài cùng có bốn tầng, mỗi tầng đều có bốn vị Phật, biểu thị Tứ Nhiếp Pháp. Dụng ý nhằm nêu rõ Thập Độ vạn hạnh, dùng Tứ Nhiếp Pháp là Lợi Hành, Ái Ngữ, Đồng Sự... để ngăn ngừa bên ngoài. Thế giới vòng ấy trọn đủ hết thảy các sự trang nghiêm thù thắng, nhiệm màu, đều là trí hạnh của Phật trọn khắp, nhiếp hóa cảm vơi. Trong ấy cũng có thế giới tạp nhiễm, biểu thị lòng Tù của Phật nhiếp hóa chẳng bỏ nơi ấy. Vì thế, kinh

nói: “*Tạp nhiễm và thanh tịnh đều do nghiệp lực khởi, được Bồ Tát hóa độ*”.

Nói “*thế giới chung, thế giới hải*” thì Chung (種) là xuất sanh nhiều thứ, còn Hải (海) thì bao gồm nhiều thứ, từ một vài tam thiên đại thiên cho tới hằng sa [tam thiên đại thiên] hợp thành một thế giới chung. Hằng sa thế giới chung hợp thành một thế giới tánh (世界性). Hằng sa thế giới tánh hợp thành một thế giới hải. Những thứ này đều chứa đựng trong Nhụy Hương Tràng Đại Liên Hoa; vì thế, gọi là thế giới Hoa Tạng. Luận nói từ vài đại thiên cho tới hằng sa [đại thiên] hợp thành một thế giới hải, hằng sa thế giới tánh hợp thành một thế giới chung, tức là [Sớ Luận cho rằng] “*thế giới chung có thể bao trùm thế giới hải*”, nhưng kinh dạy, “*trong thế giới hải có thế giới chung*”. Nay tôi tuân theo lời kinh dạy. Đây là Tỳ Lô Như Lai trong quá khứ đã đích thân phụng sự chư Phật, biểu thị cái quả thắng tán nơi địa vị hiện tại (phẩm này gồm ba quyển).

3.2.1.6. Phẩm Tỳ Lô Xá Na

Phẩm Tỳ Lô Xá Na (毗盧舍那) nói cô Phật Tỳ Lô Như Lai trước kia cũng ở trong thế giới Hoa Tạng thuyết pháp lợi sanh, pháp chúng và pháp môn cũng chẳng khác hiện thời, nhưng Phật hiệu bất đồng. Ấy là thuận theo căn cơ mà sai khác, chẳng phải là Phật có sai khác. Do trong năm phẩm trước đã nêu bày những chuyện thành đạo, nhân quả lợi sanh của đức Tỳ Lô hiện tại; ở đây bèn dẫn xưa để chứng nay, nhằm chỉ rõ “*ba đời cùng một đạo, nhân quả chẳng khác*”, khiến cho hàng hậu tấn cùng chứng cái quả này. Vì thế, lại nói phẩm này, lại còn giống như những phần trước, đều nhằm nêu ra cái quả để khuyên tu, thuộc về Kiến Đạo Phần. Bởi lẽ, chẳng thấy đạo thể, sẽ khó thể tấn tu. Do vậy, từ sau phẩm này

trở đi, bèn chỉ bày, lập ra những pháp để đối trị tập khí, thuộc về Tu Đạo Phần.

Phẩm này nêu bày: Từ xưa kia, trong các kiếp số nhiều như số lượng vi trần trong một cõi nước, có chư Phật lần lượt xuất hiện. Có vương tử tên là Đại Oai Quang lần lượt thừa sự chư Phật, chứng đắc hết thấy các pháp môn, hết thấy lợi hạnh (hạnh lợi lạc chúng sanh), hết thấy tam-muội. Kinh lần lượt nêu ra bốn vị Phật, nhưng phẩm này không có chỗ kết thúc là vì kinh văn của phẩm này chưa được truyền đến [Trung Hoa] đầy đủ. Ngài Thanh Lương coi Đại Oai Quang là tiền thân của đức Tỳ Lô, trong kinh chẳng nói điều này. Ngài lại bảo sáu phẩm kinh này thuộc về phần Cử Quả Khuyển Nhạo Sanh Tín (nêu ra cái quả, khuyên ưa thích, sanh lòng tin - Phẩm này gồm một quyển).

Thoạt đầu, tại Bồ Đề Tràng nói sáu phẩm kinh, tổng cộng gồm mười một quyển, nói rõ pháp môn y báo và chánh báo của đức Như Lai. Trên đây là giải thích châu thứ nhất trong tam châu đã xong.

3.2.2. *Đệ nhị châu*

Châu thứ hai từ hội thứ hai tới hội thứ tám, là nhân quả ngũ vị của người tấn tu. Phần này chánh thức chỉ bày hạnh tấn tu ngũ vị cho người học. Trước hết là nương vào tín tâm, để phát khởi tỏa rạng chánh trí, chiếu tan vô minh. Kế đó, dựa vào ngũ vị để rèn luyện hòng đối trị các hoặc tập (惑習, tập khí phiền não), tìm tòi tột cùng chánh quả. Phần này được gọi là lập ra phương cách để đối trị tập khí hòng tu chứng, gồm ba mươi hai phẩm:

- 1) Sáu phẩm thuộc địa vị Thập Tín.
- 2) Sáu phẩm thuộc địa vị Thập Trụ.
- 3) Bốn phẩm thuộc địa vị Thập Hạnh.

4) Ba phẩm thuộc địa vị Thập Hường (Thập Hồi Hường).

5) Một phẩm thuộc địa vị Thập Địa.

6) Một phẩm thuộc Thập Nhất Địa (Đẳng Giác).

7) Mười một phẩm thuộc địa vị Phật quả.

Ngài Thanh Lương khoa phán phân này là Tu Nhân Khế Quả Sanh Giải (修因契果生解, tu nhân khế hợp quả, sanh ngộ giải), tức là viên nhân (圓因, cái nhân viên mãn) để tu ngũ vị hồng khế nhập Diệu Giác cực quả, khiến cho chúng sanh khéo hiểu tướng nhân quả. Đối với [mỗi địa vị trong] ngũ vị đều nói “mười”, vì mỗi địa vị đều nương vào mười pháp để thăng tấn. Từ Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hường, Thập Địa cho đến Thập Nhất Địa là ngũ vị, lấy Tín vị (các địa vị thuộc Thập Tín) làm nhân, coi quả vị là quả. Đây gọi là nhân quả của ngũ vị, gồm trọn các hạnh môn của pháp giới. Trước là Tín, sau là quả, cùng với ngũ vị thành bảy, nhưng đặc biệt nói tới ngũ vị, vì Tín vốn là cái Thể của quả, bao gồm trọn vẹn trước lẫn sau, chẳng lập ra tầng cấp khác biệt; do đó, chẳng đánh số. Từ Tín mà ra, do hướng đến quả mà chuyển, do địa vị có tăng tấn, cho nên nhờ vào con số để nói rõ^[12]. Tín như hạt giống, địa vị như nẩy mầm, sanh trưởng; quả giống như kết trái. Trong giai đoạn phát khởi, sanh trưởng, có trình tự nứt vỏ nẩy mầm, trổ lá, đơm hoa, nhưng [xét ra], giữa hạt giống và quả, tuy trọn đủ mà chẳng thể tách rời; bởi lẽ, đạo vốn vô số, tức là [xét giữa] tín và quả [cái quả do lòng tin sanh ra sẽ là vô số], nhưng pháp tắc thì có hạn lượng, tức là [nói theo danh xưng] thì có năm địa vị (Trụ, Hạnh, Hường, Địa, Đẳng Giác).

Địa vị chỉ hạn lượng thành năm là do thiên số có năm, địa số có năm, số của vạn pháp cũng là năm. Vì thế, thiên kinh là Ngũ Tinh, địa vĩ là Ngũ Nhạc^[13], hạnh của con người gồm Ngũ Thường, bên trong thì Ngũ Tạng, ngoài là Ngũ Thể^[14], hội thông đến tột cùng thì cũng là năm mà thôi.

Suy rộng ra, [sẽ là] ngũ phương, ngũ sắc, ngũ hành, ngũ âm... chẳng thể nêu trọn! Vậy thì Hoa Nghiêm đặt ra năm địa vị, cũng là thuận theo con số tự nhiên của vạn pháp.

Pháp môn ngũ vị lấy Tín làm cái nhân ban đầu, khiến cho kẻ tu Hoa Nghiêm ngoài thì tin tưởng pháp ngũ vị đều là đức dụng của tự tâm, trong thì tin vào đức Phật trong tự tâm có cùng một Thể với đức Tỳ Lô. Tâm và pháp tương ứng, sau đấy tấn tu, ắt trí và hạnh chẳng mê, cho tới khi đạt đến quả vị cuối cùng, chẳng rời khỏi pháp Sơ Tín. Ví như hạt giống, trước đó, nó đã có đủ toàn thể, sau đấy phát triển, sanh trưởng, cho đến khi kết trái, vẫn là hạt giống ban đầu. Đây chính là nhân quả chẳng đổi dời, gốc và ngọn thấu triệt lẫn nhau, thật sự là một môn trọng yếu trong Hoa Nghiêm vậy.

3.2.2.1. Thập Tín

Pháp môn Thập Tín chính là sáu phẩm được nói trong hội thứ hai tại Phổ Quang Điện: Một là phẩm Phật Danh Hiệu, hai là phẩm Tứ Thánh Đệ, ba là phẩm Quang Minh Giác, bốn là phẩm Văn Minh, năm là phẩm Tịnh Hạnh, sáu là phẩm Hiền Thủ. Hội này, [đức Phật] ngự tại Phổ Quang Điện, sai ngài Văn Thù làm người diễn giảng, biểu thị Diệu Tín nương vào bản trí phổ quang mà sanh khởi, nương vào trạch pháp diệu huệ (擇法妙慧, trí huệ màu nhiệm chọn lựa pháp) để trụ. Nếu không có huệ ấy, chỉ đạt được Nhị Thừa, chẳng thể chứng nhập Như Lai Thừa, thành Chánh Giác.

3.2.2.1.1. Phẩm Phật Danh Hiệu

Phẩm Phật Danh Hiệu (佛名號) là danh hiệu của Phật được phương tiện lập bày nhằm thuận theo pháp, ứng hợp căn cơ, phù hợp cái tâm của chúng sanh, cho nên mỗi danh hiệu đều bất đồng. Kinh chép: Hết thấy chư Phật biết chúng sanh

mong muốn, ưa thích khác nhau, nên thuận theo mà thuyết pháp tương ứng để điều phục. Vì vậy, trong một tứ thiên hạ của thế giới Sa Bà này, đức Như Lai đã thị hiện đủ loại thân, đủ loại danh hiệu, hoặc tên là Nhất Thiết Nghĩa Thành (一切義成), cho đến tên là Đạo Sư (導師), số lượng [danh hiệu] đến mười ngàn. Trong một tứ thiên hạ là như thế, mà mười phương thế giới cũng là như thế, danh hiệu mỗi nơi đều đến số mười ngàn. Trong Sa Bà là như thế, mà tận pháp giới hư không giới cũng lại giống như thế, thị hiện đủ loại thân, đủ loại danh hiệu.

Trong hội thứ hai này, do các vị Bồ Tát từ những phương khác đến nhóm hội, đã nêu ra bốn mươi câu hỏi. Đối với phần đầu tiên của phần kinh văn nói về giai đoạn thứ ba là Hành [trong Tín, Giải, Hành, Chứng], ngài Thanh Lương đã phán định kinh văn thành mười vấn đề: Một là Phật sát (佛刹, cõi Phật), hai là Phật trụ, ba là sự trang nghiêm trong cõi Phật, bốn là Phật pháp tánh, năm là Phật sát thanh tịnh, sáu là pháp do đức Phật đã nói, bảy là thể tánh của cõi Phật, tám là oai đức của Phật, chín là sự thành tựu nơi cõi Phật, mười là đại Bồ Đề của Phật.

Ngài Thanh Lương nói: “Mười vấn đề ấy được chia thành năm cặp, đều là câu trên hỏi về y báo, câu dưới hỏi về chánh báo. Kế đến, lại hỏi về Thập Trụ, Thập Hạnh, cho đến sự tối thắng và quang minh của Như Lai, kèm thêm [lời hỏi về] Thập Tín, thành ra ba mươi câu hỏi. Tính chung (gộp chung ba mươi câu hỏi với mười vấn đề trước đó) là bốn mươi câu hỏi”. Ngài Phương Sơn (Lý Trường Giả) đối với phần này, đã chấm câu dựa theo chữ “Phật sát”, nên chỉ phán định thành bốn câu hỏi về cõi Phật, tức là thiếu sáu vấn đề. [Ở đây, chúng ta] hãy nên tuân theo cách chấm câu của ngài Thanh Lương^[15].

Ở đây, trước hết, trong phần hỏi về Phật sát và Phật trụ, [các vị Bồ Tát dự hội] đã hỏi về Chánh Giác và thần lực ứng

hóa của Như Lai, cho nên [đức Phật sai ngài Văn Thù] nói phẩm này để đáp, và cũng để đáp lời hỏi về biển danh hiệu của Phật trong phần trước. Phẩm này trả lời [câu hỏi] về Phật sát và Phật trụ hòng nói rộng rãi thân của Như Lai sẽ tùy theo cõi nước mà hiện, danh hiệu [Phật được đặt ra] nhằm ứng hợp [căn tánh của] chúng sanh mà phô bày, khiến cho kẻ do lòng tin mà vào, sẽ biết đức Phật trong tự tâm vốn trọn khắp pháp giới, hết thấy mọi nơi không chỗ nào chẳng phải là cõi Phật, chẳng nơi đâu không phải là chỗ Phật trụ, danh hiệu nào cũng đều là danh hiệu Phật, Thể đều là Phật thể. Đây chính là Hoa Nghiêm diệu quán hiện tiền trong mỗi niệm.

Bốn mươi câu hỏi của đại chúng ở đây đại đồng tiểu dị với ba mươi bảy câu hỏi trong phẩm Thế Chủ Diệu Nghiêm. Ở đây, hỏi lại là vì phần trước chính là phần Cử Quả Khuyến Tu (舉果勸修, nêu lên cái quả để khuyến tu), lời hỏi trong phần ấy nhằm nêu rõ pháp đã thành tựu nơi Phật quả, còn ở đây là phần Thiết Pháp Trị Tập (設法治習, lập bày phương cách để đối trị tập khí), lời hỏi trong phần này nhằm nêu rõ pháp để nương vào nơi nhân hạnh (因行, cái hạnh trong khi đang tu nhân). Đối với cái pháp đã thành tựu nơi quả, chẳng dùng ngôn từ để diễn tả; vì thế, đức Như Lai hiện tướng để đáp chung. Đối với pháp để nương vào [hòng tu nhân] thì cần phải diễn giải hòng khơi gợi; vì thế, ngài Văn Thù dùng ngôn thuyết để đáp riêng. Các phẩm từ đây trở đi đều là lần lượt biệt đáp (trả lời riêng cho từng vấn đề một).

Khi sắp nói pháp Thập Tín, mười phương Bồ Tát từ các thế giới như Kim Sắc, Bình Đẳng Sắc... tức là mười thế giới có chữ Sắc trong tên gọi, [các thế giới ấy] là trụ xứ của mười vị Phật có chữ Trí trong danh hiệu^[16], cùng với sát trần Bồ Tát nhóm đến, nhằm biểu thị mười nhân và mười quả của Tín môn. Quả chính là mười vị Phật có chữ Trí trong danh hiệu, nhân là mười vị Bồ Tát như Văn Thù v.v... Mười Sắc thế giới (Kim Sắc, Diệu Sắc, Liên Hoa Sắc v.v...) chính là pháp môn

được tu. Nói chung, đó chính là các sắc pháp, nhằm chỉ ra pháp nơi tự tâm. Đối với các pháp thuộc mười địa vị này, [có một pháp] xuất sanh từ trí thể căn bản bất động, chín pháp khác đều là tác dụng của trí đức bất động. Nương vào Thể để tấn tu bèn có mười địa vị, gom Dụng quy vào Thể thì chỉ có một pháp mà thôi. Đây là Tịch và Chiếu cùng vận dụng, tu và chứng đồng thời, chẳng còn lần lượt theo thứ tự. Do đó, kinh nêu ra Phật và Bồ Tát cùng lúc, nhằm biểu thị nhân và quả cùng được phô bày. Nhưng pháp được biểu thị nơi các địa vị này là chuyện của Phật, Bồ Tát, từ ngay nơi pháp mà minh tâm [sẽ nhận biết các pháp ấy] đều là Tánh Đức của chính mình. Pháp trong kinh Hoa Nghiêm toàn là thuận theo từng căn cơ mà nói ra, đừng cho đó là chuyện thuộc về thánh hiền, tự nhủ chính mình chẳng có phần! Vì thế, Triệu pháp sư (ngài Tăng Triệu) nói: “*Thánh viên hồ tai, thể chi tức thân*” (Thánh trí có xa xôi gì đâu, hễ chứng nhập thì tác dụng thân diệu của thánh trí sẽ phát khởi)^[17].

3.2.2.1.2. *Phẩm Tứ Thánh Đế*

Phẩm Tứ Thánh Đế (四聖諦) nêu bày các pháp do đức Phật đã nói đều xứng tánh, ứng hợp căn cơ, mỗi mỗi đều bất đồng. Kinh nói: Mười phương thế giới nói Tứ Thánh Đế, mỗi nơi đều có bốn trăm ức mười ngàn tên gọi. Cho đến tận pháp giới hư không giới nói Tứ Thánh Đế, mỗi nơi đều có trăm ức vạn loại tên gọi, đều là thuận theo tâm của chúng sanh, đều làm cho họ điều phục. Dụng ý của phẩm này nhằm chỉ rõ: Các pháp do đức Phật đã nói đều lấy Tứ Đế, tức Khổ, Tập, Diệt, Đạo, làm Thể. Do Tứ Đế mà nói đủ loại pháp. Tánh vốn thiên chân, pháp chẳng nói năng, chỉ bày, do vô minh mà dấy lên nghiệp, Khổ và Tập tạo thành duyên, thánh nhân bất đắc dĩ, ứng theo đó mà thuyết giáo. Vì thế, các kinh đều lấy Tứ Thánh Đế và mười hai duyên làm Tông, mà kinh này là pháp

xứng tánh cũng nêu ra [pháp Tứ Đế] trước hết. Bởi lẽ, từ chỗ này mà tánh mê, [và cũng] từ chỗ này mà tánh hiện, vậy thì giải thoát Căn và Trần, bản tánh sẽ thật sự sáng suốt. Nói “*Tứ Thánh Đế*” nhằm làm cho [thính chúng] hiểu rõ Đệ Nhất Nghĩa trong Khô và Tập của Thế Gian Tứ Thánh Đế, đúng lý dung thông, chẳng còn chán ghét, đoạn trừ, đúng như pháp giới tánh, chẳng trừ bỏ, chẳng giữ lấy. Nương vào đó làm nhân hồng thăng tán ngũ vị, thấy đều là như thế, thì sẽ có thể đạt được Phật quả. Đây là lời đáp cho câu hỏi về biên diễn thuyết (diễn thuyết hải, 演说海) trong phần trước (phẩm này và phẩm Phật Danh Hiệu trong phần trên hợp thành một quyển).

3.2.2.1.3. Phẩm Quang Minh Giác

Phẩm Quang Minh Giác (光明覺) là đức Phật trong hội đầu tiên, đã phóng quả quang (果光, quang minh từ nơi Phật quả) từ giữa hai mày chiếu mười phương xong, [quang minh] ấy lại nhập vào lòng bàn chân [đức Phật]. Đến phẩm này, quang minh lại từ chân Ngài tỏa ra, quang minh ấy chiếu từ một đại thiên cho đến mười đại thiên, dần dần mở rộng hơn, chiếu trọn khắp pháp giới, khiến cho kẻ phát khởi lòng tin cảm nhận trí cảnh của Phật rộng lớn vô tận, tự nhận biết Pháp Thân trí hạnh của chính mình cũng đều bình đẳng. Do đó, tiến nhập ngũ vị, mở sáng trí nhãn, thành quả địa giác. Do vậy, [phẩm này] có tên là phẩm Quang Minh Giác. Vì thế, từ dưới chân tỏa ra quả quang nhằm biểu thị nương vào quả để tu nhân, giúp nhau phát khởi. Hễ là từ nhân hướng đến quả, ắt trọn đủ bốn pháp Tín, Giải, Hành, Chứng. Ba phẩm trước giảng về Tín, ba phẩm sau [trong hội này] chính là Giải, Hành, và Chứng.

3.2.2.1.4. Phẩm Văn Minh

Phẩm Văn Minh (問明) là ngài Văn Thù và chín vị Bồ Tát có chữ Thủ trong danh hiệu (Giác Thủ, Tài Thủ, Bảo Thủ...) hỏi đáp lẫn nhau để làm sáng tỏ vạn pháp, hồng chỉ bày [cho thính chúng] hiểu về Thập Tín.

Trước hết, ngài Văn Thù hỏi ngài Giác Thủ: “*Tâm và tánh là một, thiện, ác, khổ, lạc, nghiệp khác nhau như thế nào?*” Ngài Giác Thủ đáp: “*Các pháp chẳng có tác dụng, do vọng tâm, phân biệt mà có. Theo đúng lý mà quan sát thì hết thấy đều là vô tánh*”. Ý Ngài nói cái Thể của nghiệp vốn là chân, do trái nghịch giác nên thành vọng. Nương vào Chân để khởi giác thì hết thấy đều là chân.

Mười vị Bồ Tát ấy nói ra mười pháp rất sâu. Giác Thủ Bồ Tát nói về duyên khởi rất sâu, Tài Thủ nói về giáo hóa rất sâu, Bảo Thủ giảng về nghiệp quả, Đức Thủ (Công Đức Thủ) giảng về thuyết pháp, Mục Thủ giảng về phước điền, Cần Thủ (Tinh Tấn Thủ)^[18] nói về chánh giáo, Pháp Thủ nói về chánh hạnh, Trí Thủ nói về trợ đạo, Hiền Thủ nói về nhất đạo rất sâu, ngài Văn Thù nói về Phật cảnh rất sâu, đều nhằm hiển lộ pháp thể chân tịnh.

Sau mười lần hỏi ấy, hết thấy các pháp sai biệt trong tận pháp giới, chúng sanh giới, do thần lực của đức Phật đều cùng hiện rõ. Vì thế, gọi [tên phẩm này] là Văn Minh (phẩm này và phẩm Quang Minh Giác trước đó, hợp thành một quyển).

3.2.2.1.5. Phẩm Tịnh Hạnh

Phẩm Tịnh Hạnh (淨行) là rộng phát đại nguyện, [giảng về] hạnh của Thập Tín. Có ý nói: Chúng sanh vì vô minh tham ái, nhiễm các trần lao mà đánh mất Phật Hoa Nghiêm. Do chẳng có nguyện lực, đã phát lòng tin thanh tịnh, cần phải nương vào đại nguyện để trừ sạch trần lao. Điều cốt yếu là từ ngay trần lao mà thành tựu tịnh hạnh (hạnh thanh tịnh).

Phẩm này là do Trí Thủ Bồ Tát nêu ra một trăm mười câu hỏi, từ “*làm thế nào để đắc thân ngữ ý nghiệp*” cho đến “*hết thấy công đức thù thắng, màu nhiệm*”, ngài Văn Thủ bèn nói ra một trăm bốn mươi đại nguyện^[19]. Ngài nói đại lược: “*Bồ Tát tại gia, đương nguyện chúng sanh, miễn kỳ bức bách. Hiếu sự phụ mẫu, đương nguyện chúng sanh, hộ dưỡng nhất thiết*” (Bồ Tát tại gia, nguyện cho chúng sanh, thoát sự bức bách. Hiếu dưỡng cha mẹ, nguyện cho chúng sanh, bảo vệ, phụng dưỡng hết thấy) cho đến cuối cùng là “*thùy miên thí ngu, đương nguyện chúng sanh, nhất thiết trí giác*” (ngủ nghỉ vừa xong, nguyện cho chúng sanh, hết thấy trí giác)... đều nhằm khiến cho [hành nhân] từ ngay những chuyện trần lao mà đổi thành diệu hạnh. Do các đại nguyện ấy thanh tịnh thân, miệng, ý, liền đạt được hết thấy công đức thù thắng, màu nhiệm. Do vậy, chắc chắn sẽ thành tựu biển hạnh vô tận của ngũ vị, hết thấy các nhiễm pháp sẽ chẳng thể trái nghịch, ngăn ngại. Đây là Tịnh Hạnh (phẩm này cùng quyển thượng của phẩm Hiền Thủ hợp thành một quyển).

3.2.2.1.6. Phẩm Hiền Thủ

Phẩm Hiền Thủ (賢首) nhằm nói rõ: Nương vào pháp môn Thập Tín, phát tâm tu tấn, công đức khó lường, bằng với chư Phật, chỉ bày sự chứng nhập Thập Tín. Kinh chép: Lúc bấy giờ, Văn Thủ Bồ Tát nói đại công đức thanh tịnh hạnh chẳng ô trược, tán loạn xong, muốn hiển thị công đức của Bồ Đề tâm, bèn hỏi ngài Hiền Thủ: “*Tôi nay đã vì các vị Bồ Tát nói hạnh thanh tịnh do đức Phật đã tu thưở trước. Trong hội này, nhân giả cũng nên diễn nói công đức tu hành thù thắng*”. Ngài Hiền Thủ dùng kệ đáp rất rộng, thuật cạn kể công đức do phát tâm tu hành, quả đạt được càng tăng nhiều hơn, lợi lạc chúng sanh, phụng sự Phật, cho đến xuất nhập Phương Vãng tam-muội, ân và hiển đồng thời, tự tại vô ngại,

đều giống như Tỳ Lô, Văn Thù, Phổ Hiền. Đức dụng của quả hạnh được nêu bày qua các pháp trong sáu phẩm của phần Thập Tín, phát Bồ Đề tâm, giải và hạnh tương ứng, tức là đã chứng đắc địa vị này. Từ đó, nhanh chóng tiến vào Thập Trụ.

Phương Võng tam-muội (方網三昧) là từ một phương nhập Chánh Định, từ các phương còn lại xuất định. Từ các phương nhập Chánh Định, do một phương xuất định, giống như cái lưới của thiên đế, xen lẫn, dung nhiếp nhau cùng tột. Cho đến từ thân nam tử nhập Chánh Định, từ thân nữ nhân xuất định, đều như cái lưới của thiên đế. Đây chính là tác dụng của pháp giới tánh, vốn tự là như thế, ngàn điều sai khác, nhưng chúng có cùng một Thể, chẳng hai, chẳng khác! Chỉ thuận theo cái Thấy của chúng sanh mà thấy sai khác. Nếu chúng tánh dụng vô tác của Như Lai, sẽ xuất nhập tự tại, do tâm vô sai biệt cho nên cảnh chẳng sai biệt. Chúng trọn vẹn Thập Tín sẽ đạt tới điều này. Đây chính là hạnh chứng của ngài Hiền Thủ, tức là khởi đầu từ phạm phu, trước hết nhập Phật trụ, hết sức gần với bậc á thánh. Đó gọi là Hiền Thủ. Vì thế, đặt tên là phẩm Hiền Thủ. Từ phẩm Quang Minh Giác cho đến chỗ này đều nhằm giải đáp câu hỏi về biến phát khởi và tiến hướng của Bồ Tát. Bởi lẽ, sự tăng tấn tiến nhập ngũ vị phát xuất từ Thập Tín (phẩm này gồm hai quyển).

3.2.2.2. Thập Trụ

Thập Trụ là do Tín chứng nhập, sanh vào nhà Như Lai, nương vào trí vô trụ, vĩnh viễn chẳng thoái chuyển, nên gọi là Trụ (住). Pháp môn Thập Trụ chính là hội thứ ba, được nói tại Đạo Lợi Thiên trên đỉnh núi Tu Di, cũng gồm có sáu phẩm: Một là phẩm Thăng Tu Di Sơn, hai là phẩm Tu Di Đánh Kệ Tán, ba là phẩm Thập Trụ, bốn là phẩm Phạm Hạnh, năm là phẩm Phát Tâm Công Đức, sáu là phẩm Minh Pháp.

3.2.2.2.1. *Phẩm Thăng Tu Di Sơn*

Phẩm Thăng Tu Di Sơn (昇須彌山) dùng nơi chốn để biểu thị pháp. Phổ Quang Điện trong phần trước là cõi đất thuộc nhân gian. Nương vào địa giới để nói Thập Tín nhằm biểu thị: Thoạt đầu từ địa vị phàm phu mà phát khởi lòng tin. Nay núi Tu Di (Sumeru) cao tột tận trời, nói pháp Thập Trụ ở đó, nhằm biểu thị Tín đã thăng tấn, nhập vào bờ mé rộng lớn. Phẩm Thập Trụ nói: “*Trụ xứ của Bồ Tát rộng lớn bằng với pháp giới hư không*”. Núi này ở trong biển [được bọc quanh] bằng bảy kim sơn, cao chót vót chọc trời, chẳng thể dùng chân trèo tay nắm để lên được, biểu thị: Pháp Thập Trụ vươn lên từ biển diệu trí, cao vượt tình cảnh (情境, cảnh giới hạn cuộc trong tình thức), chẳng thể dùng tâm tưởng nắm níu mà đạt được! Phẩm này nói đến chuyện viên mãn Thập Tín, tăng tấn cao hơn, và tường thuật chuyện Đế Thích bày pháp tòa, đón tiếp đức Phật.

Lại nói: Khi ấy, đức Thế Tôn chẳng lìa dưới hết thấy các cây Bồ Đề, mà thăng lên Tu Di, hướng về cung điện của Đế Thích. Đế Thích bày tòa sư tử Phổ Quang Minh Tạng, thỉnh Phật an tọa. Đấy chính là thân pháp giới thanh tịnh trọn khắp hết thấy mọi nơi, tùy duyên ứng hiện, ví như một vầng trăng hiện bóng nơi ngàn sông. Do thuyền đi mà thấy trăng xuôi Nam lên Bắc, nhưng [thật ra], trăng chưa hề đến hay đi! Đế Thích thỉnh Phật, nói mười bài kệ tán thán. Bài kệ thứ nhất nói: “*Ca Diếp Như Lai cụ đại bi, bỉ Phật tăng lai nhập thử điện*” (Ca Diếp Như Lai đủ đại bi, Phật ấy từng đến vào điện này). Cho đến bài kệ thứ mười có câu: “*Nhiên Đăng Như Lai đại quang minh, bỉ Phật tăng lai nhập thử điện*” (Nhiên Đăng Như Lai quang minh lớn, Phật ấy từng đến vào điện này). Luận chép: “*Ba vị trước là Phật trong kiếp này, bảy vị sau là Phật trong kiếp trước*”^[20], ý nói: Vừa mới nhập Thập Trụ, xưa nay sẽ giống như nhau, Phật pháp chẳng khác.

3.2.2.2.2. *Phẩm Tu Di Kệ Tán*

Trong phẩm Tu Di Kệ Tán (須彌偈讚), mười vị Bồ Tát như ngài Pháp Huệ v.v... tán thán nhằm nêu rõ pháp thuộc địa vị này (Thập Trụ), hòng khuyên dạy hãy thăng tấn. Do Thập Trụ lấy Trí làm Thể, dùng Huệ làm Dụng thì mới có thể thăng tấn, cho nên nhờ vào ngài Pháp Huệ tán thán, nêu rõ. Khi sắp nói pháp Thập Trụ, từ mười phương, có mười vị Bồ Tát có chữ Huệ trong danh hiệu, mỗi vị từ [mỗi thế giới trong] mười thế giới có chữ Hoa trong tên gọi, như thế giới Nhân Đà La Hoa... cùng với sát trần Bồ Tát nhóm đến. Các vị Bồ Tát ấy đều từ nơi mười vị Phật danh hiệu có chữ Nguyệt^[21] tịnh tu phạm hạnh, biểu thị “*pháp Thập Trụ nương vào trí khởi huệ làm nhân, lại thành cái quả trí nguyệt*”. Đắc quả pháp ấy, sẽ nhanh chóng thấu triệt vô minh, nhanh chóng trừ bỏ phiền não, mát mẻ như vàng trắng.

Các vị Phật ấy biểu thị quả, Bồ Tát biểu thị nhân, cũng giống như trong phần Thập Tín, nhân và quả [của các pháp Thập Trụ] cùng được phơi bày. Mười thế giới có chữ Hoa trong danh xưng chính là các pháp môn được tu tập; nói tóm gọn là từ ngay trong nhân hoa mà nở bùng trí quả. Kinh chép: Khi ấy, mười vị Bồ Tát có chữ Huệ trong danh hiệu nói kệ tán thán xong, Pháp Huệ Bồ Tát liền nhập vô lượng phương tiện tam-muội. Từ mười phương, mỗi phương đều có Phật nhiều như số lượng vi trần trong một ngàn cõi Phật cùng hiệu là Pháp Huệ, cùng hiện trước mặt Ngài (Pháp Huệ Bồ Tát) mà tán thán, gia bị. Luận viết: “*Chúng sanh có trí huệ của Như Lai Pháp Thân, vì mê duyên mà tự chướng. Phàm những ai có thể tu phương tiện tam-muội để hiển lộ [trí huệ ấy], sẽ ngầm thấu hiểu trí huệ nơi Pháp Thân của chư Phật, Do vậy, chư Phật có cùng tên [Pháp Huệ] đều hiện trước Ngài*”.

3.2.2.2.3. *Phẩm Thập Trụ*

Phẩm Thập Trụ (十住) nói thẳng vào danh nghĩa của [các địa vị trong] Thập Trụ, chỉ bày hạnh phải hành trong mỗi địa vị ấy:

1) Phát Tâm Trụ (發心住, Prathamacittotpādika): Khởi đầu nương vào chánh trí, phát Bồ Đề tâm.

2) Trị Địa Trụ (治地住, Ādikarmika): Vì lợi lạc chúng sanh, mở rộng tâm địa.

3) Tu Hành Trụ (修行住, Yogācāra): Khéo quán các pháp, tăng trưởng chánh hạnh.

4) Sanh Quý Trụ (生貴住, Janmaja): Do hạnh tôn quý, sanh trong nhà Phật pháp.

5) Phương Tiện Cụ Túc Trụ (方便具足住, Pūrvayogāsampanna): Mang theo Chân tùy thuận Túc, hòa quyện hòng giáo hóa thích hợp.

6) Chánh Tâm Trụ (正心住, Śuddhādhyāśaya): Gặp cảnh thiện hay ác, tâm bất động.

7) Bất Thoái Trụ (不退住, Avivartya): Hướng theo chánh diệu đạo, duyên bất hoại.

8) Đồng Chân Trụ (童真住, Kumārabhūta): Hàm chân bảo nhất^[22], trí hạnh chẳng mất.

9) Pháp Vương Tử Trụ (王子住, Yauvarājya): Đắc pháp của đấng Pháp Vương, sẽ nối tiếp địa vị Phật.

10) Quán Đảnh Trụ (灌頂住, Abhiṣeka): Thành tựu mười trí, sẽ thành Phật. Như Thái Tử của vua phô bày nghi thức quán đảnh.

Trong kinh văn của phẩm Thập Trụ, mỗi Trụ đều nói thành tựu mười pháp, nhằm chỉ bày hạnh của địa vị ấy. Lại đối với mỗi trụ đều khuyên nên học mười pháp, nhằm chỉ rõ mỗi địa vị sau đều tăng tấn thù thắng hơn địa vị trước. Trong đoạn kinh văn kết thúc mỗi địa vị, đều nói: Đối với pháp đã

được nghe liền tự khai giải, chẳng do người khác dạy, có liên quan đến phần cuối phẩm Phạm Hạnh. Lại nói: “*Nếu các vị Bồ Tát có thể tương ứng với quán hạnh như thế, biết hết thấy Phật pháp sẽ đều cùng hiện tiền*”. Khi mới phát tâm, liền đắc Bồ Đề, biết hết thấy các pháp chính là tự tánh trong tâm, thành tựu huệ thân, chẳng do người khác mà ngộ. Đây là muốn nói rõ “*hãy tăng tấn đức vốn sẵn có, đừng cầu từ bên ngoài*” (phẩm này và hai phẩm trước gộp thành một quyển).

3.2.2.2.4. Phẩm Phạm Hạnh

Phẩm Phạm Hạnh (梵行) nói: Trong Thập Trụ, quán sát mười pháp là “*thân, thân nghiệp, ngữ, ngữ nghiệp, ý, ý nghiệp, Phật, Pháp, Tăng, Giới*”. Trong số ấy, pháp nào là Phạm Hạnh? Biết tam nghiệp như thân, ngữ, ý và trong Phật, Pháp, Tăng, Giới, hễ là pháp hữu vi hữu tác, thấy đều chẳng phải là Phạm Hạnh, vậy thì sẽ chẳng chấp giữ thân, chẳng chấp vào tu, chẳng trụ vào pháp, mà cũng chẳng có cái tên Phạm Hạnh, tâm chẳng có chướng ngại, phương tiện tự tại. Như thế thì được gọi là Phạm Hạnh thanh tịnh. Lại nêu ra mười loại trí lực của Như Lai để hành giả thuộc địa vị ấy tu tập. Đây là pháp để thành tựu huệ thân.

3.2.2.2.5. Phẩm Phát Tâm Công Đức

Phẩm Phát Tâm Công Đức (發心功德) nêu ra những công đức chẳng thể ước lượng sẽ đạt được do tu pháp Thập Trụ. Kinh nêu hơn mười thí dụ, so sánh từng tầng một, [đều nói là] chẳng thể sánh ví chút phần. Bởi lẽ, đã phát cái tâm ấy, công đã bằng với quả hải chẳng có ngăn mé (phẩm này và phẩm Phạm Hạnh trước đó hợp thành một quyển).

3.2.2.2.6. Phẩm Minh Pháp

Trong phẩm Minh Pháp (明法), Tinh Tấn Huệ Bồ Tát hỏi Pháp Huệ Bồ Tát về hạnh để thăng tấn trong mỗi địa vị, hòng khiến cho [hành nhân] càng hiểu rõ hơn. [Những hạnh ấy] là cái nhân của Thập Hạnh. Vì thế, tiếp đó nói pháp Thập Hạnh (phẩm này gồm một quyển).

3.2.2.3. Thập Hạnh

Thập Hạnh là nương vào Phổ Trí để phát khởi lòng tin, trụ nơi Phật trụ, bèn có thể hưng khởi dồi dào muôn hạnh, tự lợi, lợi lạc người khác. Vì thế, nói đến Thập Hạnh. Pháp môn Thập Hạnh chính là bốn phẩm kinh được nói trong hội thứ tư tại trời Dạ Ma: Một là phẩm Thăng Dạ Ma Thiên, hai là phẩm Dạ Ma Kệ Tán, ba là phẩm Thập Hạnh, bốn là phẩm Vô Tận Tạng.

3.2.2.3.1. Phẩm Thăng Dạ Ma Thiên

Tu Dạ Ma (須夜摩, Suyāma) cõi này dịch là Thiện Thời Phần (善時分), là Không Cư Thiên^[23], không có mặt trời và mặt trăng mà thường sáng sủa, dùng hoa sen nở hay khép để phân định ngày đêm. Vì thế, nói là Thiện Thời Phần. Nói Thập Hạnh ở nơi đây nhằm biểu thị: Hạnh nương vào Pháp Không, chẳng bị vướng mắc, trầm trệ, khéo ứng hợp thời nghi. Phẩm này nói về chuyện từ Thập Trụ thăng tấn, và tường thuật chuyện Dạ Ma Thiên Vương hóa ra pháp tòa nghênh đón đức Phật. Dạ Ma Thiên vương thỉnh Phật, nói ra mười bài kệ tán, cũng kể ra mười vị Như Lai đã từng vào điện ấy, hiển thị chuyện nhập lý và trí của Thập Hạnh trong hiện thời chẳng khác xưa kia.

3.2.2.3.2. Phẩm Dạ Ma Kệ Tán

Trong phẩm Dạ Ma Kệ Tán (夜摩偈讚), mười vị Bồ Tát như ngài Công Đức Lâm v.v... tán dương hồng hiển thị pháp thuộc mỗi địa vị [trong Thập Hạnh] nhằm khuyên dạy [hành nhân] hãy thăng tấn. Do tận tụy tích lũy hạnh, đức sẽ che phủ rộng khắp. Vì thế, dùng Công Đức Lâm Bồ Tát tán dương, hiển thị. Lúc sắp nói phẩm Thập Hạnh, mười vị Bồ Tát có chữ Lâm^[24] trong danh hiệu từ mười phương, mỗi vị từ các thế giới như Thân Huệ, Phạm Huệ v.v... cùng sát trần Bồ Tát đều nhóm đến. Các vị Bồ Tát ấy đều từ chỗ các đức Phật có chữ Nhân trong danh hiệu tịnh tu phạm hạnh, biểu thị địa vị này là từ huệ mà khởi hạnh che chở, nhiếp thọ, hóa độ. Các vị Bồ Tát dùng chữ Lâm trong danh hiệu, biểu thị diệu hạnh “che phủ rộng rãi”. Địa vị này đã đạt được mắt trí huệ của Như Lai, nên Phật dùng chữ Nhân trong danh hiệu, biểu thị mắt trí huệ lợi lạc chúng sanh. Đây cũng là dùng nhân hạnh đã được hành trong Thập Hạnh để chỉ bày pháp, muốn khiến cho hành nhân sẽ phỏng theo (hai phẩm này và phần thượng của phẩm Thập Hạnh hợp thành một quyển).

3.2.2.3.3. Phẩm Thập Hạnh

Phẩm Thập Hạnh (十行) nói thẳng vào danh nghĩa của Thập Hạnh, chỉ dạy hạnh phải hành của từng địa vị:

1) Hoan Hỷ Hạnh (歡喜行): Dùng ba thứ thân mạng, tài và pháp để bố thí ngũ hầu ta lẫn người đều vui sướng.

2) Nhiêu Ích Hạnh (饒益行): Dùng tam tụ là luật nghi, thiện pháp và nhiếp sanh để [ta lẫn người] đều cùng được lợi ích.

3) Vô Vi Hạnh (無違行): Nhẫn thuận theo lý của chúng sanh, chẳng trái nghịch.

4) Vô Khuất Nhiều Hạnh (無屈撓行): Tinh tấn nơi đạo, chẳng thoái chuyển, khiếm nhược.

5) Ly Si Loạn Hạnh (離癡亂行): Định và Huệ sáng suốt, chánh đáng, không bị mê hoặc.

6) Thiện Hiện Hạnh (善現行): Bát Nhã chiếu trọn vẹn, hiểu thấu suốt trí lẫn cảnh.

7) Vô Trước Hạnh (無著行): Hòa lẫn cùng với Hữu, tâm chẳng chấp trước.

8) Nan Đắc Hạnh (難得行): Đại nguyện thành tựu thì mới có thể đạt được.

9) Thiện Pháp Hạnh (善法行): Dùng diệu thiện lực để thuyết pháp ứng hợp với căn tánh của muôn vật.

10) Chân Thật Hạnh (真實行): Thấu hiểu trí chân thật, hết thấy đều chân thành, đúng thật.

Thập Hạnh dùng ngay Thập Ba La Mật làm gốc, chẳng có hạnh nào không được nhiếp thọ (phẩm này gồm hai quyển).

3.2.2.3.4. Phẩm Vô Tận Tạng

Phẩm Vô Tận Tạng (無盡藏) nói đến mười loại tạng là Tín, Giới, Tàm, Quý, Văn, Thí, Huệ, Niệm, Trì, Biện. Bảy tạng đầu được gọi là Thất Thánh Tài, dùng hai món (Niệm và Trì) để bảo vệ, món cuối cùng là đã tích tập bèn có thể chia sẻ. Lại nữa, chín món đầu là tích tụ, món sau cùng là xuất sanh. Mỗi hạnh đều có lượng và bản thể bao trùm pháp giới, đức dụng bất tận, nên gọi là Tạng. Dùng những điều này để thành tựu pháp Thập Hạnh trên đây, khiến cho mỗi hạnh đều vô tận, hòng thành tựu Thập Hướng trong phần sau, khiến cho [hành nhân] thăng tấn vô tận. Do đó, kế tiếp phẩm này bèn nói pháp Thập Hồi Hướng (phẩm này gồm một quyển).

3.2.2.4. Thập Hồi Hương

Thập Trụ và Thập Hạnh trong phần trước phần nhiều là tâm xuất ly thế tục, hạnh đại bi kém cõi, đến chỗ này bèn dùng trí đã đắc bởi chư Phật nơi Thập Trụ và hạnh xuất thế đã hành trong Thập Hạnh để giúp bi nguyện, ở trong cõi tục lợi lạc chúng sanh, hồi Chân hương Tục, hồi Trí hương Bi, khiến cho Chân và Tục viên dung, Trí và Bi chẳng hai, hồng hồi hương Bồ Đề Thật Tế, dung thông cả năm địa vị, lợi lạc hết thảy. Do vậy, gọi là Hồi Hương (Parinama, 回向). Trí đoạn và ân đức do vậy mà được trọn đủ, Pháp Thân, Báo Thân và Hóa Thân nhờ vậy mà thành tựu. Pháp môn Thập Hồi Hương chính là hội thứ năm được nói tại Đâu Suất Thiên, gồm ba phẩm: Một là phẩm Thăng Đâu Suất Thiên, hai là phẩm Đâu Suất Kệ Tán, ba là phẩm Thập Hồi Hương.

3.2.2.4.1. Phẩm Thăng Đâu Suất Thiên

Đâu Suất (兜率, Tuṣita) cõi này dịch là Tri Túc (知足, biết đủ). Cõi trời này chẳng rời khỏi Dục Giới, nhưng ở trong dục cảnh mà chẳng bị đắm nhiễm; do vậy, gọi là Tri Túc. Cõi trời này thuộc tầng thứ năm trong Dục Giới. Nói Thập Hồi Hương ở chỗ này, biểu thị hồi Chân hương Tục, hồi Trí hương Bi. Tuy dính líu trần lao, nhưng chẳng bị đắm nhiễm, thường ở nơi Trung Đạo, chẳng bị vương mắc, trầm trệ. Phẩm này nói đến sự thăng tấn của Thập Hạnh, và tường thuật chuyện Đâu Suất Thiên Vương trải tòa nghêh tiếp đức Phật. Kinh nói: Đâu Suất Thiên Vương ở trong điện này, bày tòa báu ma-ni có trăm vạn ức tầng cấp. Các vật để trang nghiêm cúng dường mỗi thứ trăm vạn ức. Có các vị Bồ Tát Thập Tín, Thập Trụ... số lượng cũng đến trăm vạn ức vừa trông thấy tòa ấy, ai nấy đều được lợi ích nơi pháp, biểu thị pháp Hồi Hương dung thông trọn ngũ vị, viên dung vô tận.

Pháp tòa [trong hội] Thập Trụ có trăm ngàn tầng cấp, pháp tòa Thập Hạnh có trăm vạn [tầng cấp], Thập Hướng có đến trăm vạn ức, đều nhằm biểu thị sự thăng tấn, mỗi địa vị sau cao trội hơn địa vị trước. Bởi lẽ, từ Thập Trụ cho đến đây, trí, hạnh, bi nguyện đã toàn vẹn, đạo pháp Bồ Tát đã đầy đủ. Tuy hai địa vị sau đều chẳng ra ngoài pháp tạng này, nhưng đều dung thông mà hồi hướng hết thảy, ắt công đức, lợi ích, đức dụng sẽ viên dung vô tận. Vì thế, đối với pháp hay sự, mỗi thứ đều là trăm vạn ức.

Đâu Suất Thiên Vương thỉnh Phật, cũng nói mười bài kệ, nêu danh hiệu của mười đức Như Lai^[25] từng vào điện này. Luận nói: “*Điều này nói lên dấu tích hành đạo của chư Phật, vốn tự trọn khắp, xưa nay chẳng khác*” (Phẩm này gồm một quyển).

3.2.2.4.2. Phẩm Đâu Suất Kệ Tán

Trong phẩm Đâu Suất Kệ Tán (兜率偈讚), mười vị Bồ Tát như Kim Cang Tràng... tán thán, hiển thị pháp thuộc về địa vị của chính mình, khuyên dạy thăng tấn, biểu thị địa vị này, [vận dụng] bi và trí lợi sanh, phá Hoặc (phiền não), dẹp tan tà mà chẳng khuynh động. Vì thế, lấy ngài Kim Cang Tràng^[26] tán thán, hiển dương (phẩm này và phần đầu phẩm Hồi Hướng gộp thành một quyển).

3.2.2.4.3. Phẩm Thập Hồi Hướng

Phẩm Thập Hồi Hướng (十回向) nhằm nói trực tiếp vào danh nghĩa của Thập Hướng, chỉ dạy các hạnh thuộc về mỗi địa vị:

1) Cứu Sanh Ly Tướng (救生離相): Đại bi cứu tế rộng rãi, đại trí chẳng chấp trước.

2) Bất Hoại Hồi Hướng (不壞回向): Đối với Tam Bảo, đạt được tín tâm bất hoại.

3) Đẳng Nhất Thiết Phật (等一切佛): Học theo pháp hồi hướng đã tu của ba đời chư Phật.

4) Chí Nhất Thiết Xứ (至一切處): Các hạnh thuộc về bi nguyện nơi mặt Sự đều tương xứng, trọn khắp pháp giới.

5) Vô Tận Công Đức Tạng (無盡功德藏): Duyên vô tận cảnh, thành vô tận công đức, đắc vô tận quả.

6) Tùy Thuận Kiên Cố (隨順堅固): Thiện hạnh thường thuận theo pháp tánh bình đẳng kiên cố thì hết thấy các thiện căn đều kiên cố.

7) Đẳng Thuận Chúng Sinh (等順眾生): Dùng tâm bình đẳng, thuận theo chúng sanh mà tạo lợi ích.

8) Chân Như Tướng (真如相): Thấu hiểu lẽ chân, thực hành lòng Từ, không có tướng Hữu Tác.

9) Vô Trước Vô Phược Giải Thoát (無著無縛解脫): Chẳng chấp trước, chẳng bị trói buộc, tác dụng tự tại.

10) Pháp Giới Vô Lượng (法界無量): Xứng tánh mà dấy lên tác dụng, vượt trội các hạn lượng.

Pháp Hồi Hướng này dùng đại nguyện lực để dung hội trí, bi, sanh tử, Niết Bàn thành một pháp giới, pháp thật sự tự tại, tạo cơ sở cho quả đức thuộc hai địa vị sau (Thập Địa và Đẳng Giác), dung hợp ba địa vị trước (Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh) để thành tựu hạnh Thập Địa; vì thế, kế tiếp bèn nói pháp Thập Địa (phẩm này gồm mười một quyển).

3.2.2.5. Thập Địa - Phẩm Thập Địa

Thập Địa (十地) là tích lũy các pháp trên đây đã đạt đến mức độ thành thực, hết thấy Phật pháp sẽ nương vào đây để phát sanh; vì thế gọi là Địa (Bhūmi, đất). Kinh chép: “*Hướng đến, tiến nhập hạnh thuộc các địa vị Bồ Tát này, hết thấy Phật*

pháp sẽ theo đó mà sanh”. Pháp môn Thập Địa chính là một phẩm được nói trong hội thứ sáu nơi Tha Hóa Thiên. Tha Hóa Thiên (Parinirmita-vaśavartin) là tột đỉnh của Dục Giới. Nương vào nơi đó mà nói pháp Thập Địa, nhằm biểu thị hạnh Thập Địa nương theo chúng sanh để ứng hóa, chứ không tự mình biến hóa. Bởi lẽ, ba địa vị trước là Tam Hiền, vẫn là tự lợi, ở đây là Thập Thánh, thuần là lợi tha. Do đó, chẳng tự biến hóa. Ở đây, dùng trí Phổ Quang Minh làm Thể, đó gọi là “đã bước trên đất Phổ Quang Minh của Như Lai”. Bốn ngôi vị trước tuy chẳng rời cái Thể này, nhưng công năng tích lũy chưa toàn vẹn, nên chẳng được gọi là Địa. Địa vị này thông đầu thấu cuối, công hạnh đã toàn vẹn, cho nên bốn ngôi vị trước đó dung hợp thành một pháp. Do đó, gọi là Trí Địa của chư Phật. Từ đây cho đến Thập Nhất Địa (Đẳng Giác), chẳng có một pháp nào khác. Luận chép: “*Pháp Thập Địa này thông đầu thấu cuối, là một pháp môn thông suốt*”.

Các vị Bồ Tát trong hội này đều là đại chúng vân tập trong hội, ngài Kim Cang Tạng làm Thượng Thủ, nương vào thần lực của Phật, vì đại chúng nói danh hiệu Thập Địa xong, [đại chúng] chẳng hiểu nghĩa ấy. [Điều này] biểu thị pháp thuộc về Trí Địa của Phật chẳng dễ dãi truyền trao. Lúc đó, ngài Giải Thoát Nguyệt và các vị Bồ Tát ân cần thỉnh cầu ba lượt, sau đó, ngài Kim Cang Tạng mới nói. Vì thế nói là “*thỉnh pháp chủ bạn*”.

Trong đại chúng ấy, danh hiệu của ba mươi bảy vị [Bồ Tát] đầu tiên đều có chữ Tạng, chỉ mình vị cuối cùng tên là Giải Thoát Nguyệt^[27], biểu thị: Địa vị này nương vào trí Kim Cang, tích lũy các pháp trước, cộng thêm ba mươi bảy đạo phẩm, hòng giúp cho thêm phong phú, rộng lớn, đầy đủ, nên gọi là Tạng (藏). Đạt tới cái quả viên mãn thì gọi là Giải Thoát Nguyệt (解脫月). Kinh văn đối với các địa phần nhiều nói là: Bồ Tát đã trụ trong địa này, do đại nguyện lực, được thấy nhiều vị Phật. Tức là thấy hơn trăm đức Phật, hơn ngàn

đức Phật, cho đến hơn trăm ngàn ức na-do-tha Phật, thấy đều dùng tâm tôn kính, phụng sự, cúng dường. Đây chính là công do nương vào địa mà viên mãn, trí do nguyện mà được vẹn toàn, có thể đối với Phật cảnh mà tham cứu thấu triệt trọn khắp. Do đó, được thấy nhiều vị Phật như vậy để thừa sự, cúng dường.

Từ trong thân ngài Kim Cang Tạng, xuất hiện Trí Phật: Kinh văn đến phần giảng về Pháp Vân Địa có đề cập các loại trí lực thần thông vô lượng của hàng Bồ Tát thuộc địa vị ấy, đại chúng đều nghi. Vì thế, Kim Cang Tạng Bồ Tát nhập Nhất Thiết Phật Quốc Thể Tánh tam-muội. Khi đó, đại chúng dự hội đều thấy thân của chính mình ở trong thân của ngài Kim Cang Tạng. Lại thấy trong đó, nơi cõi Bồ Đề, trên tòa sư tử, có Phật hiệu là Nhất Thiết Trí Thông Vương, các tướng trang nghiêm, chẳng thể nói trọn hết. Luận chép: *“Thể tánh của hết thấy cõi Phật chính là vô tác pháp tánh thân. Cây Bồ Đề chính là giác thể trong pháp tánh. Trí Thông Vương Phật chính là diệu trí trong pháp tánh, ai này đều sẵn có, chỉ vì chính mình không có gia hạnh để hiển lộ, phát khởi đó thôi!”* Kẻ ngu này cho rằng: Nếu hành nhân có thể tự hiển lộ, phát khởi, sẽ không chỉ chẳng ngờ vực thần thông trí lực của bậc Thập Địa Bồ Tát, mà còn biết trọn đủ hết thấy Phật đức (đức hạnh của Phật) đã nói trong kinh Hoa Nghiêm đều là phẩm đức thường hằng trong tánh của chúng ta.

“Sát trần đồng danh”: Kim Cang Tạng Bồ Tát nói Thập Địa xong, mỗi phương trong mười phương đều có mười Phật sát trần Bồ Tát, cùng có tên là Kim Cang Tạng, từ chỗ Kim Cang Trang Phật đến làm chứng, biểu thị hành pháp thuộc toàn thể Thập Địa [ở nơi đây] *“mười phương cùng một đạo”*, đều là cái quả nơi trí địa, dẹp tan hết thấy, mà tự thể bất động (phẩm này gồm sáu quyển).

3.2.2.6. Thập Nhất Địa

Thập Nhất Địa chính là địa vị Đẳng Giác, do vượt trời Thập Địa, nên gọi là Thập Nhất Địa, tức một phẩm được nói trong hội thứ bảy tại Tam Thiên Thiên. Do Sơ Thiên ly ưu, Nhị Thiên diệt khổ, Tam Thiên chỉ có niềm vui màu nhiệm là pháp duyệt (法悅, niềm hỷ duyệt nơi pháp). Nương vào chỗ này để nói Thập Nhất Địa, biểu thị công tấn tu đã thành, vượt lìa các nỗi khổ, thường hưởng pháp lạc. Phẩm này có tên là Phật Hoa, kinh văn của phẩm này chưa được truyền đến [Trung Hoa]. Nói là “*Phật Hoa*”, tức là vừa mới dựng lên Phật địa, quả hạnh chưa mãn; bởi lẽ, hoa là đối với quả mà nói. Vì thế, kế tiếp phẩm này, bèn nói các hạnh thuộc về Phật quả (phần kinh văn tiếng Phạn của phẩm này chưa được truyền sang [Trung Hoa]).

Ước theo ngũ vị cho đến chỗ này, để trả lời những câu hỏi trong phần trước thì: Phần Thập Trụ nhằm đáp câu hỏi về trí hải của Bồ Tát, phần Thập Hạnh nhằm trả lời câu hỏi về hạnh hải của Bồ Tát, phần Thập Hương trả lời câu hỏi về thệ nguyện hải của Bồ Tát, phần Thập Địa là trả lời câu hỏi về địa hải (biển địa vị) của Bồ Tát, phần Thập Nhất Địa nhằm trả lời câu hỏi về xuất ly hải (biển xuất ly) của Bồ Tát. Đó là nói tới các biển Bồ Tát Ba La Mật, Bồ Tát thần thông, Bồ Tát thừa, Bồ Tát trợ đạo v.v... đều trọn đủ ở đây.

Kế đó, từ phẩm Thập Định cho tới phẩm Thọ Lượng, phẩm Bất Tư Nghị, phẩm Phổ Hiền Hạnh, gồm mười một phẩm, đều nhằm trả lời [các câu hỏi về] biển thọ lượng, biển biến hóa, biển giải thoát của Phật, những điều được giải đáp đã trọn hết. Sau đó là phẩm Nhập Pháp Giới nhằm phô bày trọn vẹn, khuyên dụ lần nữa về nhân quả của ngũ vị, tức là ba mươi bảy phần trả lời đều dựa theo [những câu hỏi] trong phần trước để phô bày trọn vẹn, khuyên dụ lần nữa vậy.

Nói đến pháp thuộc ngũ vị thì khởi đầu tại Đạo Lợi, kết thúc tại Tam Thiên, chư thiên tiếp đãi đức Phật, thoát đầu là

xếp đặt pháp tòa, cuối cùng là bày biện pháp tòa. Do trụ chỗ Phật trụ, mà cũng chẳng lia chỗ trụ ấy. Vì thế, pháp Thập Trụ ở trong Địa Cư Thiên, nói tại Đạo Lợi, pháp tòa được xếp đặt, chưa đến mức biến hóa. Các hạnh thuộc Thập Hạnh đều là thật, vượt trội, dứt bật thế tục. Do vậy, pháp Thập Hạnh được nói tại trời Dạ Ma thuộc Không Cư Thiên, pháp tòa được biến hóa, nhưng chưa đến mức trải tòa, thật sự là tự lợi, chẳng nhằm lợi tha. Biến hóa thì phải dựa vào hư không, do chẳng nhằm nhập Hữu, ắt cần phải hồi Chân nhập Tục, vận dụng Trí hành Bi, khiến cho trên là có thể vượt thoát dục cảnh, dưới là có thể giống như muôn vật. Do đó, [pháp Thập Hồi Hướng] được nói tại trời Đâu Suất thuộc tầng trời thứ năm, pháp tòa được trải rộng, không chỉ là có thể xếp đặt, có thể biến hóa mà thôi. Từ đây, chất chứa công hạnh thành thật, rộng rãi như đất, diệu dụng phát khởi, vượt trội, chẳng nương theo thứ tự. Do vậy, pháp Thập Địa vượt khỏi trời Hóa Lạc, nói tại Tha Hóa Thiên. Vượt khỏi địa vị này, sẽ dự vào địa vị Đẳng Giác, vượt thoát hẳn khỏi các nỗi khổ, thường hưởng pháp lạc. Do vậy, Thập Nhất Địa vượt khỏi Nhị Thiên, nói trong Tam Thiên Thiên. Điều này biểu thị: Ngôn từ và ý nghĩa một chữ chẳng giả, công hạnh ngũ vị đã viên mãn, Phật quả hiện tiền.

Luận phán định phần này thuộc địa vị Đẳng Giác. Do các địa vị Trụ, Hạnh, Hướng, Địa chia thành hiền và thánh, hạnh có cạn hay sâu, công chưa viên mãn, nên giác chưa bình đẳng. Tuy nói là Đẳng Địa, mà là Bồ Tát quả, chẳng phải là Phật quả. Bao gồm cả bốn pháp trước, tiến nhập địa vị này, thì mới viên mãn, mới bình đẳng, cho nên có thể đạt được Phật quả. Kế đó, kinh nói tới quả vị Phật.

3.2.2.7. Phật Quả Hạnh

Phật Quả Hạnh là địa vị Diệu Giác. Từ Thập Tín là cái nhân ban đầu, trải qua pháp ngũ vị, tu tập, đối trị tập khí phiền

hoặc. Tập khí đã hết, trí sáng suốt, bèn nương vào hạnh này để thành Phật quả, tức là hội thứ tám được nói tại Phổ Quang Điện, bao gồm mười một phẩm, tức là các phẩm Thập Định, Thập Thông, Thập Nhân, A Tăng Kỳ, Như Lai Thọ Lượng, Bồ Tát Trụ Xứ, Bát Tư Nghị Pháp, Thập Thân Tướng Hải, Tùy Hảo Công Đức, Phổ Hiền Hạnh và Như Lai Xuất Hiện. Ngài Thanh Lương bảo sáu phẩm trước nhằm nói “cái nhân Đẳng Giác đã viên mãn”, năm phẩm sau là “cái quả Diệu Giác đã mãn”.

Nhân hạnh của Thập Tín và quả hạnh này đều nương vào Phổ Quang Điện để nói, chỉ rõ: Tu Hoa Nghiêm hạnh, thoát đầu nương vào bốn trí Phổ Quang để dấy lên lòng tin, lần lượt thăng tấn qua các địa vị, cho tới khi hạnh trọn khắp, quả viên mãn, chưa hề lìa khỏi bốn trí. Đây chính là nhân và quả chẳng dôi, Bốn Giác và Thỉ Giác chẳng hai, ba đời một niệm, thoát đầu và cuối cùng chẳng chuyển dôi, tương ứng với Phật trí bất động mà chứng cực quả pháp giới bất sanh bất diệt. Đây thật sự là ý chỉ chánh yếu của kinh Hoa Nghiêm vậy.

3.2.2.7.1. Phẩm Thập Định

Phẩm Thập Định (十定) chỉ bày trí thể căn bản mà Phật và chúng sanh cùng có, là nguồn cội của Tịch và Dụng, chỉ có quả Phật mới có thể thấu hiểu tận cùng sự diệu kỳ ấy. Đức dụng không bờ bến, do ngụ ý hiển lộ viên dung mà nói thành mười thứ:

- 1) Phổ Quang Đại Định.
- 2) Diệu Quang Đại Định.
- 3) Biến Vãng Phật Quốc Đại Định (đại định đến trọn khắp các cõi Phật).
- 4) Thanh Tịnh Thâm Tâm Đại Định.
- 5) Tri Quá Khứ Trang Nghiêm Tạng Đại Định.

- 6) Trí Quang Minh Tạng Đại Định.
- 7) Liễu Nhất Thiết Phật Trang Nghiêm Đại Định.
- 8) Chúng Sanh Sai Biệt Thân Đại Định.
- 9) Pháp Giới Tự Tại Đại Định.
- 10) Vô Ngại Luân Đại Định.

Nói tới Thập Định, đại thể nơi Tịch và Dụng của chư Phật xưa nay tự tại trọn khắp. Vì thế, dung hòa ngũ vị, thành một pháp thể, không có khởi đầu, chẳng có kết thúc, chẳng dòi, chẳng động, “một, nhiều, thuần, tạp, giống, khác” tự tại. Vì thế, đức Phật nói ra danh xưng của Thập Định; trước tiên, tại Phổ Quang Điện, Ngài nhập sát-na tế tam-muội nhằm chỉ rõ cái Thể của môn Định này hoàn toàn là cái Thể của trí Phổ Quang, chẳng còn có các tướng “xưa, nay, kéo dài, rút ngắn, đầu, cuối, dòi, động” v.v... đều là đốn viên (nhánh chóng trọn vẹn) trong khoảng khảy ngón tay. Vì thế nói là sát-na tế tam-muội (刹那際三昧, tam-muội trong khoảng một sát-na).

Đạt được môn tam-muội ấy, sẽ đều có thể đồng hạnh với đức Tỳ Lô [Xá Na Như Lai], Tịch và Dụng tự tại. Đây chính là cái Thể của bản trí mà chúng sanh và Phật đều cùng có, là nguồn cội của Tịch và Dụng vậy. Trong phẩm này, đức Phật tự nói danh xưng của Thập Định, sai ngài Phổ Hiền nói về Dụng của Thập Định, nhằm chỉ rõ: Phật là trí thể căn bản, Phổ Hiền là tác dụng của Sai Biệt Trí. Hai đấng giúp lẫn nhau, Tịch và Dụng bèn có thể tự tại.

Trong đại chúng có một trăm vị, ba mươi vị đầu danh hiệu cùng có chữ Huệ, bảy mươi vị sau mỗi vị đều khác tên. Luận cho rằng ba mươi vị nhằm biểu thị sự giải thoát, bảy mươi vị nhằm biểu thị bảy giác hạnh, ý nói: Các vị Bồ Tát ấy nương vào Tam Giải Thoát Huệ (Văn, Tư, Tu), hành Thất Giác Hạnh^[28] để giác ngộ và lợi lạc quần sanh. Huệ của các ngài tương đồng, mà hạnh khác nhau. Như Tam Không (Ngã Không, Pháp Không, Ngã Pháp Câu Không), Thất Giác là sơ

hạnh để tấn tu, được thực hiện nơi quả vị. Đây là hạnh của bậc thánh nhân đã hạ mình cho giống với chúng sanh. Do vậy, phẩm này đã chép: Ma-ni châu vương có thể tùy theo lòng mong cầu mà có cùng màu sắc với các vật, nhưng chẳng đánh mất đặc tánh của viên châu ấy. Ví như bậc đã đắc quả bảo vương, tùy thuận căn cơ mà lợi sanh, thuận theo căn cơ để [thị hiện] giống như muôn loài, nhưng chẳng đánh mất phẩm đức nơi cái quả của chính mình vậy (phẩm này gồm bốn quyển).

3.2.2.7.2. *Phẩm Thập Thông*

Phẩm Thập Thông (十通) là nói từ Định khởi tác dụng thành mười loại trí thông:

- 1) Tha Tâm Thông.
- 2) Thiên Nhãn Thông.
- 3) Túc Mạng.
- 4) Tri Vị Lai (biết tương lai).
- 5) Thiên Nhĩ.
- 6) Vãng Nhất Thiết Sát (đến hết thấy các cõi).
- 7) Thiệt Sai Biệt Ngôn (khéo phân định các ngôn từ sai khác).
- 8) Vô Số Sắc Thân.
- 9) Đạt Nhất Thiết Pháp (đạt hết thấy các pháp).
- 10) Nhập Nhất Thiết Diệt Tận Tam Muội.

Đây chính là triển khai Lục Thông thành Thập Thông. [Các thông như] Thiên Nhãn, Thiên Nhĩ, Thần Túc và Lộ Tận mỗi món đều được tách thành hai, còn Tha Tâm và Túc Mạng chẳng tách ra. Thiên Nhãn tức món thông thứ hai và thứ tư, món thứ hai ước theo hiện tại, món thứ tư ước theo tương lai. Thiên Nhĩ là món thứ năm và thứ bảy, món thứ năm là ước theo khéo nghe, còn món thứ bảy là ước theo khéo phân biệt. Thần Túc là món Thông thứ sáu và thứ tám, món thứ sáu nói theo lực dụng, còn món thứ tám nói theo sự hiện thân. Lộ

Tận là món thứ chín và thứ mười, món thứ chín nói theo Lộ Tận trong trí, còn món thứ mười là Lộ Tận trong Định. Những món này đều lấy đại trí vô chướng ngại làm Thể, hàng tiểu thánh chẳng thể bằng được! Phẩm này kế tiếp phẩm Thập Định hồng giảng về chuyện từ Định khởi Dụng; do đó có mười loại trí thông này.

3.2.2.7.3. *Phẩm Thập Nhẫn*

Phẩm Thập Nhẫn (十忍) chỉ bày phương tiện nhiếp hóa, tùy hành pháp nhẫn. Quả hạnh đến đây đã viên mãn, do Thông mà thành tựu Nhẫn, quả hạnh viên mãn, rốt cuộc bình đẳng. Luận chép: *“Trước khi đạt đến Thập Địa, do Nhẫn mà thành tựu Thông. Sau khi đã đạt tới Thập Nhất Địa, sẽ do Thông mà thành Nhẫn. Trong những quả vị trước đó, Phục Nhẫn là tùy theo từng địa vị mà tán tu, còn ở đây chính là Pháp Nhẫn tùy hạnh lợi sanh. Quả hạnh đến đây thì Phổ Hiền Hạnh đã mãn, thuần là Diệu Giác Như Lai, nhưng chẳng xả phương tiện của Bồ Tát. Vì thế nói là quả hạnh hoàn thành viên mãn”*.

Hạnh của bậc Diệu Giác Bồ Tát chính là Pháp Nhẫn. Kinh chép: Bồ Tát có Như Hưởng Nhẫn, Như Ảnh Nhẫn, Như Hóa Như Không v.v... mười thứ Nhẫn, tức là dựa theo từng sự việc lợi lạc chúng sanh [mà có danh xưng khác biệt], chứ thật ra chẳng có giống hay khác! Ví như tiếng vang từ trong hang, theo duyên mà dậy lên, chẳng trái nghịch, chẳng xen tạp đối với Pháp Tánh. Lại như ánh nắng mặt trời soi bóng trong hết thủy, ở trong dầu mà chẳng phải là dầu, ở trong nước mà chẳng phải là nước, nơi sông chẳng trôi, nơi giếng chẳng chìm, cùng là một Thể chẳng khác biệt, mà có đây, kia, chẳng thuận theo muôn vật mà có gần hay xa. Trong pháp Vô Nhị, Bồ Tát phân biệt hai tướng, khéo léo thông đạt, tùy hạnh Pháp Nhẫn đều là như thế đó. Máy phẩm này trước sau không nêu

ra danh hiệu Bồ Tát, bèn dựa theo ý kinh để bổ sung [ý nghĩa khi giảng giải] (phẩm này và phẩm Thập Thông trước đó gộp thành một quyển).

3.2.2.7.4. Phẩm A Tăng Kỳ

Phẩm A Tăng Kỳ (阿僧祇) và phẩm Tùy Hảo Công Đức (隨好功德) nói về hai pháp ngu do mê mất Phật quả, tức là cái ngu đối với cách tính toán rộng lớn và cái ngu đối với tùy hảo công đức. Chỉ có đức Phật hiểu thấu suốt hai chuyện này, hàng Bồ Tát vẫn còn ngu đối với hai chuyện ấy. Vì thế, trong bốn mươi phẩm kinh, chỉ có hai phẩm này là do đức Phật tự nói, những phẩm khác đều do hàng Bồ Tát thuộc từng địa vị nói. Do vậy, nói rõ về sự tính toán rộng lớn hòng phô bày Phật đức (佛德, phẩm đức của Phật) chẳng thể dùng số lượng để nêu trọn hết được. Vì thế, trong phần Trường Hàng, đã biện định con số Vô Lượng có thể tính đếm; trong phần Kế Tụng, biện định đức năng được tính đếm vô biên. Như vậy thì phẩm A Tăng Kỳ nói về trọn khắp hết thảy các con số, phẩm [Nhu Lai] Thọ Lượng nhằm nói cùng tột hết thảy các thời. Phẩm [Bồ Tát] Trụ Xứ là nói trọn khắp hết thảy các chỗ.

Luận về A Tăng Kỳ (Asamkhyeya), cõi này dịch là Vô Số. Những con số được nói trong phẩm này đều là chẳng có cách nào tính toán, chẳng có cách nào diễn tả, nhưng kinh nói: “*Như thế ba đời chẳng có ngàn mé, hết thảy Bồ Tát đều hiện rõ ràng*”. Phẩm này và phẩm Tùy Hảo Công Đức đều nói đến hai pháp nơi Phật quả [mà những ai chưa chứng đắc Phật quả] sẽ đều ngu tối, [chẳng thể lãnh hội hai pháp ấy]. Bồ Tát còn ngu nơi hai pháp ấy, chỉ có Phật hiểu thấu đáo. Vì thế, nói là “*Phật địa pháp môn*” (pháp môn thuộc vào địa vị Phật). Phẩm này do Tâm Vương Bồ Tát thưa hỏi, phát khởi. Từ đây cho đến phẩm Như Lai Xuất Hiện, đã nói rõ ba nghiệp và hai trí rộng lớn tự tại nơi Phật quả. Đây chính là do Thông mà

thành tựu Nhân. Tâm nghiệp rộng lớn, tự tại như vua. Vì thế, nhờ vào Tâm Vương Bồ Tát để khởi xướng vậy.

3.2.2.7.5. Phẩm Như Lai Thọ Lượng

Kể đó, phẩm Như Lai Thọ Lượng (如來壽量) nói về Thật Báo nơi địa vị Phật. Thọ mạng xứng tánh, cùng tột thời gian vô tận trong sát hải (biển các cõi Phật), [phẩm này chỉ] nêu ra vài cõi Phật để biểu thị. Tán thán rằng: “*Dĩ nhật đẳng kiếp, vô diệt, vô sanh*” (Coi một ngày bằng với cả kiếp, vô diệt, vô sanh) v.v...

Kinh chép: Khi ấy, Tâm Vương Bồ Tát bảo đại chúng rằng: “*Một kiếp trong thế giới Sa Bà này, tức cõi của Phật Thích Ca, là một ngày một đêm trong thế giới Cực Lạc là cõi của Phật Di Đà. Một kiếp trong Cực Lạc là một ngày một đêm trong thế giới Ca Sa Tràng là cõi của Kim Cang Kiên Phật*”. Nêu ra mười thế giới như thế, cứ mỗi kiếp trong thế giới trước sẽ là một ngày một đêm trong thế giới sau. Kinh nói lần lượt như thế hơn một trăm vạn A-tăng-kỳ thế giới. Trong thế giới cuối cùng, cũng giống như trong những thế giới trước, một kiếp trong [cõi trước] là một ngày một đêm trong thế giới cuối cùng. Các vị Bồ Tát có hạnh giống như Phổ Hiền Bồ Tát đầy ắp trong ấy, có nghĩa là nơi Thật Báo trong địa vị Phật, thọ mạng xứng tánh vô tận, trí căn bản vô sanh diệt. Đây là do tâm nghiệp rộng lớn tự tại, khiến cho mạng nghiệp rộng lớn tự tại.

3.2.2.7.6. Phẩm Bồ Tát Trụ Xứ

Kể đó, phẩm Bồ Tát Trụ Xứ (菩薩住處) chỉ rõ: Không phương nào chẳng nhiếp thọ, hóa độ, chẳng xả thế gian. Vì thế, nêu ra tám phương, dù là núi hay biển đều có bậc thánh cư trụ, không nơi nào chẳng trọn khắp. Tán thán

rằng: “*Không phương nào chẳng nhiếp thọ, hóa độ*”... Khi ấy, Tâm Vương Bồ Tát bảo đại chúng rằng: Phương Đông có chỗ gọi là núi Tiên Nhân, từ xưa các vị Bồ Tát ở trong nơi ấy. Hiện tại đang có Bồ Tát tên là Kim Cang Thắng cùng với các vị Bồ Tát thường thuyết pháp tại đó. Phương Nam có chỗ tên là núi Thắng Phong, phương Tây có chỗ tên là núi Kim Diễm, cho đến núi Hương Tích ở phương Bắc, núi Thanh Lương ở phương Đông Bắc, núi Kim Cang ở trong biển, núi Chi Đề ở phương Đông Nam, núi Quang Minh ở phương Tây Nam, núi Hương Phong ở Tây Bắc, tính ra là chín chỗ, đều giống như đã nêu trên đây. Sau đây, Ngài lại nói rộng thành hai mươi hai chỗ. Chỉ có chín chỗ ấy là có [nêu ra] danh hiệu Bồ Tát. Đây là kể đại lược theo một Diễm Phù Đề mà thôi, trụ xứ của Bồ Tát thật sự trọn khắp pháp giới, chẳng có nơi chốn. Luận chép: “*Điều này nhằm nói về hạnh của Phật, Bồ Tát là tuyên dương, giáo hóa trọn khắp, thường thực hiện chẳng ngưng dứt, chẳng xả thế gian*”. Đây là do mạng nghiệp rộng lớn, tự tại, khiến cho hạnh nghiệp to rộng, tự tại. Mạng nghiệp và hạnh nghiệp đều lấy tâm làm gốc. Vì thế, [những điều này] đều do Tâm Vương Bồ Tát nói ra. Núi Thanh Lương chính là núi Ngũ Đài hiện thời (phẩm này và hai phẩm trước gộp thành một quyển).

3.2.2.7.7. Phẩm Phật Bất Tư Nghị

Kể đó, phẩm Phật Bất Tư Nghị (佛不思議) nói về trí đức trong quả pháp của Phật, sâu rộng, vượt trời, chẳng do thức tình, suy nghĩ, bàn luận mà hòng thấu đạt được. Tán thán rằng: “*Tác dụng chẳng nghĩ bàn của Căn Bản Trí*” v.v... Trước hết, nói về những chuyện nhiếp thọ và hóa độ trong hạnh của Phật, Bồ Tát, chỉ rõ trí Phật có thể biến hóa chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể dùng tình, thức, danh từ, ngôn ngữ mà hòng thấu đạt được. Phẩm này do thần lực của đức

Phật gia trì Thanh Liên Hoa Tạng Bồ Tát diễn nói. Luận chép: “*Thanh Liên Hoa Tạng biểu thị bốn trí chẳng nhiễm, có Sai Biệt Trí*”. Luận lại nói, Liên Hoa Tạng biểu thị Bốn Trí và Biệt Trí hai đấng thành tựu lẫn nhau, nhằm hiển thị diệu dụng chẳng thể nghĩ bàn của vị Phật trong tâm. Đây chính là sự tự tại rộng lớn của hai trí vậy (phẩm này gồm hai quyển).

3.2.2.7.8. Phẩm Thập Thân Tướng Hải

Kế đó, phẩm Thập Thân Tướng Hải (十身相海) minh thị đại trí nhiếp thọ, giáo hóa, cảm vùi chánh báo có mười loại thân, tức là Bồ Đề thân, nguyện thân, hóa thân, lực trì thân, tướng hảo thân, oai thế thân, ý sanh thân, phước đức thân, trí thân, và pháp thân. Lại có mười Hoa Tạng thế giới hải vi trần số tướng trang nghiêm. Vì thế, gọi là Thập Thân Tướng Hải.

[Kinh luận] thường nói “ba mươi hai tướng”, đây chính là Hóa Thân. Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật nói “tám vạn bốn ngàn tướng”, đây chính là Báo Thân. Nay [nói đến] mười Hoa Tạng vi trần số tướng, chính là Pháp Thân. Tán rằng: “*Trí vạn đức trang nghiêm chẳng nghĩ bàn*”...

Kinh nêu ra chín mươi bảy tướng đại nhân, còn như mười Hoa Tạng hải vi trần số thân tướng được gọi là “*thập thân tướng hải, vạn đức trang nghiêm*”. Luận chép: “*Trong phần trước nói đến tác dụng chẳng thể nghĩ bàn của tâm Phật nhị trí, phần này là nói về quả báo chẳng thể nghĩ bàn của tâm Phật nhị trí. Vì thế, gọi là quả Phật thanh tịnh trí chẳng thể nghĩ bàn*”.

3.2.2.7.9. Phẩm Tùy Hảo Công Đức

Kế đó, phẩm Tùy Hảo Công Đức (隨好功德) chỉ rõ, thuận theo các tướng nhiều như số vi trần, mà có các hảo nhiều như số vi trần. “*Tướng*” (相) là nói hình trạng,

còn “hảo” (好) là nói đến vẻ đẹp của tướng. Trong mỗi hảo, có nhiều quang minh có thể thanh tịnh vô biên cõi, [khiến cho chúng sanh] thoát khỏi tội Vô Gian, công đức khó thể nghĩ tưởng! Tán rằng: “*Quang tướng trang nghiêm bất tư nghị hạnh*” (Tướng quang minh trang nghiêm, hạnh chẳng thể nghĩ bàn) v.v...

Kinh chép: Như Lai có tùy hảo tên là Viên Mãn Vương, phóng đại quang minh tên là Thanh Tịnh Công Đức có thể chiếu các cõi số nhiều như vi trần, tùy theo các hạnh nghiệp và sự ưa thích của chúng sanh, đều khiến cho thành tựu. Do chánh trí thuận theo hạnh mà phá các chướng ngại, cho nên thành quang minh này để tự trang nghiêm thân, và cũng dùng để trang nghiêm chúng sanh. Vì thế nói là Tùy Hảo Trang Nghiêm. “*Tùy hảo*” (隨好) là sự tốt đẹp tùy thuộc hình tướng.

Trong phần trên là nói về trí báo (智報, quả báo của trí huệ) mà thành tướng đại nhân, ở đây nói về hạnh báo (行報, quả báo do hạnh cảm vời) mà thành tùy hảo tướng. Do vậy, nói là “*bất tư nghị hạnh thanh tịnh quả Phật*”. Hai phẩm này đã nêu chung các pháp về quả báo của ba nghiệp và hai trí rộng lớn, tự tại. Trong phẩm này, [đức Thế Tôn] sai Bảo Thủ Bồ Tát nói, nhằm biểu thị: Tánh quang của Pháp Thân tùy thuận hạnh để tiếp dẫn. Hai thánh hiệu^[29] kể đó là chuyện được tường thuật trong phẩm này (Phẩm này và phẩm Thập Thân Tướng Hải trên đây hợp thành một quyển).

3.2.2.7.10. Phẩm Phổ Hiền Hạnh

Tiếp đó, phẩm Phổ Hiền Hạnh (普賢行) nói về biển hạnh của Phật, dung hội trí môn trong phần trước, rộng thực hiện lợi hạnh (利行, hạnh lợi lạc chúng sanh). Tán rằng: “*Dung tiền trí môn*” (Dung thông trí môn trong phần trước) v.v... Phẩm này nói rộng về hạnh pháp Phổ Hiền, dung

hội quả trí trong phần trên, dùng bát trần để lợi lạc chúng sanh. Chư Phật cùng hành quả hạnh của Như Lai cho đến chỗ này là tốt bậc. Vì thế, kể đến sẽ nói phẩm Như Lai Xuất Hiện rồi nhắc đến Phổ Tràng Phật. [Kinh chép]: Lúc bảy giờ, ngài Phổ Hiền nói pháp này xong, mười phương sát trần Bồ Tát cùng tên Phổ Hiền, mỗi vị đều từ thế giới Phổ Thắng là cõi của Phổ Tràng Tự Tại Phật, đến cõi này làm chứng, biểu thị Thể và Dụng nơi Phổ Hiền Hạnh của chư Phật. Ứng xử khiêm nhu là Phổ Thắng, dẹp tan Tự lẫn Tha là Phổ Tràng. Lý trí bi nguyện trọn đủ tùy duyên là tự tại, thẳng tấn địa vị tốt cùng, ngầm tạo đạo này. Đây chính là “đến cõi này”. “*Làm chứng như thế*” nhằm biểu thị Phổ Hiền hạnh của Phật trọn khắp hết thấy mọi nơi, mười phương có cùng một đạo, chẳng hai, vô tận (phẩm này gồm một quyển).

3.2.2.7.11. Phẩm Như Lai Xuất Hiện

Kể đến là phẩm Như Lai Xuất Hiện (如來出現). Trước hết, Như Lai Tánh Khởi Diệu Đức Bồ Tát (如來性起妙德菩薩) chính là một danh hiệu khác của vị đứng đầu về Tín, tức Văn Thù. Ở đây, Ngài thỉnh vấn về pháp Như Lai Xuất Hiện, chỉ rõ: Từ Thập Tín nương theo trí để tấn tu, đến chỗ này thì trí hạnh và bi hạnh thế gian lẫn xuất thế gian đã mãn, tức là bốn trí Như Lai từ tự tánh dậy khởi, diệu đức trọn đủ. Vì thế, dùng Như Lai Tánh Khởi Diệu Đức Bồ Tát để thưa hỏi về pháp Như Lai Xuất Hiện. Phẩm này cùng phẩm trước là hòa hợp ba nghiệp và hai trí thành công rộng lớn, tự tại. Lại tán rằng: “*Tự tánh Như Lai pháp vũ sở nhuận*” (Được pháp vũ từ tự tánh Như Lai nhuận thấm) v.v...

Kinh nói đức Như Lai xuất hiện, có mười loại tướng lợi hạnh vô lượng. Cho đến tướng thứ mười, tức là tướng âm thanh, bèn nói như sau: “*Như Lai muốn dùng chánh pháp để giáo hóa chúng sanh, trước hết vây bủa thân vân (身*

雲, mây thân thể) che rợp pháp giới, thị hiện đủ loại quang minh và tia chớp, xuất sanh vô lượng tiếng sám tam-muội. Từ vô ngại bi tâm, dấy lên đại trí phong luân. Sau đây, từ nơi mây Pháp Thân, tuôn rộng rãi các thứ mưa pháp. Đó gọi là vì bậc Bồ Tát ngồi đạo tràng (thành Chánh Giác) mà tuôn pháp vũ pháp giới chẳng sai biệt, vì vị Bồ Tát nơi thân cuối cùng (Nhất Sanh Bồ Xứ) mà tuôn mưa giáo pháp du hý bí mật của Như Lai, cho đến vì người cầu Độc Giác Thừa mà tuôn mưa pháp 'biết sâu xa duyên khởi, rời lìa hai bên, chẳng hoại giải thoát'. Vì người cầu Thanh Văn Thừa, tuôn pháp vũ 'dùng gươm trí huệ đoạn phiền não oán". Những điều khác chẳng thể kể trọn, đều nói rõ tự tánh Như Lai công viên mãn, trí hiện tiền, hạnh lợi sanh vô tác, vô hạn tự tại.

Kế đến là hai loại đại chúng được thọ ký thành Phật. Phổ Hiền Bồ Tát nói pháp Như Lai Xuất Hiện xong, mười phương sát trần Như Lai cùng có tên là Phổ Hiền đến làm chứng, lại nói lời này: "Nay trong hội này, mười phương sát trần Bồ Tát đã đắc hết thấy thần thông và tam-muội của Bồ Tát, ta đều thọ ký họ trong một đời sẽ đắc Bồ Đề. Lại có sát trần chúng sanh phát Bồ Đề tâm, ta cũng thọ ký họ trong tương lai qua khỏi bất khả thuyết sát trần số kiếp, đều được thành Phật, có danh hiệu là Thù Thắng Cảnh Giới". Điều nhằm nêu rõ: Chính mình đã tu hành đắc quả, nay những đại chúng được hóa độ cũng sẽ đắc quả. Đối với hàng Bồ Tát bèn nói là "một đời" vì các Ngài căn cơ đã chín muồi, dễ dàng thông đạt, vượt trội. Đối với chúng sanh bèn nói là "trần kiếp" (塵劫, số kiếp nhiều như vi trần) là vì họ tích lũy mê muội đã lâu, khó thể thông đạt vượt trội! Đó là đặc biệt nói theo căn cơ. Trong Thật Tánh, xưa nay là cùng một thời, ba đời là trong cùng một niệm; vì thế, nhanh chóng chứng trong một sát-na.

Lại do sát-na tam-muội, hiển lộ biển chánh trí huệ của Như Lai, tức là cái mê trong vô biên kiếp sẽ bị nhanh chóng

diệt trừ ngay lập tức; đó là “trải qua bất khả thuyết kiếp, đều được thành Phật, hiệu là Thù Thắng Cảnh Giới”, vì đã vượt khỏi cái cảnh so đo trong tình thức.

Khởi đầu là ngài Văn Thù phát khởi tín tâm, [lần lượt] trải qua các địa vị mà tấn tu cho đến Đệ Thập Nhất Địa, Phật quả đã thành. Lại nữa, vốn sẵn có Định Thê, từ Định khởi tác dụng, thuận theo hạnh mà thành tựu Nhân, thông đạt nhị ngu^[30], hưởng tuổi thọ của Thật Báo, nhiếp thọ và hóa độ chẳng ngần mé, chẳng xả thế gian, thành tựu trí chẳng nghĩ tưởng, đạt được quả báo thập thân. Lại dùng đại hạnh Phổ Hiền để tạo lợi ích viên dung, rộng lớn. Đây chính là phẩm đức của tự tánh Như Lai. Do vậy, nói rõ tột cùng: Xưa kia bị vọng che lấp, đến đây mới hiển hiện.

Vì thế, nói đến cuối cùng, phẩm Như Lai Xuất Hiện đã bao gồm chung cả quả lần hạnh, lại nói phẩm Ly Thế Gian, nhằm chỉ rõ thường đạo lợi lạc chúng sanh sau khi đã đắc quả. Phẩm này cũng liên thuộc phần Thiết Pháp Trì Tập Tu Chứng (lập phương pháp để đối trị tập khí, tu chứng). Phẩm này gồm ba quyển.

Ngài Thanh Lương phán định ba mươi một phẩm trên đây thuộc phần Tu Nhân Khế Quả Sanh Giải (修因契果生解, tu nhân, khế nhập quả, sanh sự giải ngộ), phẩm Ly Thế Gian là phần Thác Pháp Tấn Tu Thành Hạnh (托法進修成行, cậy vào pháp tấn tu để thành tựu hạnh). Từ trên cho đến chỗ này đã giải thích xong đệ nhị châu.

3.2.3. Đệ Tam Châu

Đệ tam châu chính là phẩm Nhập Pháp Giới (入法界) trong hội thứ mười. Thiện Tài (Sudhanakumâra, 善財) đi về phương Nam, [nội dung của phẩm này nhằm] nhắc lại nhân quả của ngũ vị, đây là phần Khử Ngôn Y Hạnh Viên Chương Pháp Giới (去言依行圓彰法界, bỏ ngôn từ, nương

vào hạnh để phô bày trọn vẹn pháp giới). Các phần trước là diễn tả, chỉ dạy pháp môn, phần này là [thực hiện để] mong [thính chúng] sẽ thấu hiểu, hành theo. Vì thế, nương vào [những cuộc tham học của] Thiện Tài nhằm khuyên lơn, nhắc lại [những giáo nghĩa trong phần trước]. Lại do công tu trong phần trước đã hoàn tất, bèn quên sạch ngôn từ, chứng nhập pháp môn này. Vì thế, gọi là Khử Ngôn Y Hạnh.

Kinh văn trong phẩm này là từ cái nhân mà suy rộng ra, được tỏ lộ qua việc Thiện Tài đi qua một trăm tòa thành, từ nơi cái quả của chính mình mà suy xét; vì thế, chỉ bày lầu gác của đức Di Lạc. Hạnh môn trong ngũ vị, pháp giới, lý, sự, đều tận mắt được thấy trọn hết, đây là Viên Chương Pháp Giới (圓彰法界, phô bày trọn vẹn pháp giới). Do nương vào đây để chứng nhập, nên gọi là phẩm Nhập Pháp Giới, tức là những điều được nói cuối cùng tại Thệ Đa Lâm Cấp Cô Viên (Kỳ Thụ Cấp Cô Độc Viên). Lâm viên ấy ở tại Tây Vực thuộc nhân gian. Nói phẩm Nhập Pháp Giới tại đó, nhằm dạy “*chẳng lìa nhân gian chính là Phật pháp giới*”. Đại chúng nhóm họp trong hội pháp giới đều ngầm thị hiện thần thông biến hóa nhằm phô rõ quả hạnh. Đại chúng trong hội do được chỉ dạy ngầm như vậy, cũng đều ngầm ngầm đắc tam-muội. Đây chính là nghĩa Khử Ngôn Y Hạnh (去言依行, đoạn tuyệt nói năng, nương theo hạnh). Bởi lẽ, hễ còn trăm trệ nơi nói năng thì rốt cuộc sẽ mê nơi pháp đã chứng; nếu không có hạnh, rốt cuộc sẽ trở thành cuồng giải.

Vì thế, cuối cùng lập riêng pháp môn “*bỏ nói năng, nương vào hạnh*”. Cậy vào chuyện Thiện Tài đi về phương Nam để trở về địa vị, chẳng phé bỏ sự tấn tu. Lập ra pháp, đặt để khuôn mẫu, khiến cho mọi người phỏng theo, đó gọi là Đạo Hậu, có thể chánh đáng tu hành, an ổn xuôi giòng mà vào biển trang nghiêm mẫu nhiệm của Phật pháp giới. Nhưng kẻ mê hoặc, cứ chấp suông tên gọi Khử Ngôn (去言, bỏ đi lời nói), mê lầm nơi sự thật “*nương theo hạnh*”, bèn cho rằng

“dứt bỏ sự học, không làm gì” là đúng, bảo “chân tu tiến nhập lẽ chánh là sai”, rớt cuộc tự chê trách giáo pháp, quên mất tu tập, vật vờ, không có căn cứ. Như thế thì những lời bàn luận chân thật và pháp tu hành xứng tánh của Hoa Nghiêm đều trở thành sự lập bày rỗng tuếch, những kẻ hồ nghi bác bỏ, cho [dốc công tu tập] là “uổng công, phí sức” sẽ đông nhưng nhúc trong thiên hạ. Người học hãy nên suy nghĩ cẩn thận!

Ngài Thanh Lương phán định phẩm này thuộc phần Y Nhân Chứng Nhập Thành Đức (依人證入成德, nương theo cái nhân để chứng nhập hòng thành tựu đức). Trên đây là giải thích đệ tam châu đã xong.

3.3. Nhị Chứng Thường Đạo (hai loại đạo thường hằng)

3.3.1. Đồng Trần Bất Nhiễm Lợi Sanh Thường Đạo

Đồng Trần Bất Nhiễm Lợi Sanh Thường Đạo (同塵不染利生常道, đạo thường hằng ở ngay trong cõi trần lợi lạc chúng sanh mà chẳng đắm nhiễm), tức là pháp để thường hành sau khi đắc quả của những người tấn tu đã thành tựu công phu nơi ngũ vị. Kinh Lăng Nghiêm nói: “*Sơ tâm tu hành như lắng trong nước đục, để yên tĩnh bất động một thời gian dài, cát, đất tự chìm xuống. Đó gọi là Sơ Phục Khách Trần Phiền Nã. Gạn bỏ bùn đi, thuần là nước, sẽ gọi là vĩnh viễn dứt tuyệt căn bản vô minh*”. Nay ngũ vị chưa hoàn tất, công hạnh chưa thành, như cát, đất tuy đã chìm xuống, nhưng khuấy động thì [nước] lại đục ngòm, chẳng thể hòa lẫn trong cõi trần được. Cho đến khi công thành, hạnh mãn, như khử bùn, thuần là nước, mặc sức khuấy đảo, chẳng còn bản thủ, đục ngầu! Vì thế, tấn tu cho đến khi công hạnh viên thành; sau đó, sẽ thị hiện thường đạo Đồng Trần Bất Nhiễm Lợi Sanh (cùng chung sống trong cõi trần để lợi lạc chúng sanh mà chẳng nhiễm). Đây là bậc Bồ Tát công hạnh đã thành, vận dụng hạnh Phổ Hiền, nhập thế lợi sanh, là hạnh vô tác, vô chỉ,

vô ý, vô ngã, hết thấy bình thường tự tại. Vì thế, gọi là Thường Đạo. Đây chính là phẩm Ly Thế Gian (離世間) được nói trong hội thứ chín tại Phổ Quang Điện.

Phẩm này kế tiếp phẩm Như Lai Xuất Hiện, cũng được nói tại Phổ Quang Điện, nhằm chỉ bày công hạnh nơi ngũ vị đã thành, tự tánh Như Lai xuất hiện, vẫn nương vào bốn trí Phổ Quang để lợi lạc chúng sanh, ở trong cõi đời mà chẳng nhiễm. Vì thế, gọi là phẩm Ly Thế Gian.

Phàm phu đắm nhiễm cõi đời, chẳng thể xuất ly. Nhị Thừa tuy ly, chẳng thể tùy thuận, vẫn chưa phải là ly thật sự. Nay nêu rõ quả hạnh, Bi có thể tùy thuận cõi đời, Trí có thể chẳng nhiễm. Do vậy, thường ở trong thế gian, từ đầu tới cuối chẳng lìa, chưa từng thấy tịnh, hưởng hồ [thấy có] nhiễm tướng ư? Tùy thuận và xuất ly đều cùng mất thì mới là thật sự ly thế gian! Trong kinh văn, ngài Phổ Huệ^[31] đã nêu ra hai trăm câu hỏi, ngài Phổ Hiền truyền trao hai ngàn lời đáp, đều nhằm giảng rõ chuyện này!

Kế đó, tán thán rằng: Thường hạnh lợi sanh an trụ trong mười pháp, sẽ thường thấy mười Phật. Đây là [nhắc đến] câu hỏi “*diễn nói Phật là như thế nào? Thấy Phật như thế nào?*” trong hai trăm câu hỏi của ngài Phổ Huệ. Ngài Phổ Hiền đáp: Bồ Tát thường nói đến mười Phật, tức là:

- Thành Chánh Giác Phật, vô trước kiến (cái Thấy chẳng chấp trước).

- Nguyên Phật, xuất sanh kiến (thấy sự sanh ra).

- Nghiệp Báo Phật, thâm tín kiến (thấy với lòng tin sâu xa).

- Trụ Trì Phật, tùy thuận kiến.

- Niết Bàn Phật, thâm nhập kiến.

- Pháp Giới Phật, phổ chí kiến (cái thấy trọn khắp).

- Tâm Phật, an trụ kiến.

- Tam Muội Phật, vô lượng vô y kiến (cái thấy chẳng có hạn lượng, không nương tựa vào đâu).

- Bản Tánh Phật, minh liễu kiến (thấy rõ ràng, rành rẽ).
- Tùy Nhạo Phật, phổ thọ kiến (thấy sự truyền trao trọn khắp).

Nếu Bồ Tát an trụ trong pháp này, sẽ thường được thấy vô thượng Như Lai, có nghĩa là đối với Chánh Giác chẳng chấp trước, xuất sanh bi nguyện, sanh lòng tin đối với nghiệp báo, tùy thuận sự trụ trì, thâm nhập Niết Bàn, đến trọn khắp pháp giới, an trụ nơi tâm, chẳng nương tựa tam-muội, hiểu rõ bốn tánh, thuận theo sự ưa thích mà trao truyền trọn khắp. “*Tùy nhạo*” là thuận theo lòng ưa thích của từng căn cơ mà [truyền trao pháp môn] tương ứng. Có thể an trụ trong pháp này, ắt không điều gì nói ra mà chẳng phải là Phật, không điều gì trông thấy mà chẳng phải là Phật. Vì thế, “*thường nói thập Phật, thường thấy thập Phật*” (phẩm Ly Thế Gian gồm bảy quyển).

3.3.1.1. Viên Chương Trùng Du (圓彰重諭, nhắc lại những lời khuyên bảo nhằm phô bày trọn vẹn [cảnh giới tu chứng của ngũ vị Bồ Tát])

Lời chú giải chia phần này thành năm đoạn:

3.3.1.1.1. Viên Chương Hạnh Cảnh Chúng (圓彰行境眾, hàng đại chúng phô bày trọn vẹn hạnh cảnh)

Tán rằng: “*Vong thuyên đốn chứng, nhất niệm viên cai*” (Quên bật nói năng, nhanh chóng chứng nhập, một niệm bao trùm trọn vẹn). Đây là những đại chúng nhóm đến đầu tiên trong hội pháp giới, biểu thị pháp ngũ vị mà chẳng chia thành ngũ vị, dụng ý là hiển thị chuyện “quên bật những lời lẽ, ngôn từ trước đó, nhanh chóng chứng hạnh cảnh”. Một niệm bao trùm trọn vẹn, chẳng có [sự tu chứng] lần lượt theo thứ tự.

3.3.1.1.2. *Đồng hội thỉnh pháp chúng* (同會請法眾, đại chúng thỉnh pháp trong cùng một hội)

Tán rằng: “*Vĩnh xuất Hữu hải, ngũ bách Thanh Văn*” (Vĩnh viễn thoát khỏi biển Hữu, năm trăm vị Thanh Văn). Đây là các vị thị hiện thân Thanh Văn, Bồ Tát, Thế Chủ trong hội pháp giới, cùng nhau thỉnh pháp trong mỗi phẩm, tức là những vị như Xá Lợi Phất v.v... được nêu trong phần sau. Kinh ca ngợi đức của họ như sau: “*Vĩnh xuất Hữu hải, trụ vô ngại xứ. Ư Phật trí hải, thâm tín thú nhập*” (Vĩnh viễn ra khỏi biển Hữu, trụ nơi vô ngại. Tin sâu, tiến nhập biển trí của Phật). Lại tán thán rằng: “*Thường lợi chúng sanh vô lượng Thế Chủ*” (Vô lượng bậc Thế Chủ thường lợi lạc chúng sanh). Kinh tán thán đức của họ như sau: “*Thường lợi chúng sanh, vi bất thỉnh hữu*” (Thường lợi ích chúng sanh, làm bạn chẳng thỉnh), tức là bậc Đại Quyền Bồ Tát thị hiện làm Thế Chủ.

3.3.1.1.3. *Thập phương lai tập chúng* (十方來集眾, đại chúng từ mười phương nhóm đến)

Tán rằng: “*Mặc thị Phật quả*” (Ngâm nêu bày Phật quả). Hàng đại chúng trên đây đã tụ tập, thưa hỏi mười loại pháp môn nơi cảnh trí của Như Lai. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn do đại bi phương tiện, nhập Sư Tử Tàn Thân tam-muội, hết thấy thế gian đều được trang nghiêm trọn khắp thanh tịnh. Mỗi phương trong mười phương đều có một vị Bồ Tát từ một cõi Phật đến^[32], mỗi vị hiện vô tận pháp môn. Trước hết, từ trong đại chúng của Tỳ Lô Thắng Đức Vương Phật ở phương Đông, có Bồ Tát tên là Tỳ Lô Nguyên Quang Minh, cuối cùng là trong đại chúng của Phổ Trí Luân Quang Âm Phật ở phương trên, có Bồ Tát tên là Pháp Giới Sai Biệt Nguyên.

Mỗi vị và sát trần Bồ Tát cùng đến, mỗi vị đều dấy khởi đủ loại Phật sự để cúng dường, hoặc là chung dọn lầu gác trang nghiêm, hoặc xếp đặt đất báu trang nghiêm, hoặc phô bày thân tướng trang nghiêm, cho đến hiển hiện hết thấy các biển hạnh của ba đời chư Phật, đều trọn khắp pháp giới. Điều này nhằm ngầm chỉ bày bốn hạnh nơi Phật quả trong pháp giới để trả lời câu hỏi trong phần trước. Sở dĩ “ngầm chỉ” là vì muốn dứt bật những lời lẽ nói năng trong phần trước, ngầm tạo hạnh cảnh. Sư Tử Tần Thân (師子頻申) là tự tại vô úy, dung mạo điềm tĩnh, sánh ví tam-muội này nương vào Vô Tác Trí, tự tại vô vi, điềm tĩnh thị hiện đức dụng rộng lớn.

3.3.1.1.4. Thị hiện hiển pháp chúng (示現顯法眾, đại chúng thị hiện hiển lộ pháp)

Tán rằng: “*Thâm nhập trí hải thị đẳng mê lưu*” (Thâm nhập biển trí để chỉ bày những kẻ đang mê), đây là chúng Thanh Văn. Do sự ngầm chỉ dạy trên đây, tuy [các vị Thanh Văn] ở trong cùng một hội, mà đều chẳng thể thấy [những sự trang nghiêm và thần biến chẳng thể nghĩ bàn của Phật và Bồ Tát]. Nhưng trong lời ca ngợi phẩm đức trong phần trước đã nói: “*U Phật trí hải, thâm tín thú nhập*” (Tin sâu, tiến nhập biển Phật trí), há có phải là họ thật sự là lũ mê muội! Ấy là vì thị hiện tuy ở trong cùng một hội mà chẳng thấy, nhằm hiển thị hạnh cảnh chẳng thể nghĩ bàn hòng nhiếp thọ các vị Tiểu Thừa, khiến cho họ cùng tiến nhập.

3.3.1.1.5. Mặc khế hạnh cảnh chúng (默契行境眾, đại chúng ngầm khế nhập hạnh cảnh)

Tán rằng: “*Mông Phật quang chiếu, bất tạ ngôn thuyên*” (Nhờ quang minh của Phật chiếu đến, chẳng nhờ vào

ngôn từ diễn tả). Hàng Thanh Văn đã mê nơi hạnh cảnh, đức Thế Tôn muốn cho hàng Bồ Tát an trụ trong Sư Tử Tần Thân tam-muội, bèn phóng quang minh từ tướng bạch hào giữa hai mày, có tên là Phổ Chiếu Tam Thế Pháp Giới Môn. Khi ấy, đại chúng nhờ vậy mà đều thấy các thứ danh sắc trong sát hải (biển các cõi nước), và các loại ứng hiện của Phật, Bồ Tát, đều nhập tam-muội này, và cũng có thể hiện đủ thứ rộng lớn, nhập vào biển bất khả thuyết thần thông biến hóa của Phật. Những điều này đều chẳng nhờ vào ngôn từ mà ngầm khéo nhập hạnh cảnh.

Luận nói: Những điều trên đây đều nhằm giải đáp những câu hỏi trong phần trước, đến đây là đã xong, [nhằm nêu lên] cái Thể của một bộ kinh viên mãn pháp giới từ đầu đến cuối. Tiếp đó, kinh nhờ vào những hình tích thị hiện để khuyên dụ lần nữa hòng nói rộng về hạnh cảnh.

3.3.2. Vong Tu Tuyệt Chứng Phật Quả Thường Đạo

Vong Tu Tuyệt Chứng Phật Quả Thường Đạo (忘修絕證佛果常道, đạo thường hằng “quên tu, dứt chứng” về Phật quả) là phẩm đức phản bản hoàn nguyên thiên thành (phẩm đức do trở về nguồn cội, vốn tự nhiên sẵn có). Nơi địa vị Diệu Giác, nó là vô công dụng đạo.

Hai đạo (Đồng Trần Bất Nhiễm Lợi Sanh và Vong Tu Tuyệt Chứng Phật Quả) vốn là một, nhưng pháp trước dạy về tu chứng, pháp này dạy về vô tu! Pháp trước là chuyện của người học, còn pháp này là chuyện của chư Phật. Tức là phẩm Nhập Pháp Giới trong hội thứ mười đã dung thông trọn khắp “nhân, quả, trí, hạnh” của các địa vị trước đó thành một pháp giới, được gọi là môn Vô Công Đại Dụng Viên Dung Tự Tại (無功大用圓融自在). Nhờ vào Thiên Tài đi về phương Nam, bắt đầu từ đạo tràng của cổ Phật, đến [tham phỏng] trọn khắp các bậc tri thức ở một trăm tòa thành, rốt cuộc khéo nhập

trọn vẹn đạo của Di Lặc, Văn Thù, Phổ Hiền. Ý nói: Gộp chung trọn hết nhân quả nơi Phật cảnh trong ba đời thành Nhất Chân pháp giới một thời, một lúc, nhằm hiển thị diệu đức mà ai nấy đều vốn có, trọn đủ hết thấy, viên dung tự tại. Do vậy là Vong Tu Tuyệt Chứng Phật Quả Thường Đạo.

Kinh trăm quyển, pháp năm vị, đối trị tập khí, tấn tu, đều nhằm nói rõ phẩm đức vốn có ấy. Bởi lẽ, người tu hành khi chưa phát tâm, vô minh sai khiến tập khí phiền não ngăn lấp bản trí. Vì thế, dùng pháp ngũ vị để tu luyện hồng đối trị từng tầng một thì mới sáng tỏ cùng cực. Đã hiểu thấu cùng cực, sẽ không cần phải tu vi (修為, tác ý tu luyện) nữa. Ví như mài gương, cầu uế đã hết, ánh sáng hiện ra, bèn ngừng đổ công dốc sức. Vì thế, cuối cùng nói đạo Vong Tu Tuyệt Chứng để kết thúc. Nhưng trong phần trước, phẩm Nhập Pháp Giới đã được phán định là “*dứt ngôn thuyết, nương vào hạnh*”, ở đây, được phán định là “*vong tu, tuyệt chứng*”.

Phẩm này tổng hợp, hoàn thành các pháp trước đó, không lý nào chẳng trọn đủ, nhưng thuận theo ý nghĩa của những gì đã được thành tựu để phán định, sử dụng ba vòng nhân quả, thì phải cấy vào ngôn từ để nói rõ. Do muốn quên bằng ngôn từ để nhanh chóng chứng nhập, cho nên [đến khi công hạnh] đã thành, bèn bỏ ngôn từ, nương vào hạnh. Hai loại thường đạo do tu mà chứng, muốn trở về nguồn cội thì hẳn đã thành bèn “*vong tu, tuyệt chứng*”. Đầu mỗi có sâu hay cạn, ý nghĩa có chỗ đặc biệt riêng, nhưng chẳng trái nghịch nhau!

Nói dung hội, ba mươi tám phẩm trước, từ đại chúng nhóm họp để nêu bày tông chỉ, nêu ra cái quả để phát khởi lòng tin, trải qua ngũ vị, chứng hai thứ giác (Bổn Giác và Thi Giác), rốt cuộc là thường đạo “*hòa đồng trong cõi trần để lợi lạc chúng sanh mà chẳng nhiễm*”. Đây chính là khuôn mẫu thật sự để tu hành chứng quả khởi đầu từ phạm phu cho đến cuối cùng là thành Phật. Phẩm cuối cùng [của kinh Hoa

Nghiêm] dứt bỏ ngôn từ, nương theo hạnh, vong tu, tuyệt chứng hòng quét sạch thẳng thừng những dấu tích vương mắc nơi tâm và ngôn từ, khôi phục hoàn toàn đức dụng, mệnh mang, mất sạch các duyên, tự đạt được sự vượt trội. Đây là ý nghĩa chánh yếu xuyên suốt toàn bộ kinh, thật sự là uyên nguyên của đạo tốt bậc. So với các phần kinh văn trước đó, những phần kinh văn ấy như trăm sông, còn phẩm này như biển cả. Nếu đạt đến chỗ này, những nguồn cội phát xuất cạn sâu và những phạm vi sai khác sẽ đều nghiêm nhiên chẳng thể được! Đây chính là biển giáo Hoa Tạng đã đạt đến tốt bậc vậy.

Hơn nữa, dựa vào các hình tích để khuyên nhủ lần nữa, thì hành trình đi về phương Nam của Thiện Tài đã nương vào pháp thể trên đây, hòng nhắc lại ý nghĩa của toàn bộ bản kinh. Sở dĩ [phán định phẩm Nhập Pháp Giới] là “*nhắc lại*” vì các phần trước là diễn nói, chỉ bày pháp môn, còn phần này là do muốn cho [thính chúng] lãnh hội bèn thực hiện [các hành vi tham bái, thỉnh pháp], [khiến cho hành nhân] sẽ ngấm lãnh hội chỗ trọng yếu, chẳng cần phải nói năng.

Do đó, sự biểu thị pháp của các vị tri thức [mà Thiện Tài đến tham phỏng] phần nhiều được thể hiện qua hành vi, cử chỉ của các Ngài. Như trong phần Thập Trụ, tỳ-kheo Đức Vân thông thả kinh hành trên một quả núi khác, nhằm nêu bày “*Tịch và Dụng chẳng hai*”. Trong phần Thập Hạnh, tỳ-kheo Thiện Kiến kinh hành trong rừng, nhằm chỉ bày “*diệu hạnh vô trụ*”. Trong phần Thập Hương, trưởng giả Dục Hương hòa hợp các loại hương, nhằm nêu bày “*bi và trí viên dung*”. Trong phần Thập Địa, Chủ Đương Xuân Sanh Dạ Thần hiện thân nữ, nhằm chỉ bày sự trưởng dưỡng lòng đại bi. Trong phần Thập Nhất Địa, phu nhân Ma Da huyễn sanh thành Phật, nhằm nêu bày “*lòng Bi đến tốt cùng, Trí sẽ hiện*”. Rốt cuộc trong lâu các của đức Di Lạc, trong khoảng khảy ngón tay, [nơi mỗi vật trong lâu các đều] nhanh chóng

hiện bày vô tận sự tướng trong mười phương pháp giới từ nhỏ nhiệm cho tới rõ rệt, đều là muốn cho [thính chúng] ngầm hiểu, chẳng cần nhờ đến ngôn từ để diễn tả, dầu trong ấy vẫn có nói năng nhằm đặc biệt nêu bày một vài điều. Bởi lẽ, ngôn từ có thể diễn tả đạo, nhưng rốt cuộc chẳng thể diễn giải trọn hết đạo được. Do đó, họ Không đã nói: “*Ngôn bất tận ý, lập tượng dĩ tận chi*” (Nói chẳng hết ý, bèn lập thành hình tượng để diễn tả trọn hết). Thế mà tổ sư vẫn nghĩ “như thế là chưa được”; do đó, bác bỏ danh, ngôn^[33], sắc tướng, chỉ riêng [sử dụng những hình thức chỉ dạy] bằng cách cầm dùi gõ lên, hoặc dụng phát trần. Chính là vì trong lúc ấy, nói năng, im lặng, dùng hình sắc để giảng nói, chỉ bày đều chẳng được, chỉ có dùng hành vi thì mới là tốt bậc trọn hết. Đối với các pháp môn của năm mươi ba vị trí thức đã tham phỏng, hãy nên tiến nhập như thế. Khoa mục lại chia thành năm phần:

3.3.2.1. Sáng Hạnh Khải Mông Chúng (創行啟蒙眾, đại chúng lập hạnh nhằm khơi gợi những kẻ còn mông muội)

Tán rằng: “*Tự Căn Bản Trí phát giác sơ tâm*” (Từ Căn Bản Trí phát khởi mà đẩy lên cái tâm giác ngộ ban đầu). Đây là tán thán về đức phương tiện của ngài Văn Thù. Kinh chép: Lúc bấy giờ, Văn Thù đồng tử từ gác Thiên Trụ đi ra, cùng với vô lượng Bồ Tát có cùng hạnh với Ngài, và tám bộ thiên thần thường theo hầu, đến chỗ đức Phật, làm lễ, từ tạ lui ra, đi về phương Nam, tới chỗ nhân gian. Luận chép: “*Điều này biểu thị Pháp Thân bốn trí, khởi lên Sai Biệt Trí, vào cõi tục để lợi lạc chúng sanh, lập ra hạnh nhằm khơi gợi kẻ còn đang tối tăm*”. Đây chính là hạnh môn Tín vị, là khởi đầu cho sự phát khởi hạnh của chư Phật trong pháp giới. Do bốn trí của Pháp Thân phát khởi cái tâm giác ngộ ban sơ, cho nên ở đây ngài Văn Thù được đổi danh xưng thành đồng tử (童子, bé trai), biểu thị: Cái tâm ban đầu như trẻ thơ; từ đó, phát khởi

sự giác ngộ. Trong Tín vị thuộc phần trước (ba mươi tám phẩm trước), đã coi ngài Văn Thù đứng đầu về Tín, gọi Ngài là Bồ Tát, còn trong Tín vị ở đây, do coi Văn Thù là người khai hóa, mà gọi là Đồng Tử. Trong những phần trước là môn tấn tu, [tức là] muốn từ cái tâm mà sanh giải, từ nhân tiến đến quả. Ở đây là những môn đặt nền tảng cho ngộ, muốn sau khi đã giải trọn vẹn bèn hướng theo hạnh, từ chỗ mông muội mà phát khởi sự giác ngộ, đã ngộ rồi sẽ tu tập [hòng tiến lên] địa vị khác. Vì thế, trong phần trước và phần sau bèn có cách xưng hô khác nhau, nhưng trí thể chẳng khác gì thuở đầu.

3.3.2.2. Tỳ Hạng Phát Tâm Chúng (隨行發心眾)

Tán rằng: “*Quán sát diệu hạnh phát Bồ Đề tâm*”. Khi ngài Văn Thù đi về phương Nam, sáu ngàn vị Thanh Văn nguyện theo Ngài. Khi ở trên đường, ngài Xá Lợi Phất bảo các vị tỳ-kheo như Hải Giác v.v... hãy quan sát các thứ diệu đức của ngài Văn Thù. Ngài Văn Thù bèn khuyên họ phát Bồ Đề tâm, trụ Phổ Hiền hạnh. Ngay lập tức, họ đầy đủ hết thấy Phật pháp. Đây chính là môn “cùng tấn tu, khi vừa mới phát tâm bèn thành Chánh Giác”.

3.3.2.3. Đốn Quyên Nghiệp Thức Chúng (頓捐業識眾, đại chúng đã nhanh chóng trừ bỏ nghiệp thức)

Tán rằng: “*Trí quang phổ chiếu, nghiệp thức đốn quyên*” (Trí quang chiếu khắp, nhanh chóng trừ sạch nghiệp thức), thuộc về hồi hướng hạnh môn. Kinh chép: Lúc bảy giờ, ngài Văn Thù khuyên các tỳ-kheo phát Bồ Đề tâm rồi, đến chỗ tháp miếu của cổ Phật tại phía Đông của Giác Thành, bèn nói Phổ Chiếu Pháp Giới Tu Đa La. Khi đó, trong biển cả có vô lượng trăm ngàn ức rồng đến nghe pháp xong, hết sức chán ghét đường rồng, đều bỏ thân rồng, sanh trong cõi trời. Một

vạn con rồng đắc Bất Thoái Chuyển nơi Vô Thượng Bồ Đề. [Chuyện này] nhằm biểu thị: Nương vào pháp giới hạnh, khơi phát tâm ban sơ, lại do được pháp môn Trí Quang chiếu soi, bèn thoát khỏi biển sanh tử, nhanh chóng trừ sạch nghiệp thức. Vì thế, các con rồng từ biển cả đến nghe pháp rồi, đều xả thân rồng. Một vạn con rồng lại phát Bồ Đề tâm, biểu thị: Phát khởi giác ngộ, dứt sạch nghiệp, liền có thể [tiến nhập] môn hồi hướng vạn hạnh. Do đó, kế tiếp có Do Giác Thú Hạnh Chúng (đại chúng do giác ngộ mà tiến nhập hạnh).

3.3.2.4. Do Giác Thú Hạnh Chúng (由覺趣行眾, đại chúng do giác ngộ mà tiến nhập hạnh)

Tán rằng: “*Tức tục minh chân*” (Ồ ngay trong cõi tục mà hiểu lẽ chân). Khi ấy, người ở Phước Thành nghe nói ngài Văn Thù đang ở chỗ đại tháp miếu trong rừng Trang Nghiêm Tràng Sa La, tứ chúng mỗi chúng gồm năm trăm người, ra khỏi thành, đến đó. Phước Thành tức là giác thành. Trang Nghiêm Tràng tức là hạnh cảnh. Tứ chúng ra khỏi thành đến đó, biểu thị: Do giác ngộ mà tiến đến hạnh. Tứ chúng đều là nam nữ thế tục, biểu thị “từ ngay cõi tục mà hiểu rõ lẽ chân”. Mỗi chúng năm trăm người, biểu thị: “*Phô bày trọn vẹn ngũ vị*”. Kế đó, Thiện Tài tán thán: “*Nương vào công đức tạng, bày quả, nêu nhân*” v.v...

Khi Thiện Tài sanh ra, trong nhà tự nhiên có kho tàng bảy báu, năm trăm món đồ báu, các thứ báu đầy ắp. Trong hết thấy các kho chứa, tài vật đầy chật. Do vậy, đặt tên [đứa trẻ mới sanh ấy] là Thiện Tài. Luận nói: “*Đấy là do từ đời trước đã gieo lòng tin, tin tưởng hạnh môn ngũ vị của Phật, bèn cảm vời sanh ra báo ấy*”. Do đó, ngài Văn Thù khen rằng: “*Lành thay công đức tạng*”. Ý nói: Nương vào công đức tạng trong đời trước để hiển lộ kho tàng này. Lại nói “*tích nam du, biến tham tri thức*” (thị hiện đi về phương Nam, tham

phông khắp các tri thức). Đây là nương vào công đức tạng, phô quả, bày nhân, phát khởi các hạnh thuộc ngũ vị, lợi lạc trọn khắp quần sanh.

3.3.2.5. *Y Hạnh Thăng Tấn Chúng* (依行昇進眾, đại chúng nương vào hạnh đề tu tập, tiến lên những địa vị cao hơn)

Chính là các pháp môn của năm mươi ba vị tri thức mà Thiện Tài đã tham phông trọn khắp. “*Năm mươi*”: Mỗi vị trong Ngũ Vị, đều có Thập Ba La Mật. “*Ba*” là Văn Thù, Phổ Hiền và Di Lạc, chính là trí hạnh, nhân và quả của ngũ vị, dùng những điều ấy làm Thể và Dụng của mỗi pháp trọn khắp ngũ vị. Những điều khác hãy xem Khoa Chú. Khoa này lại chia thành sáu phần:

3.3.2.5.1. *Thập Trụ Tri Thức*

Tán rằng: “*Tùng Tín thú Định, hội Lý khế Chân*” (Từ Tín tiến vào Định, hiểu lý, khế hợp Chân). Luận phán định những vị này thuộc về môn “*do Định mà thấu hiểu Lý, khế nhập Chân*”. Những vị ưu-bà-tắc nói trong phần trên chính là những kẻ thuần tín trong thế tục. Đồng tử, đồng nữ (bé trai, bé gái) chính là đầu và ngọn của lòng tin. Lại nữa, Thiện Tài do đời trước đã gieo lòng tin mà hiện bày công đức tạng. Những hạng đại chúng này đều nhằm biểu thị Tín vị (các địa vị trong Thập Tín).

1) Ở đây, trước hết Thiện Tài gặp tỳ-kheo Đức Vân trên núi Diệu Phong, biểu thị: Từ lòng tin, tiến nhập Định, hiểu Lý, khế hợp Chân. Núi biểu thị Định thể (定體, bản thể của Định), tỳ-kheo biểu thị chân thể. Đức Vân (德雲, mây đức) có thể tuôn mưa pháp, biểu thị lợi hạnh xuất thế. Thiện Tài được ngài Văn Thù hướng dẫn, lên núi Diệu Phong, quan sát trọn khắp, thấy tỳ-kheo Đức Vân đang thông thả kinh hành

trên quả núi khác, biểu thị “chẳng trụ vào Định hay loạn”, khiến cho người tu đạo sau khi đã phát tín tâm, cần phải nương vào Định để khởi Quán, Định và loạn cùng dung hội. Thân cận Ngài rồi tạ từ, sau đấy, khế hợp lẽ Chân, kiến đạo. Sau khi đã kiến đạo, mới có thể khởi hạnh để tu hành, dựa vào địa vị Thập Hạnh.

2) Tại nước Hải Môn, tỳ-kheo Hải Vân (海雲) biểu thị: Lại nương vào Quán Trí để quán biên sanh tử, thành biên trí rộng lớn, ngầm hưng khởi sự lợi lạc, nhuận trạch [chúng sanh].

3) Tỳ-kheo Thiện Trụ (善住), biểu thị địa vị này đòi hỏi hết sạch tập khí phiền não trong thế giới, trụ nơi vô sở trụ, nên gọi là Thiện Trụ.

4) Trưởng giả Di Già (彌伽), cõi này dịch [danh hiệu của vị này] là Năng Phục (能伏, có thể điều phục), biểu thị hai trí Chân và Tục đã trọn đủ, có thể điều phục tà kiến dị đạo.

5) Trưởng giả Giải Thoát (解脫) và trưởng giả Di Già là hai vị cư sĩ, nói rõ ba vị tỳ-kheo trước đó tu trí huệ xuất thế, còn hai vị trưởng giả này tu trí huệ thế gian. Do hiểu Lý mà khế nhập Chân, từ Chân mà nhập Tục, Chân và Tục vô ngại, nên gọi là Giải Thoát.

6) Tỳ-kheo Hải Tràng (海幢) lại biểu thị: Hợp hai trí trên đây (trí thế gian và trí xuất thế gian) rộng lớn như biển, dẹp tan hết thủy Hoặc nghiệp (phiền não nghiệp) của chúng sanh.

7) Hưu Xả (休捨), cõi này dịch là ưu-bà-di Mãn Nguyên, biểu thị nhập triền từ bi, nghĩa là nhằm viên mãn bốn nguyện của chính mình mà giáo hóa chúng sanh trọn khắp.

8) [Tiên nhân] Tỳ Mục Cù Sa (毗目瞿沙), cõi này dịch là Xuất Thanh Khả Úy (出聲可畏, phát ra tiếng đáng sợ). “*Tiên nhân*” biểu thị chẳng trộm trệ nơi Chân và Tục, ý nói là trí minh chẳng cần dụng công, đối với ngôn luận chẳng

bị trầm trệ, khéo điều phục tà kiến, dị đạo, nên gọi Ngài là Xuất Thanh Khả Úy.

9) Bà La Môn Thắng Nhiệt (勝熱), biểu thị đặc pháp tự tại, thị hiện giống như ngoại đạo, khiến cho những kẻ tà vạy nhiếp phục phiền não. Vì thế tên là Thắng Nhiệt.

10) Đồng nữ Từ Hạnh (慈行), là con gái của vua Sư Tử Tràng, biểu thị từ Trí sanh Bi, ở trong nhiễm mà chẳng bị nhiễm. Vị ưu-bà-di [Hưu Xả], tức vị thiện tri thức thứ bảy trong phần trên, tuy biểu thị đại bi, nhưng chưa đoạn tập khí yêu thích độ sanh. Đến đây hạnh đại bi đã viên mãn, tùy ý lợi sanh, chẳng còn tập khí nhiễm đấm. Vì thế, dùng đồng nữ (童女, bé gái) để biểu thị.

Các vị tri thức thuộc ngũ vị, chỉ có vị đầu tiên biểu thị pháp thuộc địa vị ấy, những vị khác đều là các hạnh bi trí cùng giúp lẫn nhau để tăng tấn. Chưa xem kinh văn, sẽ khó thể giải thích chi tiết được. Nay đối với mỗi vị, tôi đều nêu đại lược những điều cương yếu trong sự tu hành đó thôi. Đại để là do khi hành nhân chưa phát tâm, bị vô minh sai khiến, tập khí phiền não chướng lấp bản trí, khiến cho họ si mê, bất giác, luân hồi, đọa lạc trong ác đạo. Vì thế, nay nương vào phổ quang minh trí trong tự tâm mà phát khởi lòng tin, tiến nhập Thập Trụ, khế hợp Chân Trí của Phật, nên gọi là Kiến Đạo. Đã hiểu rõ Chân Trí, vô minh vừa mới rơi rụng, nhưng tập khí hỷ còn, căn cơ chưa chín muồi. Vì thế, dùng ngũ vị nhiều tầng thuận nghịch để mài mòn tập khí, mở rộng chánh kiến, tăng tu phước huệ. Vì vậy, gọi là Tu Đạo. Tập khí đã hết, bản trí rộng rang, viên dung, như không gian trong lặng, thanh thang, chẳng có chút gì che lấp. Mặt trời đại từ chiếu khắp các loài u tối. Mặt trăng đại bi trong mát nơi biển Hữu. Các hạnh muôn đức không gì chẳng đầy đủ. Đó gọi là Chứng Quả. Đạo tốt cùng của Hoa Nghiêm [đang nói] ở đây chính là chuyện thuộc về bản lãnh của chư Phật. Nếu thẳng thừng cầu cái quả giải thoát xuất thế, sẽ là Nhị Thừa tiểu đạo, không nhờ vào

đâu để viên thành Nhất Thiết Chứng Trí được! Do vậy, năm mươi ba vị trí thức lập đủ hết thấy các pháp môn, mà Thiện Tài thị hiện hình tích đến tham phỏng trọn hết, nhằm dẫn dắt, phát khởi hành nhân luyện tập đối trị rộng rãi trong hết thấy các cảnh, khôi phục nhẫn tánh trong tâm, hòng tăng ích những kẻ chẳng thể [giác ngộ] sẽ đều cùng viên thành cái quả Chứng Trí, thật đúng là khuôn phép to lớn trong việc khéo tùy thuận muôn loài vậy. Hành nhân hãy nên vâng theo đó.

Kế đó, [trưởng giả] Giải Thoát thấy Phật, vị này là vị trí thức thuộc Đệ Ngũ Trụ, chỉ bày Thiện Tài pháp môn Nhập Như Lai Vô Ngại Trang Nghiêm Giải Thoát Môn. Từ trong tự thân, [trưởng giả Giải Thoát] hiện vô tận sự trang nghiêm trong các cõi Phật, tùy ý có thể thấy mười phương chư Phật, Bồ Tát, hàm ý: Dùng ngay thân tướng cõi tục mà chứa đựng cõi Phật.

Kế đến là Hưu Xả đích thân phụng sự Phật, tức là vị trí thức Đệ Thất Trụ. Do Thiện Tài hỏi Ngài đã đắc pháp môn này bao lâu, Ngài bèn lần lượt nêu chuyện đã đích thân phụng sự Phật xưa kia, chỉ rõ Ngài đã tích tập hạnh lâu xa. Trên đây là giải thích về địa vị đầu tiên trong ngũ vị, tức Thập Trụ, dùng trí làm bốn môn đã xong. Kế tiếp, giải thích về môn nương vào trí để khởi hạnh.

3.3.2.5.2. Thập Hạnh Trí Thức

Tán rằng: “*Y Phật chân trí, trị tập lợi sanh*” (Nương vào chân trí của Phật, đối trị tập khí, lợi lạc chúng sanh). Luận phán định đây là môn Y Chân Khởi Phát Chư Hạnh (依真發起諸行, nương vào Chân để phát khởi các hạnh), có nghĩa là nương vào trí của Thập Trụ để phát khởi hạnh môn này, trong là đối trị tập khí, ngoài là lợi lạc chúng sanh. Do các căn cơ bất tận, nên lợi hạnh (利行, hạnh lợi lạc chúng sanh) cũng vô tận.

1) Địa vị thứ nhất dùng từ-kheo Thiện Kiến (善見) ở nước Tam Nhãn để biểu thị: Cần phải dùng trí nhãn để xem xét căn cơ. Pháp Nhãn biết pháp, Huệ Nhãn chọn lựa, quyết đoán; đây là Thiện Kiến, có thể nhập hạnh môn của Bồ Tát.

2) Đồng tử Tự Tại Chủ (自在主), biểu thị nương vào Chân để khởi hạnh, vương đạo tự tại.

3) Ưu-bà-di Cự Túc (具足), biểu thị thuận theo trí mà đầy lòng Bi. Trong hết thấy các cảnh, thường thực hiện Phật sự thì gọi là Cự Túc.

4) Cư sĩ Minh Trí (明智), biểu thị vận dụng lòng Bi ở trong cõi tục, thể trí viên dung, tức là không gì chẳng phải là trí sáng.

5) Pháp Bảo Kê (法寶髻), biểu thị trí, bi, hạnh viên mãn, nhiếp chung các địa vị, như búi tóc biểu thị chung cho năm thể.

6) Trưởng giả Phổ Nhãn (普眼), biểu thị đạt đến hạnh môn này, đối với pháp thế gian và xuất thế gian, không gì chẳng thấy trọn khắp.

7) Vua Vô Yếm Túc (無厭足), biểu thị sự quyền biến thị hiện nhiếp phục, lợi lạc chúng sanh không chán.

8) Vua Đại Quang (大光), biểu thị vô công hạnh đã mãn, trí chiếu tự tại.

9) Ưu-bà-di Bất Động (不動), biểu thị diệu hạnh thành tựu. Đối với ngũ dục trong cõi đời và hết thấy các cảnh, tâm chẳng bị lay động.

10) Ngoại đạo Biến Hành (遍行), biểu thị hạnh tinh thuần, tâm vắng lặng, thị hiện “nhằm hóa độ bọn tà vạy bèn làm giống như họ”.

Những vị trên đây đều là hạnh “nương vào trí để đối trị tập khí”.

Kế đó là tám bộ chúng, tức là khi từ-kheo Thiện Kiến kinh hành trong rừng, thiên thần tám bộ cung kính vây

quanh, biểu thị Thập Hạnh nhiếp thọ chúng sanh, xét theo căn cơ thì thấy đều tròn khắp.

Trên đây là phần giải thích về môn “nuơng vào trí để khởi hạnh” đã xong. Kế đến là môn Tế Hạnh Dĩ Nguyện (濟行以願, dùng nguyện để giúp hạnh).

3.3.2.5.3. Thập Hồi Hương Trí Thức

Tán rằng: “Do Chân nhập Tục, dung trí đồng bi quảng đại nguyện môn” (Từ Chân vào Tục, dung hội Trí với Bi để thành nguyện môn rộng lớn). Luận phán định phần này là Lý Trí Đại Bi Nguyện Hạnh Hội Dung Môn (理智大悲願行會融門, môn nguyện hạnh đại bi dung hội Lý và Trí), lấy trí của Sơ Trụ làm gốc, kế đó, nuơng vào trí để khởi hạnh, vẫn phần nhiều là cái tâm xuất thế. Cho đến địa vị này, dùng nguyện để giúp cho hạnh, bèn có thể hồi Chân hương Tục, hồi Trí hương Bi. Sau đó, Lý Sự viên dung, thành pháp giới hạnh, vượt trời Tam Hiền, dự vào Thập Thánh.

1) Địa vị đầu tiên dùng trưởng giả Dục Hương (鬻香) ở nước Quảng Đại làm đại biểu, biểu thị vận dụng nguyện rộng lớn để dung hội trí và bi, thành Pháp Thân hương, xông khắp hết thấy.

2) Thuyền sư^[34] Bà Thi La (婆施羅), cõi này dịch là Tự Tại, biểu thị hạnh hồi hương, ở trong biển sanh tử, dẫn dắt, tạo lợi lạc tự tại.

3) Trưởng giả Vô Thượng Thắng (無上勝), biểu thị tuy hóa độ trần lao, nhưng vượt khỏi thế gian, nên gọi là Vô Thượng Thắng.

4) Tỳ-kheo-ni Sư Tử Tần Thân (師子頻申), biểu thị hồi Chân nhập Tục, hành lòng Từ vô nhiễm, vui sướng vô úy.

5) Cô gái Bà Tu Mật (婆須密), cõi này dịch là Thế Hữu (世友, bạn của cõi đời), còn dịch là Thiên Hữu (天友, bạn của

trời), biểu thị nhiệm mà chẳng nhiệm, làm thầy, làm bạn trọn khắp trời người.

6) Bệ Sát Thị La (鞞瑟氏羅), cõi này dịch là Bao Nhiếp (包攝), biểu thị vào cõi tục, Bi và Trí rộng lớn, bao nhiếp hết thảy các pháp môn.

7) Quán Âm (觀音) Bồ Tát biểu thị Đại Bi.

8) Đông phương Chánh Thú (正趣) Bồ Tát, biểu thị chánh trí. Thiện Tài đã gặp Quán Âm Bồ Tát, Chánh Thú Bồ Tát từ hư không đến, chẳng đợi [Thiện Tài] đến gặp. Hai vị thánh cùng nhóm lại, biểu thị hai địa vị Trí và Bi đến đây đều cùng viên mãn.

9) Đại Thiên Thần (大天神), biểu thị tịnh trí không nương dựa, rộng che chở quần sanh.

10) An Trụ Địa Thần (安住地神), biểu thị Bi thể rộng lớn, chuyên chở, nuôi dưỡng vạn hữu.

Hai địa vị này đều là vô vi mà ứng, không suy nghĩ mà trọn khắp; vì thế, dùng thần để biểu thị. Những địa vị trên đây đều là dung hội Trí và Bi, là nguyện môn rộng lớn. Kế đó, ngài Bệ Sát Thị La thấy Phật được bao nhiếp trong một gian phòng, bày tòa tháp bằng Chiên Đàn, chẳng đặt hình tượng, mà mở tháp ra có thể thấy chư Phật trong ba đời, hàm ý: Trong tự tánh của mỗi người đều có vô tướng Phật.

Đối với hai địa vị kế tiếp, Thiện Tài hỏi ngài Chánh Thú: “Do điều gì mà đặc pháp môn này?” Ngài Chánh Thú bảo: “*Ta đặc pháp môn này từ chỗ Phổ Thăng Sanh Phật trong thế giới Diệu Tạng ở phương Đông, hết thảy trời người đều chẳng thể hiểu rõ, chỉ có hàng Bồ Tát dũng mãnh, tinh tấn, chẳng thoái thất, chẳng khiếp nhược là có thể nghe, có thể hiểu*”. Ý nói: Đối với trí cảnh trong địa vị ấy, những kẻ giữa chừng biếng nhác, lui sụt, sẽ chẳng thể thấu đạt được! An Trụ Địa Thần lại nói: “*Ta ở chỗ Diệu Nhãn Phật trong thế giới Nguyệt Tràng mà đặc pháp môn này*”. Nêu ra Phổ Thăng

Sanh Phật và Diệu Nhân Phật đều nhằm biểu thị pháp báo của trí bi diệu hạnh.

Trên đây là phần giải thích địa vị Tam Hiền đã xong. Kế đến là tiến nhập địa vị Thập Thánh.

3.3.2.5.4. Thập Địa Trí Thức

Tán rằng: “*Chiếu sanh tử dạ, viên trí bi công*” (Soi đêm sanh tử, viên mãn công Trí và Bi), những vị dạ thần đều hiện thân nữ nhân, biểu thị đại bi đồng thể, chiếu soi đêm thâm sanh tử. Luận phán định đây là môn Uẩn Tu Bi Trí Thành Đức Môn (蘊修悲智成德, tu tập, tích lũy Bi và Trí để tạo thành đức). Vì thế nói là Viên Trí Bi Công (圓智悲功, viên mãn công hạnh Trí và Bi).

1) Địa vị đầu tiên dùng [chủ dạ thần] Bà San [Diễn Đê] (婆珊演底) để biểu thị. Cõi này dịch Bà San Diễn Đê là Chủ Đương Xuân Sinh (主當春生), tức là như kinh chép: “*Tiến nhập những hạnh thuộc các địa vị Bồ Tát, hết thấy Phật pháp đều được sanh từ đó*”.

2) Phổ Đức Tịnh Quang (普德淨光), chính là thầy của Bà San [Diễn Đê] trong nhiều kiếp, nhằm biểu thị giác thể và các hạnh thuộc về Đẳng Địa đều có cùng một Thể với giác.

3) Hỷ Mục Quán Sát (喜目觀察) biểu thị mắt Từ nhìn chúng sanh, bố thí các khối phước.

4) Phổ Cứu Diệu Đức (普救妙德), biểu thị trường dưỡng đại bi, thực thi bằng diệu đức.

5) Tịch Tĩnh Âm Hải (寂淨音海), biểu thị Tịch và Dụng trọn khắp. Tĩnh chính là Tịch, Âm là Dụng, Hải là trọn khắp.

6) Thủ Hộ Tăng Trưởng (守護增長), biểu thị hạnh trong địa vị này thường bảo vệ tâm thành của chúng sanh, khiến cho họ tăng trưởng trí huệ và oai lực.

7) Khai Phu Thụ Hoa (開敷樹華), biểu thị pháp lực khơi mở, giác ngộ hạnh hoa của chúng sanh, khiến cho [các hạnh hoa ấy] được nở xòe, kết trái.

8) Đại Nguyên Tinh Tấn (大願精進), biểu thị vô công đại nguyện, lợi hạnh tinh ròng mẫn tiệp.

9) Diệu Đức Viên Mãn (妙德圓滿), biểu thị diệu lợi tràn ngập hết thảy chúng sanh.

10) Thích Nữ Cù Ba (釋女瞿波), họ Thích là Chân, Nữ là Tục, biểu thị đã thấu triệt hạnh Thập Địa, đắc Chân mà chẳng chứng, đại bi hòa đồng với cõi tục. Đây là nói gộp chung về diệu hạnh Phổ Hiền của Thập Địa.

Vị [tri thức] thứ ba [trong Thập Địa] (tức Hỷ Mục Quán Sát) trong khi nằm ngủ, do được Tịnh Nguyệt Dạ Thần bảo rằng: “*Lôi Âm Vương Phật thành Đẳng Chánh Giác trong rừng Tịch Trụ*”, bảo vị ấy hãy đến cúng dường, bèn ở nơi đức Phật ấy, phát Bồ Đề tâm. Lại qua một vạn kiếp, làm con gái nhà trưởng giả, có năm trăm vị Phật ra đời. Vị thứ nhất tên là Tu Di Tràng Tịch Tĩnh Diệu Nhân, vị dạ thần ấy lại dùng phương tiện, dẫn [ngài Hỷ Mục] tới chỗ Phật. Do vậy, [Hỷ Mục] đắc khá nhiều pháp môn, ý nói: Tu Bồ Tát hạnh, vận dụng lòng Bi ở trong cõi đời đã nhiều kiếp lâu xa.

Kế đó, Hỷ Mục đích thân phụng sự Phật. Thiện Tài hỏi Hỷ Mục đã trụ kiếp bao lâu, cúng dường bao nhiêu vị Phật. Do vậy, Hỷ Mục dùng kệ tụng để đáp, gồm mười một đoạn. Mười đoạn đầu, mỗi đoạn có mười đức Phật đều tương xứng với sự thăng tấn trong Thập Địa, vị Phật cuối cùng, tương xứng Thập Nhất Địa, chỉ bày “*dùng một để gồm nhiều*”!

Kế đó là ngài Phổ Cứu [Diệu Đức] phụng sự Phật, hãy nên xem ý nghĩa trong Khoa Chú. Đoạn đầu nêu ra mười hai vị Phật chính là phần kinh văn Trường Hàng, đã tường thuật chung về nhân hạnh của ngài Phổ Cứu, đoạn thứ mười một là phần kệ tụng nói rộng về sự phụng sự trải qua nhiều kiếp của Ngài.

Kế đó là ngài Tịch Hải (Tịch Tĩnh Âm Hải) phụng sự Phật. Kinh nói ngài Tịch Hải ở chỗ mười vị Phật, nơi mỗi vị đắc một môn tam-muội. Sau khi mạng chung, [Tịch Hải] sanh vào Sa Bà, trước hết gặp Cưu La Tôn Đà Phật, Câu Na Hàm Mâu Ni Phật, Ca Diếp Phật, sau đó, gặp Tỳ Lô Giá Na Phật, đạt được môn giải thoát Niệm Niệm Xuất Sanh Quảng Đại Hỷ Trang Nghiêm. Trước hết, ở nơi mười vị Phật, nơi mỗi vị đều đạt được tam-muội, đây chính là hạnh nơi mỗi địa đều trọn đủ hạnh của mười địa vậy. Sau đó, Ngài gặp bốn vị Phật, tức là từ Thập Địa nhập Thập Nhất Địa. Những địa vị khác đã được nhắc tới trong các môn thuộc mười địa vị trước đó, cho nên lược đi [không nói].

Kế đó là ngài Thủ Hộ [Tăng Trưởng] phụng sự Phật. Thiện Tài hỏi Ngài đã chứng môn giải thoát này bao lâu, ngài Thủ Hộ nói: *“Xưa kia có trần số Như Lai xuất hiện, vị Phật đầu tiên tên là Pháp Hải Lô Âm Quang Minh Vương, lúc đó ta là con gái của Luân Vương, làm tỳ-kheo-ni, ở nơi đức Phật ấy, phát Bồ Đề tâm, thủ hộ Phật pháp. Lại có một trăm vị Phật như Ly Cấu Pháp Quang Minh v.v... lần lượt xuất thế, ta đều thân cận cúng dường, tu hành pháp này”*. Ngài trần thuật [chính mình] làm con gái của nhà vua, làm tỳ-kheo-ni, cũng nhằm biểu thị nương vào trí để tu hạnh từ bi thế gian và xuất thế gian. Trước hết, nêu ra một vị Phật, sau đó nêu ra một trăm vị Phật, cũng là từ một địa viên dung cả mười địa.

Kế đó, là nhân địa của ngài Khai Phu [Thụ Hoa]. Thiện Tài hỏi ngài Khai Phu về chuyện phát tâm của chính Ngài, ngài Khai Phu cho biết thời cổ có Phật xuất thế, tên là Phổ Chiếu Pháp Giới Trí. Trong cõi ấy, có vua tên là Viên Mãn Cái, kiếp ấy có tai nạn. Vua dấy lòng đại bi, bỏ ra hết thầy mọi vật để làm hội bố thí lớn. Khi đó, ngài Khai Phu làm con gái của một vị trưởng giả, trông thấy nhà vua bố thí rộng rãi, đạt được đại thiện lợi, bèn nguyện như thế này: *“Nay vị đại vương này vì vô lượng chúng sanh vô minh làm chỗ nương*

cây, nguyện tôi trong vị lai cũng giống như thế”. Đầu tiên nêu lên Phổ Trí Phật, kể đó là những chuyện như vua Viên Mãn Cái v.v... biểu thị nương vào trí thể phổ quang, đầy đủ trọn vẹn trí bi lợi hạnh. Những điều khác như trong khoa chú [đã nói]. Sự biểu thị pháp trong các địa vị [được tường thuật] chi tiết hay đại lược khác nhau, bởi lẽ, từ một pháp mà rút gọn, hoặc tách ra, khiến cho người ta theo thói quen sẽ mở rộng hay thu gọn chẳng ngăn ngại!

Kể đó là nhân địa của ngài Đại Nguyện. [Hoa Nghiêm Kinh Luận] phán định phần này là Hiệu Vị Minh Bản Nhân (號位明本因, danh hiệu [của mỗi vị thiện tri thức] nhằm nêu rõ cái nhân của từng địa vị). Thiện Tài hỏi Ngài đã phát tâm bao lâu; ngài Đại Nguyện nói vào thời cổ có kiếp tên là Thiện Quang, có một vạn vị Phật ra đời. Vị Phật đầu tiên hiệu là Pháp Luân Âm Đăng Vương. Nhà vua thuở ấy tên là Thắng Quang. Do trong nước có nhiều kẻ phạm Thập Ác, vua bèn lập trọng hình. Vua có Thái Tử tên là Thiện Phục, thương xót các tội nhân bị đánh đập khổ sở, cầu xin vua xá tội, lấy bản thân chịu tội thay. Thái Tử nói: “Nếu ta không cứu những chúng sanh ấy, làm sao có thể cứu [những tội nhân] trong lao ngục ba cõi?” Năm trăm vị đại thần thuở ấy, sợ phép nước bị phá hoại, xin vua giết Thái Tử. Vương hậu đau xót, xin vua cho phép Thái Tử bỏ thí trong nửa tháng, mặc sức tu phước, sau đó sẽ chịu tội. [Thái Tử] liền mở hội bỏ thí, đại chúng đều nhóm đến. Khi ấy, Pháp Luân Âm Phật biết đã tới lúc điều phục các chúng sanh, bèn vì họ thuyết pháp. Lúc đó, đại chúng được lợi ích, diệt khổ trừ chướng. Thái Tử ngay lập tức giáo hóa chúng sanh, khiến cho họ sanh thiện căn giải thoát môn. Đây là nói về bản nhân. Vị Thái Tử khi đó chính là [chủ dạ thần] Đại Nguyện [Tinh Tấn trong hiện thời]. Năm trăm vị đại thần muốn hại Thái Tử là năm trăm người theo Đề Bà Đạt Đa. Những người ấy được đức Phật giáo hóa, sẽ thành Phật trong tương lai. Năm trăm vị ấy lần lượt xuất thế, vị thứ nhất

tên là Đại Bi, vị thứ hai tên Nhiêu Ích, vị thứ ba là Sư Tử, vị thứ tư tên là Cứu Hộ, cho đến vị cuối cùng tên là Y Vương. Các tội nhân được xá tội chính là một ngàn vị Phật trong Hiền Kiếp, tức Câu Lưu Tôn v.v... và trăm vạn tăng-kỳ các vị đại Bồ Tát, ở chỗ Vô Lượng Tinh Tấn Phật, phát Bồ Đề tâm. Nay họ ở mười phương hành Bồ Tát đạo, giáo hóa chúng sanh. Đây là nói về bốn hạnh.

Lại nói: *“Ta cứu tội nhân xong, xuất gia nơi Pháp Luân Âm Phật, thành tựu khá nhiều pháp môn. Thân sau lần lượt gặp mười tám vị Phật như Pháp Không v.v... đều thân cận cúng dường”*. Đây là nói về sự thăng tấn. Trước hết, nêu ra trong kiếp Thiện Quang có một vạn vị Phật xuất thế, biểu thị trí tuệ vô công dụng, do một mà ứng với vạn. Vị Phật đầu tiên hiệu là Pháp Luân Âm Hư Không Đẳng Vương, biểu thị đức dụng lợi sanh của chánh trí. Vua tên Thắng Quang, biểu thị cái trí thực hiện lòng Từ. Con vua tên Thiện Phục, biểu thị hạnh Từ và Trí. Cõi nước có nhiều kẻ Thập Ác, biểu thị cảnh đời. *“Bèn lập trọng hình, Thái Tử xin cứu”*: Thiện ác đối chiếu. *“Bèn phát từ tâm”, “các đại thần thuở ấy”* và *“các tội nhân được cứu đều thành Phật đạo”*, biểu thị những người do được giáo hóa bởi trí và bi mà thành tựu. *“Đã cứu tội nhân xong, [Thái Tử] đến chỗ Phật xuất gia”*, biểu thị hạnh đã hoàn tất, chẳng nhiễm. *“Thân sau gặp Phật”* biểu thị cái quả thăng tấn khi công hạnh nơi Bát Địa đã hoàn tất. Nương vào bốn trí để dùng một ứng với cả vạn, pháp luân xoay vần rộng rãi, đèn pháp chiếu rộng, dùng trí để hành Từ, dùng Từ để điều phục ác, thành tựu hết thảy chúng sanh. Hạnh hoàn tất, chẳng nhiễm, thì có thể dựa vào đó để tiến nhập cái quả Cửu Địa và Thập Địa vậy!

Kế đó là nhân địa của ngài Diệu Đức. Thuở xưa có Phật xuất thế, hiệu là Tự Tại Công Đức Tràng, phu nhân Hỷ Quang vợ vua Bảo Diễm Nhân là mẹ của Ngài. Thuở đó, Diệu Đức làm nữ mẫu của Phật. Khi đức Phật ấy sanh ra, chư thiên tắm

gội, trao cho nhũ mầu. Nhũ mầu kính cần đỡ lấy, liền đắc Bồ Tát Phổ Nhân tam-muội, thấy trọn khắp mười phương chư Phật. Lại đắc môn giải thoát Nhất Thiết Xứ Thị Hiện Thọ Sanh (thị hiện sanh ra đời trong hết thảy các chỗ) của hàng Bồ Tát. Đây là nhân địa của Ngài. Vị thần ấy sống trong vườn Lam Tỳ Ni (嵐毗尼, Lumbinī), tức là chỗ Phật giáng sanh. Thiện Tài trông thấy, hỏi Ngài tu Bồ Tát hạnh như thế nào mà sanh trong nhà Như Lai? Diệu Đức bèn nói mười loại thọ sanh tạng của Bồ Tát: Một là nguyện thường cúng Phật thọ sanh tạng, hai là nguyện phát Bồ Đề tâm thọ sanh tạng, cho đến mười là nhập Như Lai địa thọ sanh tạng. Nếu Bồ Tát thành tựu pháp này, sẽ được sanh trong nhà Như Lai.

Lại nói: *“Xưa kia, ta phát nguyện, nguyện nhập Tỳ Lô vô lượng thọ sanh hải, do nguyện lực ấy, sanh trong vườn này, chuyên niệm ‘khi nào Bồ Tát sẽ hạ sanh?’ Trải qua một trăm năm, quả nhiên đức Thế Tôn giáng thế”*. Ý nói: Dùng các duyên thù thắng, nạp vào tạng thức, tạo thành thánh thai của dòng giống Phật, thì gọi là Bồ Tát Thọ Sanh. Tới khi công viên, hạnh mãn, Phật quả hiện tiền thì gọi là Bồ Tát Giáng Sanh. Nói *“sau một trăm năm, quả nhiên đức Thế Tôn giáng thế”* biểu thị từ Cửu Địa tiến lên viên thành Thập Địa, Phật quả hiện tiền. Nhưng trước hết, ắt phải nhờ vào duyên thù thắng làm hạt giống, sau đó, sẽ có thể đạt đến Phật quả. Do vậy, ở đây nói đến Bồ Tát thọ sanh, trong phần Thập Nhất Địa nói đức Ma Da sanh ra Phật.

Kế đó là nhân địa của nàng Cù Ba. Hai vị đầu tiên biểu thị từ bi che chở, dưỡng dục. Thiện Tài tìm Cù Ba, tới giảng đường Phổ Hiện Pháp Giới Quang Minh, có chủ cung điện thần hiệu là Vô Ưu Đức, cùng với một vạn đại chúng đến đón tiếp Thiện Tài. Chủ cung điện thần và một vạn đại chúng biểu thị từ bi che chở, dưỡng dục, làm cái Thể của muôn hạnh. Đến đón Thiện Tài, biểu thị lòng Bi nơi Thập Địa đã viên mãn, hạnh khế hợp địa vị, cùng tụ hội trong diệu cảnh Phổ Quang.

Kể đó, hai vị ấy trần thuật cái nhân của chính mình: Xưa kia, khi Bảo Hoa Phật làm quốc vương, đức Thích Ca làm Thái Tử. Lúc đó, Cù Ba là Thái Tử Phi, mới cùng Thái Tử đến gặp Thắng Nhật Như Lai, cúng dường rộng lớn, nghe đức Phật thuyết pháp, liền từ trong hết thấy các pháp đặc biệt tam-muội. Trở về, tâu với phụ vương. Nhà vua nghe nói, vui mừng, cũng đến chỗ Phật, nghe pháp được lợi ích, bèn xin xuất gia, liền được thành tựu hết thấy các pháp môn. Về sau, vua chứng quả, thành Bảo Hoa Phật.

Đối với Thập Địa đã viên mãn, bèn trần thuật cái nhân này, Thái Tử phi biểu thị tùy duyên đại bi. Thái Tử biểu thị cái trí đồng bi. Thắng Nhật Phật biểu thị cái quả của Căn Bản Trí. Bảo Hoa Phật biểu thị cái quả của Hậu Đắc Trí. Thoạt đầu, do Thái Tử Phi và Thái Tử dẫn đến chuyện phụ vương được gặp Thắng Nhật Phật, chứng Phật quả thành Bảo Hoa Phật, nhằm nêu rõ cái hạnh ở nơi đây. Do tùy duyên đại bi ngầm vận dụng trí, bèn phát khởi Hậu Đắc Trí để khế hợp Căn Bản Trí, dung thông thành một đạo. Vạn hạnh trong ngũ vị đã được nói rõ tột cùng ở đây, chẳng hai, chẳng khác.

Cù Ba lại nói: *“Xưa kia, ta cúng dường đức Thắng Nhật Phật. Sau khi Ngài diệt độ, trong thế giới này có sáu mươi ức na-do-tha Phật xuất thế. Ta và nhà vua đều thừa sự, cúng dường”*. Vị Phật thứ nhất hiệu là Thanh Tịnh Thân, cho tới vị Phật cuối cùng tên là Quảng Đại Giải, kể ra năm mươi vị Phật nhằm gồm trọn ngũ vị. Nói “sáu mươi ức Phật” mà nêu tên năm mươi vị, biểu thị tâm Thập Địa đã viên mãn. Do tính gộp cả Thập Tín mà thành lục vị, nhưng chẳng ra ngoài cái quả của ngũ vị. Từ vị Phật tối sơ là Thắng Nhật Phật, cho đến vị Phật cuối cùng là Quảng Đại Giải, biểu thị tướng quả của ngũ vị, bắt đầu từ căn bản phổ quang trí dấy lên, kết thúc bằng môn đại giải thoát của ngài Phổ Hiền. Đầu đuôi chính là lẫn nhau, niệm đầu niệm cuối đều cùng vào lưới Nhân Đà

La^[35] vô tận pháp môn, tức là địa vị tối hậu tốt cùng của Thập Địa.

Trên đây, giải thích về sự vượt thoát Tam Hiền, nhập địa vị Thập Thánh đã xong! Kế đó, giải thích từ Thập Thánh đạt lên Đẳng Giác và Diệu Giác, trước hết là địa vị Đẳng Giác.

3.3.2.5.5. *Thập Nhất Địa tri thức*

Tán rằng: “*Bi chung trí hiện, pháp giới thể viên*” (Bi hoàn tất, trí hiện, Thể của pháp giới viên mãn). Luận phán định phần này là Bi Chung Khởi Trí Thành Phật Môn (悲終起智成佛門). Do trước khi đạt tới Thập Địa, nương vào bốn trí mà trưởng dưỡng lòng Bi. Thập Nhất Địa là công hạnh trưởng dưỡng đã kết thúc, thuần là đại bi làm pháp giới thể, cùng với trí hiện viên mãn. Do vậy:

1) Địa vị đầu tiên, dùng Phật Mẫu Ma Da (摩耶, Maya) biểu thị pháp, nêu bày cái Thể thuần bi, hiển hiện viên mãn trí Phật, tùy ứng lợi sanh.

2) Thiên Chủ Quang (天主光) là con gái vua Chánh Niệm, biểu thị vô nhiễm từ bi trong cái trí vô niệm nơi Thập Nhất Địa, có tác dụng chiếu soi vô vi.

3) Đồng tử Biến Hữu (遍友) chính là thầy của đồng tử Chúng Nghệ, biểu thị trọn khắp mười phương, làm bậc thầy khuôn mẫu cho cõi đời.

4) Đồng tử Chúng Nghệ (眾藝)^[36] có thể giúp đỡ khiến cho pháp môn của Biến Hữu được rõ rệt, biểu thị: Dùng đức năng và tài nghệ để tán trợ hòng thành tựu sự giáo hóa.

5) Ưu-bà-di Hiền Thắng (賢勝): Đối với chánh, tà, cát, hung, toa thuốc, các thuật trong thế gian, [Hiền Thắng] đều thông đạt hết thấy, biểu thị: [Đối với các pháp] khiến cho muôn loài được an ổn, duy trì sanh mạng, chẳng pháp nào

không hiểu rõ. Không hạnh nào chẳng hành, không chúng sanh nào chẳng cứu giúp, lòng từ bi thật sự rộng lớn. Vì thế, có danh hiệu là Hiền Thắng.

6) Kiên Cố Giải Thoát (堅固解脫) biểu thị chẳng chấp trước hết thấy các hạnh công đức, do rộng tu công đức, niệm nào cũng đều chẳng chấp trước, cho nên có tên là Kiên Cố Giải Thoát.

7) Trưởng giả Diệu Nguyệt (妙月) biểu thị bi và trí đều viên mãn, phá trừ sự tăm tối, mê hoặc của thế gian.

8) Trưởng giả Vô Thắng Quân (無勝軍) đắc vô tận tướng giải thoát, nói rõ hết thấy tâm cảnh đều là Như Lai tướng, huyễn sanh các hạnh, có thể thắng hết thấy vô minh ma quân sanh tử tà kiến.

9) Bà-la-môn Pháp Tụ Lạc Tịch Tĩnh (法聚落寂靜), biểu thị trong muôn cảnh như xóm làng âm ỉ của pháp giới, nêu bày pháp chân tịch.

10) Đồng tử Đức Sanh (德生) và đồng nữ Hữu Đức (有德), biểu thị trí và bi đều cùng viên mãn, huyễn trụ trong cõi đời, tự nói: *“Hai người bọn ta chứng đắc Bồ Tát huyễn trụ giải thoát”*, nêu rõ: Hoàn tất Thập Nhất Địa, chứng trí Diệu Giác, chiếu thấu suốt tâm cảnh, thân thang chẳng có mảy trần. Trong pháp giới thanh tịnh, chỉ có một chân trí, do thuận theo trí dụng (tác dụng của trí) mà huyễn sanh hết thấy. Dù là Phật cảnh hay chúng sanh cảnh, thấy đều nương vào trí mà huyễn trụ. Muôn pháp trong thế gian, tánh vốn tự ly, chẳng riêng gì hữu vi có bản thể như huyễn mộng, dầu là quả báo được sanh bởi trí cũng đều là huyễn trụ. Vì thế, kinh nói: *“Ta đắc huyễn trụ giải thoát, thấy hết thấy thế giới đều do nhân duyên huyễn trụ sanh ra. Hết thấy chúng sanh đều do nghiệp lực huyễn trụ dậy khởi”*. Cho đến *“hết thấy Bồ Tát đều do hạnh nguyện huyễn trụ mà thành”*. Soi rõ như thế, [sẽ thấy] phàm và thánh cùng một Thể, vật và ta cùng một nguồn, pháp

nào cũng đều viên dung, vi trần nào cũng đều chẳng ngăn ngại. Mười phương chăm chú nhìn vào, không thể nhân nhượng được. Phản quán trong ấy, chẳng dung vật nào khác, đều là huyền trụ. Do là huyền trụ, do thuận theo trí dụng, vô biên sát hải, đức dụng trọn khắp, mười phương thân và cõi nước, cảnh tượng nhập lẫn nhau, chẳng một, chẳng khác, không đầu, không cuối, trọn khắp pháp giới mà chẳng có đến đi, trải trần kiếp mà chẳng có lâu hay chóng. Do vậy, đạt đến trọn đủ tột cùng hết thấy đức dụng của Hoa Nghiêm, viên dung tự tại, chẳng nhờ điều chi khác để trần thuật, vì đã đắc pháp môn huyền trụ. Do chúng đắc các ảnh tượng huyền diệu này, cho nên thấy rõ lâu các trang nghiêm của đức Từ Thị (Di Lặc), đối với Phật cảnh pháp môn, khế nhập trọn vẹn quả pháp vậy!

Ba vị kế đó, đều là do Thiên Tài gặp gỡ bà Ma Da. Kinh chép: Khi ấy, Thiên Tài muốn gặp bà Ma Da. Lúc đó, chủ thành thân là Bảo Nhân, hiện thân trong không trung, dạy Thiên Tài thủ hộ tâm thành (thành trì nơi tâm), trang nghiêm tâm thành, cho đến trong suốt tâm thành, phong phú, sung mãn tâm thành. Do tích tập hết thấy các thiện pháp mà [Thiên Tài] trừ sạch hết thấy các chương nạn, liền trông thấy thiện tri thức, rốt ráo thành Phật. Lại có thân chúng thân là Liên Hoa Đức tán thán bà Ma Da, liền phóng vô lượng quang, khiến cho Thiên Tài đắc tịnh quang minh nhãn, vĩnh viễn lìa khỏi si ám, cho đến đắc Phổ Kiến Nhãn, trông thấy chư Phật xuất thế trong hết thấy các cõi. Lại có thần thủ hộ pháp đường ở trong hư không, bảo rằng: “*Bồ Tát thành tựu mười pháp và mười tam-muội, sẽ được thân cận thiện tri thức*”. Mười pháp ấy bắt đầu từ tâm thanh tịnh, lìa các thứ siểm nịnh, dối trá, cuối cùng là thấy thấu triệt các pháp, tùy thuận thiện tri thức. Các môn tam-muội bắt đầu từ Pháp Không Thanh Tịnh Luân, cuối cùng là Thiện Tri Vô Hữu Quá Thất (善知無有過失, khéo biết chưa từng có lỗi lầm), [những điều này] đều biểu thị phương

tiện nhập Thập Nhất Địa. Đã có thể thủ hộ tâm thành, khiến cho [tâm thành] thấu triệt, sung túc, lại đắc Tịnh Nhân Phổ Kiến, và trong tâm đã lìa siểm nịnh, dối gạt, hạnh không làm lỗi, tức là Bồ Tát hạnh đã trọn đủ. Vì thế, có thể nhập Thập Nhất Địa.

Kể đó, từ Sư Tử Phật trở đi cho đến nhiều vị Phật được kinh kể ra, cuối cùng [kinh] nói “*nư thế cho đến Lâu Chí Như Lai*”, tức là những vị ở trong Hiền Kiếp sẽ thành Phật trong tam thiên đại thiên thế giới này, bà Ma Da ắt đều là mẹ của các Ngài. Trong đại thiên này là như thế, mà trong vô lượng thế giới hải cũng lại như thế. Ấy là vì đức Ma Da biểu thị Thập Nhất Địa, gộp chung ba pháp Lý, Trí, và đại bi làm Thể, hết thấy chư Phật đều do ba pháp mà sanh. Đối với hai vị sau, khi xưa Tỳ Lô Như Lai làm Đại Oai Đức Luân Vương, đức Ma Da làm đạo tràng thần tên là Từ Đức. Có Ly Cầu Tràng Bồ Tát sắp thành Chánh Giác, có ác ma kéo tới [toan gây chướng ngại], Luân Vương liền hóa ra quân sĩ ủng hộ, Bồ Tát bèn được thành đạo. Từ Đức yêu mến, tôn trọng vị vua ấy, tưởng vua như con ruột của mình, hướng về đức Phật phát nguyện: “*Nguyện vị luân vương này ở bất cứ nơi đâu, cho đến khi thành Phật, tôi thường được làm mẹ Ngài*”. Do nhân duyên ấy, nay là Phật mẫu. Trên đây, giải thích về địa vị Đẳng Giác đã xong. Kể đó là địa vị Diệu Giác.

3.3.2.5.6. Viên Khế Quả Pháp Chúng (圓契果法眾, đại chúng khế nhập trọn vẹn quả pháp)

Tán rằng: “*Huýnh siêu quả vị, bất gián sơ nhân*” (Quả vị vượt trời, cái nhân ban đầu vẫn chẳng gián đoạn). Hoàn tất Thập Nhất Địa, Đức Sanh bảo Thiện Tài đến gặp ngài Di Lặc, biểu thị đã vượt thoát địa vị Đẳng Giác, chứng quả Diệu Giác. Ngài Di Lặc lại bảo Thiện Tài trở lại gặp ngài Văn Thù, biểu thị quả tột cùng có cùng một nhân, đầu và cuối như một, tuy

đã vượt thoát, thật sự chẳng gián cách, khác biệt! Khi ấy, Thiện Tài lại do Văn Thù mà gặp Phổ Hiền, bèn trọn đủ các biển hạnh nguyện Phổ Hiền, bằng với Phổ Hiền, bằng với chư Phật. Hợp chung ba vị này, tạo thành quả pháp viên mãn tột cùng của hết thầy chư Phật, đây là hạnh Tịch và Dụng thường vốn như thế. Do vậy, phần này được phán định là Viên Khê Quả Pháp (khế nhập trọn vẹn quả pháp), tán thán rằng: “*Tịch Dụng thường nhiên*” (Tịch và Dụng thường là như thế). Đây chính là thường đạo “*vong tu tuyệt chứng Phật quả*” trong hai loại thường đạo.

Di Lặc, Văn Thù, Phổ Hiền tuy là thánh hiệu của cô Phật, không một ai là chẳng trọn đủ, há cầu nơi người khác ư? Di Lặc là như thế nào? Quả của Căn Bản Trí trong tự tánh. Văn Thù là như thế nào? Trí thể phổ quang trong tự tánh. Phổ Hiền là gì? Trí dụng sai biệt trong tự tánh. Ba vị ấy vốn là một Thể hội hợp, ở trong Như Lai Tạng của chúng sanh, tùy thuận tình thức mà chuyển biến, hóa thành những căn cơ sai khác. Đại thánh thương xót, nhằm đối trị tình thức ấy, khôi phục cái đã bị biến đổi ấy, cho nên nương vào cái quả của Căn Bản Trí và phổ quang trí thể, dấy lên tác dụng của Sai Biệt Trí, lập ra cách đối trị tập khí cho đến khi hết sạch tập khí, trí sẽ sáng tỏ, công hoàn thành, lòng Bi đã mãn, sẽ là bản thể của ba vị ấy, vô vi, vô tác, rành rành hiện ra viên mãn. Do vậy, sau năm mươi vị [thiện tri thức], riêng lập ra ba vị này, hồng dạy người tu Hoa Nghiêm: Công hoàn tất, hạnh viên mãn, đều có thể chứng ba quả ấy trong tự tánh, chẳng do điều gì khác mà đạt được. Đây là chánh vị để trở về nguồn cội, là cái quả cùng tột vong tu tuyệt chứng. Đức Tỳ Lô đã ban giáo pháp, Thiện Tài làm người dẫn dắt, phát khởi, đều nhằm khiến cho ai nấy đều đạt tới cực quả này. Các hành nhân hãy nên dốc sức mong đạt đến, ngõ hầu chẳng phụ lòng Từ sâu xa dạy bảo, phát khởi, hướng dẫn của các bậc thánh hiền thuở trước. Hãy còn có những vị khác, nhưng không mang tánh chất biểu thị pháp

then chốt, sợ khiến cho giáo ý bị xen tạp, cho nên chẳng nhắc đến (phẩm Nhập Pháp Giới này gồm hai mươi một quyển).

3.3.3. Ngũ Hối Giải (五悔解, giải thích về ngũ hối)

Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên nói: “*Nếu muốn thành tựu công đức vô tận của Như Lai, hãy nên tu mười thứ hạnh nguyện rộng lớn*”. Trong ấy, chính là pháp Ngũ Hối. Kinh chép: “*Nếu tu pháp này, sẽ có thể thành thực hết thấy chúng sanh, tùy thuận Vô Thượng Bồ Đề, thành tựu viên mãn biến hạnh của Phổ Hiền*”. Năm pháp có thể sám hối, trừ diệt năm thứ chướng; vì thế gọi là Ngũ Hối, có nghĩa là hối hận vì đã để cho lòng keo kiệt sanh khởi.

Ai mà không có lỗi, chỉ trừ bậc đã chứng Bất Động Trí là có thể không làm lỗi. Nhưng trí thể bất động bị nghiệp trần tích lũy ngăn chướng, nếu muốn chứng đắc, ắt phải sám trừ, gột rửa, thì sau đó mới hiện ra sáng ngời. Do vậy, có năm pháp, lấy sám hối làm đầu. Trần đã tiêu, giác sẽ tịnh, tâm và Phật sẽ tương ứng. Vì thế, kẻ đó, dùng khuyến thỉnh chư Phật thuyết pháp hòng lợi lạc chúng sanh. Đã nương cậy Phật pháp, hãy nên tùy hỷ. Đối với phước lợi đã đạt được, hãy nên hồi hướng. Do hồi hướng về điều thiện, hãy nên phát đại nguyện. Đây là vì thành thực chúng sanh thành tựu Bồ Đề, viên mãn hạnh Phổ Hiền, công và dụng đều trọn đủ, sẽ do đó mà chứng bất động trí Phật. Vì thế, đối với Phổ Hiền hạnh nguyện, đặc biệt lập ra pháp này. Công phu lễ tụng đã xong, ắt phải vâng theo đó mà tu tập.

Bài kệ sám hối có đoạn: “*Ngã quán năng chiếu pha lê kính*” (Ta quán thấy sự chiếu soi giống như gương pha lê). Trong phẩm Tùy Hảo Quang Minh, các thiên tử hỏi: “*Sám hối trừ diệt các lỗi ác như thế nào?*” Khi ấy, có cái trống trên cõi trời, do sức tam-muội của Bồ Tát, phát ra tiếng bảo rằng: “*Các nghiệp do điên đảo mà sanh, chẳng có trụ xứ, tùy*

theo sự tu tập mà thọ báo ấy”. Ví như có tấm gương pha lê, tên là Năng Chiếu, vô biên hình bóng đều hiện trong đó, nhưng chẳng có dấu tích đến đi. Hết thấy các nghiệp tuy có thể sanh ra quả báo thiện hay ác, chẳng có chỗ đến đi; nếu biết như vậy, sẽ là thật sự sám hối. Hết thấy tội ác thấy đều thanh tịnh.

Ý nói Bốn Giác diệu minh, muôn vật chẳng thể nhiễm. Do cái tâm điên đảo bị hư vọng nhuốm bản, cho nên vĩnh viễn diệt trừ cái tâm điên đảo, hết thấy sẽ thanh tịnh. Kệ Khuyến Thỉnh có đoạn nói: *“Phật chẳng xa người, chỉ có người nhiều lượt chấp lấy Hoặc, tự trái nghịch Phật. Nếu có thể cầu sâu xa, ắt sẽ không lúc nào chẳng hiện”*. Ba bài kệ khác đều chọn từ ý kinh, từ những lời giải trong phần trên, sẽ có thể biết tường tận. Những câu Tam Quy chính là đại ý của một trăm bốn mươi đại nguyện trong phẩm Tịnh Hạnh. Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh Yếu Giải đã xong.

Hoa Nghiêm Kinh Yếu Giải hết

^[1] Chúng tôi dịch theo bản điện tử trong trang Bát Nhã Văn Hải của Báo Ân Phật Võng, không thấy đăng tải phần phụ lục này.

^[2] Kiến Viêm (建炎) là niên hiệu đầu tiên của Tống Cao Tông (Triệu Cấu). Niên hiệu này được sử dụng từ năm 1127 đến năm 1130.

^[3] Kệ ở đây không phải là một bài kệ theo lối thơ như trong kệ tụng, mà chỉ là cách tính độ lớn của tác phẩm theo lối Ấn Độ. Cứ bốn câu, bất luận số chữ bao nhiêu, có vần hay không vần đều gọi là một kệ.

“Đại thiên thế giới vi trần số” là số lượng vi trần trong một tam thiên đại thiên thế giới.

Một Tứ Thiên Hạ là một thế giới, tức bốn đại châu (Đông Thắng Thần Châu, Tây Ngưu Hóa Châu, Nam Thiệm Bộ Châu và Bắc Câu Lô Châu). Do bốn đại châu ở ngay dưới tầng trời thứ nhất (Tứ Vương Thiên), nên gọi chung là Tứ Thiên Hạ.

^[4] Xuân động (蠢動) là ngộ ngoạ, nói “hàm linh xuân động” là chỉ những loài trùng bọ.

[5] “*Sát*” là sát độ, tức cõi Phật. Do số lượng các cõi Phật nhiều không kể xiết nên dùng chữ Hải để hình dung, vì vậy gọi là sát hải (刹海).

[6] Phật sát vi trần: Số lượng vi trần trong một cõi Phật.

[7] Tên các vị ấy là Phổ Hiền, Phổ Đức Tối Thắng Đẳng Quang Chiêu, Phổ Quang Sư Tử Tràng, Phổ Bảo Diệm Diệu Quang, Phổ Âm Công Đức Hải Tràng, Phổ Trí Quang Chiêu Như Lai Cảnh, Phổ Bảo Kế Hoa Tràng, Phổ Giác Duyệt Ý Thanh, Phổ Thanh Tịnh Vô Tận Phước Quang, và Phổ Quang Minh Tướng.

[8] Mười vị Bồ Tát ấy là Hải Nguyệt Quang Đại Minh, Vân Âm Hải Quang Vô Cấu Tạng, Công Đức Bảo Kế Trí Sanh, Công Đức Tự Tại Quang, Thiện Dững Mãnh Liên Hoa Kế, Phổ Trí Vân Nhật Tràng, Đại Tinh Tấn Kim Cang Tê, Hương Diệm Quang Tràng, Đại Minh Đức Thâm Mỹ Âm, và Đại Phước Quang Trí Sanh.

[9] “Luận” ở đây là bộ Tân Hoa Nghiêm Kinh Luận của Lý Trường Giả (Lý Thông Huyền), thường gọi là Hoa Nghiêm Sớ Luận.

[10] Tam Hiền là danh xưng để gọi chung Thập Trụ, Thập Hạnh và Thập Hồi Hương. Thập Thánh là danh xưng để gọi mười địa vị thuộc Thập Địa.

[11] Theo Phật Học Từ Điển, có ba cách hiểu chữ Diện Môn (面門):

1. Toàn bộ khuôn mặt.
2. Phần mặt ở dưới mũi phía trên miệng.
3. Diện môn chính là miệng.

[12] Ý nói trong mỗi địa vị, chẳng hạn như ở đây là Tín vị, do trừ khử phiền não, tập khí mỏng dần theo từng giai đoạn, nên gọi là tăng tấn. Do tăng tấn, trình độ chứng ngộ khác biệt, nên cảnh giới khác biệt, do so sánh về trình độ chứng ngộ khác nhau trong các cảnh giới mà lập ra các danh xưng Sơ Tín, Nhị Tín, Tam Tín v.v...

[13] Thiên kinh địa vĩ (天經地緯) là danh xưng phiếm chỉ những chân lý đương nhiên trong trời đất.

Ngũ Tinh (五星) là Thủy Tinh, Kim Tinh, Hỏa Tinh, Mộc Tinh, và Thổ Tinh. Năm ngôi sao này tương ứng với ngũ hành, và còn có danh xưng khác là Thần Tinh, Thái Bạch, Huỳnh Hoạch, Tuế Tinh và Trấn Tinh.

Ngũ Nhạc (五嶽) là danh xưng để gọi năm rặng núi danh tiếng tại Trung Hoa, tức Đông Nhạc Thái Sơn (thuộc tỉnh Sơn Đông), Tây Nhạc Hoa Sơn (thuộc tỉnh Thiểm Tây), Trung Nhạc Tung Sơn (thuộc tỉnh Hà Nam), Bắc Nhạc Hằng Sơn (thuộc tỉnh Sơn Tây), và Nam Nhạc Hành Sơn (thuộc tỉnh Hồ Nam). Năm rặng núi này phân định ranh giới của Trung Nguyên thời cổ.

[14] Ngũ Thường là nhân, lễ, nghĩa, trí, tín.

Ngũ Tạng là tim, gan, tỳ (bao tử), phổi, thận.

Ngũ Thủ là đầu và tứ chi. Khi nói “*ngũ thủ đầu địa*” (năm vóc gieo xuống đất) chính là đánh lễ, áp trán, hai lòng bàn tay và cánh tay xuống đất, hai gối đặt sát đất.

[15] Để thuận tiện theo dõi cách lập luận ở đây, xin trích dẫn nguyên văn lời hỏi của các vị Bồ Tát được chép trong phẩm Như Lai Danh Hiệu như sau: “*Thời chư Bồ Tát tác thị tư duy: - Nhược Thế Tôn kiến mãn ngã đẳng, nguyện tùy sở nhạo, khai thị Phật sát, Phật trụ, Phật sát trang nghiêm, Phật pháp tánh, Phật sát thanh tịnh, Phật sở thuyết pháp, Phật sát thể tánh, Phật oai đức, Phật sát thành tựu, Phật đại Bồ Đề. Như thập phương nhất thiết thế giới chư Phật Thế Tôn, vị thành tựu nhất thiết Bồ Tát cố, linh Như Lai chủng tánh bất đoạn cố, cứu hộ nhất thiết chúng sanh cố, linh chư chúng sanh vĩnh ly nhất thiết phiền não cố, liễu tri nhất thiết chư hạnh cố, diễn thuyết nhất thiết chư pháp cố, tịnh trừ nhất thiết tạp nhiễm cố, vĩnh đoạn nhất thiết nghi vãng cố, bạt trừ nhất thiết hy vọng cố, diệt hoại nhất thiết ái trước xứ cố, thuyết chư Bồ Tát Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hương, Thập Tạng, Thập Địa, Thập Nguyên, Thập Định, Thập Thông, Thập Đánh, cập thuyết Như Lai địa, Như Lai cảnh giới, Như Lai thần lực, Như Lai sở hạnh, Như Lai lực, Như Lai vô úy, Như Lai tam-muội, Như Lai thần thông, Như Lai tự tại, Như Lai vô ngại, Như Lai nhẫn, Như Lai nhĩ, Như Lai ty, Như Lai thiệt, Như Lai thân, Như Lai ý, Như Lai biện tài, Như Lai trí huệ, Như Lai tối thắng. Nguyện Phật Thế Tôn, diệc vị ngã thuyết*” (Khi ấy, các vị Bồ Tát tư duy như thế này: “Nếu đức Thế Tôn thương xót chúng con, sẽ thuận theo sự ưa thích mà khai thị về Phật sát, Phật trụ, Phật sát trang nghiêm, Phật pháp tánh, Phật sát thanh tịnh, pháp do đức Phật đã nói, thể tánh của cõi Phật, oai đức của Phật, sự thành tựu trong cõi Phật, đại Bồ Đề của Phật. Như chư Phật Thế Tôn trong mười phương hết thấy các thế giới, vì thành tựu hết thấy các Bồ Tát, vì khiến cho chúng tánh Như Lai chẳng đoạn, vì cứu giúp, bảo vệ hết thấy chúng sanh, khiến cho các chúng sanh vĩnh viễn lìa khỏi hết thấy phiền não, vì biết rõ hết thấy các hạnh, vì diễn nói hết thấy các pháp, vì trừ sạch hết thấy các tạp nhiễm, vì vĩnh viễn đoạn hết thấy lưới nghi, vì dẹp trừ hết thấy mong mỏi, diệt tan hết thấy những chỗ yêu đắm, mà nói Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hương, Thập Tạng, Thập Địa, Thập Nguyên, Thập Định, Thập Thông, Thập Đánh của các Bồ Tát và nói đến địa vị Như Lai, cảnh giới Như Lai, thần lực của Như Lai, sở hạnh của Như Lai, Như Lai lực, Như Lai vô úy, tam-muội của Như Lai, thần thông của Như Lai, Như Lai tự tại, Như Lai vô ngại, mắt Như Lai, tai Như Lai, mũi Như Lai, lưỡi Như Lai, thân thể của Như Lai, Như Lai ý, Như Lai biện tài, Như Lai trí huệ, Như Lai tối thắng. Mong đức Phật Thế Tôn cũng vì chúng con mà nói”).

[16] Trong phẩm này, do thần thông của đức Phật, ngoài các vị đại chúng đã hiện diện, từ mười phương có các vị Bồ Tát như sau nhóm đến:

- 1) Văn Thủ Sư Lợi Bồ Tát từ thế giới Kim Sắc của Bất Động Trí Phật ở phương Đông.
- 2) Giác Thủ Bồ Tát từ thế giới Diệu Sắc của Vô Ngại Trí Phật ở phương Nam.
- 3) Tài Thủ Bồ Tát từ thế giới Liên Hoa Sắc của Diệt Ám Trí Phật ở phương Tây.
- 4) Bảo Thủ Bồ Tát từ thế giới Chiêm Bạc Hoa Sắc của Oai Nghi Trí Phật ở phương Bắc.

5) Công Đức Thủ từ thế giới Ưu Bát La Hoa Sắc của Minh Tướng Trí Phật ở phương Đông Bắc.

6) Mục Thủ Bồ Tát từ thế giới Kim Sắc của Cứu Cánh Trí Phật ở phương Đông Nam.

7) Tinh Tấn Thủ Bồ Tát từ thế giới Bảo Sắc của Tối Thắng Trí Phật ở phương Tây Nam.

8) Pháp Thủ Bồ Tát từ thế giới Kim Cang Sắc của Tự Tại Trí Phật ở phương Tây Bắc.

9) Trí Thủ Bồ Tát từ thế giới Pha Lê Sắc của Phạm Trí Phật ở phương dưới.

10) Hiền Thủ Bồ Tát từ thế giới Bình Đẳng Sắc của Quán Sát Trí Phật ở phương trên.

Trên đây, có hai thế giới trùng tên là Kim Sắc ở phương Đông và Kim Sắc ở phương Đông Nam. Thế giới Bình Đẳng Sắc như ngài Giới Hoàn đã viết chính là Diệu Sắc.

^[17] Chúng tôi dịch câu này theo cách diễn giải trong bộ Chú Triệu Luận Sớ của ngài Tuân Thúc. Ngài Tuân Thúc giảng: “*Thánh là người có thể chứng. Thần là trí dụng chẳng thể lường. Thánh trí cũng chẳng xa, bởi từ ngay Tục mà chứng Chân chính là thánh trí chẳng thể lường vậy*”.

^[18] Ở đây, ngài Giới Hoàn lại sử dụng danh hiệu của các vị Bồ Tát được chép trong Lục Thập Hoa Nghiêm tuy đang nói về Bát Thập Hoa Nghiêm.

^[19] Kinh chép một trăm bốn mươi một đại nguyện, nhưng trong các bản chú giải của tông Hoa Nghiêm thường nói tròn thành một trăm bốn mươi nguyện.

^[20] Mười vị Phật được nhắc đến trong bài kệ của Đế Thích là Ca Diếp Phật, Câu Na Mâu Ni, Ca La Cưu Đà, Tỳ Xá Phù, Thi Khí, Tỳ Bà Thi, Phất Sa, Đề Xá, Ba Đầu Ma, và Nhiên Đăng.

^[21] Các vị Bồ Tát, thế giới và Phật hiệu trong hội thứ ba này lần lượt như sau:

1) Pháp Huệ Bồ Tát từ thế giới Nhân Đà La Hoa, Phật hiệu Thủ Đặc Nguyệt.

2) Nhất Thiết Huệ Bồ Tát từ thế giới Ba Đầu Ma Hoa, Phật hiệu Vô Tận Nguyệt.

3) Thắng Huệ Bồ Tát từ thế giới Bảo Hoa, Phật hiệu Bất Động Nguyệt.

4) Công Đức Huệ Bồ Tát từ thế giới Ưu Bát La Hoa, Phật hiệu Phong Nguyệt.

5) Tinh Tấn Huệ Bồ Tát từ thế giới Kim Cang Hoa, Phật hiệu Thủy Nguyệt.

6) Thiện Huệ Bồ Tát từ thế giới Diệu Hương Hoa, Phật hiệu Giải Thoát Nguyệt.

7) Trí Huệ Bồ Tát từ thế giới Duyệt Ý Hoa, Phật hiệu Vô Thượng Nguyệt.

8) Chân Thật Huệ Bồ Tát từ thế giới A Lô Na Hoa, Phật hiệu Tinh Tú Nguyệt.

9) Vô Thượng Huệ Bồ Tát từ thế giới Na La Đà Hoa, Phật hiệu Thanh Tịnh Nguyệt.

10) Kiên Cố Huệ Bồ Tát từ thế giới Hư Không Hoa, Phật hiệu Minh Liễu Nguyệt.

^[22] Đây là một thành ngữ dựa theo thuật ngữ “*bảo phác hàm chân*” (抱樸含真) trong Đạo gia. Theo nghĩa gốc, “*bảo phác hàm chân*” có nghĩa là giữ gìn trọn vẹn tánh thiên chân, nguyên sơ, chẳng xen lẫn hư ngụy, chẳng bị ô nhiễm bởi những thói hư tật xấu. Ở đây, “*hàm chân bảo nhất*” (含真抱一) cũng có ý

nghĩa tương tự, giữ trọn vẹn chân tánh, giữ được nhất tâm, không xen tạp vọng tình hư vọng cũng như các kiến chấp, các tư hoặc.

^[23] Các tầng trời ở lưng chừng núi Tu Di thì gọi là Địa Cư Thiên, các tầng trời vượt ngoài núi Tu Di gọi là Không Cư Thiên.

^[24] Danh hiệu Bồ Tát, thế giới và Phật hiệu của mười vị Bồ Tát trong hội Thập Hạnh là:

- 1) Công Đức Lâm Bồ Tát từ thế giới Thân Huệ của Thường Trụ Nhân Phật.
- 2) Huệ Lâm Bồ Tát từ thế giới Tràng Huệ của Vô Thắng Nhân Phật.
- 3) Thắng Lâm Bồ Tát từ thế giới Bảo Huệ của Vô Trụ Nhân Phật.
- 4) Vô Úy Lâm Bồ Tát từ thế giới Thắng Huệ của Bất Động Nhân Phật.
- 5) Tàm Quý Lâm Bồ Tát từ thế giới Đẳng Huệ của Thiên Nhân Phật.
- 6) Tinh Tấn Lâm Bồ Tát từ thế giới Kim Cang Huệ của Giải Thoát Nhân Phật.
- 7) Lục Lâm Bồ Tát từ thế giới An Lạc Huệ của Thảm Đé Nhân Phật.
- 8) Hạnh Lâm Bồ Tát từ thế giới Nhật Huệ của Minh Tướng Nhân Phật.
- 9) Giác Lâm Bồ Tát từ thế giới Tịnh Huệ của Tối Thượng Nhân Phật.
- 10) Trí Lâm Bồ Tát từ thế giới Phạm Huệ của Cấm Thanh Nhân Phật.

^[25] Mười vị Phật được nhắc đến trong bài tán thán của Đâu Suất Thiên Vương là Vô Ngại Minh, Quảng Trí, Phổ Nhân, San Hô, Luận Sư Tử, Nhật Chiêu, Vô Biên Quang, Pháp Tràng, Trí Đẳng, và Công Đức Quang.

^[26] Cũng giống như trong các hội trước, trong hội Thập Hội Hương cũng có mười vị Bồ Tát đến từ mười thế giới ở mười phương như sau:

- 1) Kim Cang Tràng Bồ Tát từ thế giới Diệu Bảo của Vô Tận Tràng Phật.
- 2) Kiên Cố Tràng Bồ Tát từ thế giới Diệu Lạc của Phong Tràng Phật.
- 3) Dũng Mãnh Tràng Bồ Tát từ thế giới Diệu Ngân của Giải Thoát Tràng Phật.
- 4) Quang Minh Tràng Bồ Tát từ thế giới Diệu Kim của Oai Nghi Tràng Phật.
- 5) Trí Tràng Bồ Tát từ thế giới Diệu Ma Ni của Minh Tướng Tràng Phật.
- 6) Bảo Tràng Bồ Tát từ thế giới Diệu Kim Cang của Thường Tràng Phật.
- 7) Tinh Tấn Tràng Bồ Tát từ thế giới Diệu Ba Đầu Ma của Tối Thắng Tràng Phật.
- 8) Ly Cấu Tràng Bồ Tát từ thế giới Diệu Ưu Bát La của Tự Tại Tràng Phật.
- 9) Tinh Tú Tràng Bồ Tát từ thế giới Diệu Chiên Đàn của Phạm Tràng Phật.
- 10) Pháp Tràng Bồ Tát từ thế giới Diệu Hương của Quán Sát Tràng Phật.

^[27] Danh xưng của các vị Bồ Tát đến từ mười phương trong hội Thập Địa là: Kim Cang Tạng Bồ Tát, Bảo Tạng Bồ Tát, Liên Hoa Tạng Bồ Tát, Đức Tạng Bồ Tát, Liên Hoa Đức Tạng Bồ Tát, Nhật Tạng Bồ Tát, Tô Lợi Da Tạng Bồ Tát, Vô Cấu Nguyệt Tạng Bồ Tát, Ư Nhất Thiết Quốc Độ Phổ Hiện Trang Nghiêm Tạng Bồ Tát, Tỳ Lô Xá Na Trí Tạng Bồ Tát, Diệu Đức Tạng Bồ Tát, Chiên Đàn Đức Tạng Bồ Tát, Hoa Đức Tạng Bồ Tát, Câu Tô Ma Đức Tạng Bồ Tát, Ưu Bát La Đức Tạng Bồ Tát, Thiên Đức Tạng Bồ Tát, Phước Đức Tạng Bồ Tát, Vô Ngại Thanh Tịnh Trí Đức Tạng Bồ Tát, Công Đức Tạng Bồ Tát, Na La Diên Đức Tạng Bồ Tát, Vô Cấu Tạng Bồ Tát, Ly Cấu Tạng Bồ Tát, Chủng Chủng Biện Tài Trang Nghiêm Tạng Bồ Tát, Đại Quang Minh Vô Lượng Tạng Bồ Tát, Tịnh Oai Đức Quang Minh Vương Tạng Bồ Tát, Kim Trang Nghiêm Đại

Công Đức Quang Minh Vương Tạng Bồ Tát, Nhất Thiết Tướng Trang Nghiêm Tịnh Đức Tạng Bồ Tát, Kim Cang Diệm Đức Tướng Trang Nghiêm Tạng Bồ Tát, Quang Minh Diệm Tạng Bồ Tát, Tinh Tú Vương Quang Chiêu Tạng Bồ Tát, Hư Không Vô Ngại Trí Tạng Bồ Tát, Diệu Âm Vô Ngại Tạng Bồ Tát, Đà La Ni Công Đức Trì Nhất Thiết Chúng Sinh Nguyên Tạng Bồ Tát, Hải Trang Nghiêm Tạng Bồ Tát, Tu Di Đức Tạng Bồ Tát, Tịnh Nhất Thiết Công Đức Tạng Bồ Tát, Như Lai Tạng Bồ Tát, Phật Đức Tạng Bồ Tát, và Giải Thoát Nguyệt Bồ Tát.

^[28] Thất Giác Hạnh chính là Thất Giác Chi (Sapta Bodhyanga) trong ba mươi bảy đạo phẩm, còn gọi là Thất Đăng Giác Chi, Thất Biến Giác Chi, Thất Bồ Đề Phần, Thất Giác Phần, Thất Giác Ý, Thất Giác Chí, Thất Giác Chi Pháp... bao gồm Ưc Niệm (Smṛti), Trạch Pháp (Dharma-pravicaya), Tinh Tấn (Viriya), Hỷ Duyệt (Prīti), Khinh An (Prasrabhi), Thiền Định (Samādhi), và Đăng Xả (Upekkhā).

^[29] Hai thánh hiệu được nêu ra trong phẩm này là Tỳ Lô Giá Na Bồ Tát và phu nhân Ma Da.

^[30] “*Nhi ngu*” ở đây là hai cái ngu trong phần trước, tức là cái ngu đối với cách tính toán rộng lớn và cái ngu đối với tùy hảo công đức như đã nói trong phần giảng giải phẩm A Tăng Kỳ.

^[31] Trong phẩm này, các vị Bồ Tát thượng thủ là Phổ Hiền, Phổ Nhân, Phổ Hóa, Phổ Huệ, Phổ Kiến, Phổ Quang, Phổ Quán, Phổ Chiêu, Phổ Tràng, Phổ Giác, có mười bất khả thuyết trăm ngàn ức na-do-tha Phật sát vi trần số Bồ Tát nhóm họp, các Ngài đều cùng tu hạnh nguyện Phổ Hiền.

^[32] Danh hiệu của mười vị Bồ Tát đến từ mười phương trong hội Nhập Pháp Giới là:

1. Tỳ Lô Giá Na Nguyên Quang Minh Bồ Tát đến từ thế giới Kim Đăng Vân Tràng của Tỳ Lô Giá Na Thắng Đức Vương Phật ở phương Đông.
2. Bất Khả Hoại Tinh Tấn Vương Bồ Tát đến từ thế giới Kim Cang Tạng của Phổ Quang Minh Vô Thắng Tạng Vương Phật ở phương Nam.
3. Phổ Thắng Vô Thượng Oai Đức Vương Bồ Tát đến từ thế giới Ma Ni Bảo Đăng Tu Di Sơn Tràng của Pháp Giới Trí Đăng Phật ở phương Tây.
4. Vô Ngại Thắng Tạng Vương Bồ Tát đến từ thế giới Bảo Y Quang Minh Tràng của Chiêu Hư Không Pháp Giới Đại Quang Minh Phật ở phương Bắc.
5. Hóa Hiện Pháp Giới Nguyên Nguyệt Vương Bồ Tát từ thế giới Nhất Thiết Hoan Hỷ Thanh Tịnh Quang Minh Vãng của Vô Ngại Nhân Phật ở phương Đông Bắc.
6. Pháp Huệ Quang Diệm Vương Bồ Tát từ thế giới Hương Vân Trang Nghiêm Tràng của Long Tự Tại Vương Phật ở phương Đông Nam.
7. Tội Phá Nhất Thiết Ma Quân Trí Tràng Vương Bồ Tát từ thế giới Nhật Quang Ma Ni Tạng của Phổ Chiêu Chư Pháp Trí Nguyệt Vương Phật ở phương Tây Nam.

8. Nguyệt Trí Quang Nguyệt Tràng Bồ Tát từ thế giới Tỳ Lô Giá Na Nguyệt Ma Ni Vương Tạng của Phổ Quang Tối Thắng Tu Di Vương Phật ở phương Tây Bắc.

9. Pháp Nhất Thiết Chương Dũng Mãnh Trí Vương Bồ Tát từ thế giới Nhất Thiết Như Lai Viên Mãn Quang Phổ Chiếu của Hư Không Vô Ngại Tướng Trí Tràng Vương Phật ở phương dưới.

10. Pháp Giới Sai Biệt Nguyệt Bồ Tát từ thế giới Thuyết Phật Chứng Tánh Vô Hữu Tận của Phổ Trí Luân Quang Minh Âm Phật ở phương trên.

^[33] Danh ở đây là tên gọi của sự vật, ngôn là từng chữ một.

^[34] “Thuyền sư” có thể hiểu là thuyền trưởng trong hiện thời, hoặc là hoa tiêu, hoặc đơn giản là người thông thạo thủy triều, hướng gió, có thể hướng dẫn phu thuyền chèo chống đến nơi an toàn.

^[35] Nhân Đà La chính là phiên âm của Indra, tức tên gọi của Đế Thích Thiên. Kinh Hoa Nghiêm nói Đế Thích có cái lưới kết bằng các chất báu, mỗi mắt lưới là một viên ma-ni bảo châu, hiện bóng lẫn nhau trùng trùng vô tận.

^[36] Vị thiện tri thức này có tên gọi đầy đủ là Thiện Tri Chứng Nghệ Đồng Tử, cho biết Ngài đã chứng đắc Thiện Tri Chứng Nghệ Bồ Tát Tự Trí môn, thường xưng niệm Hoa Nghiêm Tự Mẫu: “*Khi ta xưng niệm bốn mươi hai tự mẫu, dùng bốn mươi hai môn Bát Nhã Ba La Mật làm đầu, chứng nhập vô lượng vô số Bát Nhã Ba La Mật môn*”. Bốn mươi hai tự mẫu (theo nghi thức tụng niệm Tự Mẫu phổ biến do Tam Tạng Bất Không truyền thừa, hơi khác với cách phiên âm trong kinh Hoa Nghiêm và nghi thức thông dụng. Bản của ngài Bất Không gần với âm Phạn hơn) là: “*A, ra, bả, tả, năng, la, na, ma, noa, sái, phạ, đa, dã, sát tra, ca, sa, mãng, nga, tha, nhạ, tát phạ, đà, xả, khư, cật sái, sa đa, nương, ra tha, bà, sai, sa ma, ha phạ, đá sa, già, tha, nĩnh, tắc ca, dã sa, thất tả, tra, trà*” (Ah, rah, pa, ca, na, la, da, ba, đa, sa, va, ta, ya, sa, ka, sa, ma, ga, tha, ja, sva, dha, sa, kha, ksa, sta, ña, rtha, bha, cha, sma, hva, tsa, gha, tha, ña, ska, ysa, ssa, ta, dha). Xưng tụng Hoa Nghiêm Tự Mẫu rất phổ biến tại Trung Hoa, có một nghi thức riêng, thông thường với mỗi tự mẫu sẽ xưng thành nhiều âm, như với chữ đầu tiên là chữ A sẽ xưng thành: “*A, inh, âng, ông, ô, ao, ai, y, in, an, yin, an, âu, a, xưng A tự thời, phổ nguyện pháp giới chúng sanh, nhập Bát Nhã Ba La Mật môn*”.